

Số: 33 /2021/ TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2021

THÔNG TƯ

Ban hành Chương trình Xóa mù chữ

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Chương trình Xóa mù chữ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Chương trình Xóa mù chữ.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 01 năm 2022 và thay thế Quyết định số 13/2007/QĐ-BGDĐT ngày 3 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Xóa mù chữ và Giáo dục tiếp tục khi biết chữ.

Thông tư này áp dụng đối với các lớp xóa mù chữ tuyển sinh từ thời điểm Thông tư có hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Chức

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD-TNTN&NĐ của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDTX.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hữu Độ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH XÓA MÙ CHỮ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 11 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Chưa

MỤC LỤC

	Trang
I. Phần thứ nhất. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	4
I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH XÓA MÙ CHỮ	4
II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC	5
1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu của học viên	5
2. Yêu cầu cần đạt về năng lực của học viên	7
III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC	10
1. Cấu trúc Chương trình	10
2. Môn học tích hợp	11
3. Bảng tổng hợp kế hoạch giáo dục	11
IV. ĐỊNH HƯỚNG VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC	11
1. Giáo dục ngôn ngữ và văn học	12
2. Giáo dục toán học	12
3. Giáo dục khoa học xã hội	13
4. Giáo dục khoa học tự nhiên	14
5. Giáo dục công nghệ và tin học	14
6. Các chuyên đề học tập	15
V. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC	15
1. Định hướng về phương pháp giáo dục	15
2. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục	16
Phần thứ hai. CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN HỌC	19
MÔN TIẾNG VIỆT	19
MÔN TOÁN	44
MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI	76
MÔN KHOA HỌC	92
MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ	123

Chưa

Phần thứ nhất. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH XÓA MÙ CHỮ

Chương trình Xóa mù chữ cung cấp cho học viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết nhằm

- Giúp học viên hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu với các biểu hiện cụ thể: yêu quê hương, đất nước, có ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, có ý thức, trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và cộng đồng.
- Giúp học viên bước đầu hình thành các năng lực chung, phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe với mức độ căn bản: đọc đúng, trôi chảy văn bản; hiểu được nội dung, thông tin chính của văn bản, liên hệ, so sánh ngoài văn bản; viết đúng chính tả ngữ pháp; viết được một số câu, đoạn, bài văn ngắn; phát biểu rõ ràng; nghe hiểu ý kiến người nói.
- Góp phần hình thành và phát triển năng lực toán học với yêu cầu cần đạt: thực hiện được các thao tác tư duy ở mức độ đơn giản; lựa chọn được các phép toán và công thức số học để trình bày, diễn đạt được các nội dung, ý tưởng, cách thức giải quyết vấn đề; sử dụng được ngôn ngữ toán học, các công cụ, phương tiện học toán đơn giản để thực hiện các nhiệm vụ học tập toán đơn giản.
- Giúp học viên dần hình thành và phát triển năng lực khoa học tự nhiên qua quan sát và thực nghiệm, vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống; biết tôn trọng các quy luật của tự nhiên, biết ứng xử với tự nhiên phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững môi trường và xã hội. Hình thành và phát triển năng lực khoa học xã hội thông qua khả năng nhận thức khoa học xã hội, tìm hiểu xã hội và vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học để tự tìm hiểu, khám phá bản thân, cộng đồng, xã hội, phân tích và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực xã hội.
- Giúp học viên hình thành và phát triển năng lực công nghệ và tin học qua các hoạt động: nhận thức công nghệ; sử dụng công nghệ; sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học tập và tự học.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu của học viên

Chương trình Xóa mù chữ hình thành và phát triển cho học viên những phẩm chất chủ yếu sau: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

Phẩm chất	Biểu hiện
Yêu nước	- Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc; tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa đối với những người có công với quê hương, đất nước. - Có ý thức bảo vệ các di sản văn hoá; chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hoá. - Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với quy định của pháp luật.
Nhân ái	- Yêu thương, quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình; sẵn sàng cảm thông, giúp đỡ, bên vực, chia sẻ với người yếu thế, thiệt thòi (người ốm yếu, khuyết tật, ...), người bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch họa. - Nâng cao ý thức về các đạo lý tốt đẹp của dân tộc “Kính trên, nhường dưới”, “Tôn sư, trọng đạo”. - Tôn trọng danh dự, sức khỏe và cuộc sống riêng tư của người khác. - Không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xúy, không tham gia các hành vi bạo lực. - Tích cực, chủ động tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.

Handwritten signature

Phẩm chất	Biểu hiện
	- Tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam và các dân tộc khác.
Chăm chỉ	- Đi học đầy đủ, đúng giờ; hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập. Ham học hỏi, thích đọc sách, báo để mở rộng hiểu biết. - Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống sinh hoạt, lao động, sản xuất. - Tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia lao động, sản xuất trong gia đình và các công việc chung của cộng đồng.
Trung thực	- Thật thà, ngay thẳng trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày; mạnh dạn nói lên ý kiến của mình. Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm. - Không xâm phạm của công hoặc tài sản riêng (đồ vật, tiền bạc, thông tin, ...) của người thân và những người xung quanh. - Tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người; nhận thức và hành động theo lẽ phải. Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt, điều tốt. - Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống, các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.
Trách nhiệm (với bản thân, gia đình, xã hội và môi trường sống)	- Có ý thức, thói quen giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khoẻ bản thân; sinh hoạt nề nếp. - Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân. Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình. Luôn giữ lời hứa; mạnh dạn nhận lỗi, sửa lỗi. - Có ý thức bảo quản, giữ gìn đồ dùng cá nhân và gia đình. Có ý thức tiết kiệm trong chi tiêu của cá nhân và gia đình. Quan tâm đến các công việc của gia đình.

Handwritten signature

Phẩm chất	Biểu hiện
	- Tự giác thực hiện nghiêm túc và nhắc nhở người thân chấp hành các quy định, quy ước của cộng đồng; chấp hành tốt pháp luật; có ý thức khi tham gia các sinh hoạt cộng đồng, lễ hội tại địa phương; giữ vệ sinh chung, bảo vệ của công. Tích cực tham gia các hoạt động chung của cộng đồng, xã hội. - Không gây mất trật tự, cãi nhau, đánh nhau. Tích cực tham gia, vận động người khác chấp hành đúng các quy định của pháp luật và tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật. - Yêu thiên nhiên; tích cực, chủ động tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên. - Có ý thức giữ vệ sinh môi trường: chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật có ích; sống hoà hợp, thân thiện với thiên nhiên; có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực của học viên

Chương trình Xóa mù chữ hình thành và phát triển cho học viên những năng lực cốt lõi sau:

2.1. Năng lực chung

Những năng lực chung được hình thành, phát triển thông qua các môn học và chuyên đề học tập, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Năng lực chung	Yêu cầu cần đạt
Tự chủ và tự học	- Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không sống dựa dẫm, ỷ lại. Hiểu biết về quyền, nhu cầu cá nhân; biết phân biệt quyền, nhu cầu chính đáng và không chính đáng. Biết khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật. - Luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng. Quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống. Biết tránh các tệ nạn xã hội.

Thư

Năng lực chung	Yêu cầu cần đạt
	- Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong những tình huống mới. - Hiểu được vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội. Biết được một số thông tin chính về các ngành nghề ở địa phương, ngành nghề thuộc các lĩnh vực sản xuất chủ yếu của địa phương. - Tự đặt được mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện; chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ của người khác khi gặp khó khăn trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, trong lao động, sản xuất.
Giao tiếp và hợp tác	- Tiếp nhận được những văn bản về đời sống, tự nhiên và xã hội có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, số liệu. - Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp. - Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận biết được ngữ cảnh giao tiếp và đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp. - Biết cách thiết lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ với người thân và những người xung quanh. - Nhận biết được mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau; có thiện chí dàn xếp và biết cách dàn xếp mâu thuẫn. - Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm. Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân. - Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm. Nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân, của từng thành

Năng lực chung	Yêu cầu cần đạt
	viên trong nhóm và của cả nhóm trong công việc.
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	- Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn. - Biết thu nhận thông tin, nhận dạng và xử lí những vấn đề đơn giản. - Dựa trên hiểu biết đã có, biết hình thành ý tưởng mới đối với bản thân và dự đoán được kết quả khi thực hiện. - Nêu được cách thức giải quyết vấn đề đơn giản theo hướng dẫn; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất. - Lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động phù hợp. - Biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động. Đánh giá được sự phù hợp hay không phù hợp của kế hoạch, giải pháp và việc thực hiện kế hoạch, giải pháp. - Lý giải được những sự vật, hiện tượng xung quanh; không e ngại nêu ý kiến cá nhân trước các thông tin khác nhau về sự vật, hiện tượng.

2.2. Năng lực đặc thù

Những năng lực đặc thù: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ và tin học được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua môn học và chuyên đề học tập.

a) Năng lực ngôn ngữ

Năng lực ngôn ngữ của học viên bao gồm năng lực sử dụng tiếng Việt và được thể hiện qua các hoạt động: nghe, nói, đọc, viết.

Yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ đối với học viên qua mỗi giai đoạn, mỗi kỳ học được quy định trong chương trình môn Tiếng Việt, chuyên đề học tập môn Tiếng Việt.

b) Năng lực tính toán

Năng lực tính toán của học viên được thể hiện chủ yếu qua năng lực toán học; được hình thành, phát triển chủ yếu ở môn Toán;

luu

tập trung ở các hoạt động sau đây: nhận thức kiến thức toán học; tư duy toán học; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Yêu cầu cần đạt về năng lực toán học đối với học viên mỗi giai đoạn, mỗi kỳ học được quy định trong chương trình môn Toán, chuyên đề học tập môn Toán.

c) Năng lực khoa học

Năng lực khoa học của học viên được thể hiện qua các hoạt động sau đây: nhận thức khoa học; tìm hiểu tự nhiên, tìm hiểu xã hội; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Năng lực khoa học được hình thành, phát triển ở các môn học: Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí.

Yêu cầu cần đạt về năng lực khoa học đối với học viên mỗi giai đoạn, mỗi kỳ học được quy định trong chương trình các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí.

d) Năng lực công nghệ và tin học

Năng lực công nghệ của học viên được thể hiện qua các hoạt động sau đây: nhận thức công nghệ; sử dụng công nghệ;

Năng lực tin học của học viên được thể hiện qua các hoạt động sau đây: sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học tập và tự học.

Yêu cầu cần đạt về năng lực công nghệ và tin học đối với học viên mỗi giai đoạn, mỗi kỳ học được quy định trong chương trình môn Khoa học.

III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

1. Cấu trúc Chương trình

Chương trình Xóa mù chữ được chia thành hai giai đoạn

Giai đoạn 1: Gồm 03 môn học (Tiếng Việt, Toán, Tự nhiên và Xã hội). Tổng thời lượng là 1.005 tiết; chia 03 kỳ học (kỳ 1, kỳ 2, kỳ 3).

Giai đoạn 2: Gồm 04 môn học (Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử và Địa lí). Tổng thời lượng là 949 tiết; chia 02 kỳ học (kỳ 4, kỳ 5). Kỳ 5 có các chuyên đề học tập tự chọn, nằm trong tổng thời lượng của môn học.

Tổng thời lượng Chương trình xóa mù chữ là 1.954 tiết.

2. Môn học tích hợp

Môn Tin học và Công nghệ được tích hợp vào môn Khoa học, gồm 110 tiết Khoa học, 50 tiết Công nghệ và 40 tiết Tin học. Nội dung về Tin học chỉ thiết kế dưới dạng các chuyên đề học tập (8 chuyên đề), không có chuyên đề học tập tự chọn.

3. Bảng tổng hợp kế hoạch giáo dục

Môn học	Giai đoạn 1				Giai đoạn 2			Tổng Chương trình
	Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Tổng số	Kỳ 4	Kỳ 5	Tổng số	
Tiếng Việt	260	175	170	605	185	187 (bao gồm chuyên đề học tập)	372	977
Toán	75	95	100	270	135	132 (bao gồm chuyên đề học tập)	267	537
Tự nhiên và Xã hội	-	65	65	130	-		-	130
Khoa học	-	-	-	-	200 (bao gồm chuyên đề tin học, khoa học, công nghệ). 100 tiết/kỳ học		200	200
Lịch sử và Địa lí	-	-	-	-	55	55 (bao gồm chuyên đề học tập)	110	110
Tổng số tiết	335	335	335	1.005	949		949	1.954

IV. ĐỊNH HƯỚNG VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

Căn cứ mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của Chương trình Xóa mù chữ, chương trình mỗi môn học xác định mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và nội dung giáo dục của môn học đó, đảm bảo trang bị cho học viên tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu học tiếp chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở hoặc đáp ứng tốt hơn công việc, nghề nghiệp của bản thân.

1. Giáo dục ngôn ngữ và văn học

Giáo dục ngôn ngữ và văn học được thực hiện chủ yếu ở môn Tiếng Việt; có vai trò quan trọng trong việc bồi dưỡng tình cảm, tư tưởng và hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực cho học viên. Thông qua ngôn ngữ, bồi dưỡng cho học viên những phẩm chất chủ yếu, đặc biệt là tinh thần yêu nước, lòng nhân ái, tính trung thực và ý thức trách nhiệm; hình thành và phát triển cho học viên các năng lực chung và hai năng lực đặc thù là năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học.

Nội dung cốt lõi của môn học bao gồm các mạch kiến thức, kĩ năng cơ bản, thiết yếu về tiếng Việt và văn học; giúp học viên sử dụng tiếng Việt thành thạo để giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống và học tập.

Chương trình được thiết kế theo các mạch chính tương ứng với các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Kiến thức tiếng Việt và văn học được tích hợp trong quá trình dạy học đọc, viết, nói và nghe. Các ngữ liệu được lựa chọn và sắp xếp phù hợp với khả năng tiếp nhận của học viên ở mỗi giai đoạn, mỗi kỳ học.

Ngoài ra ở kỳ 5 chương trình xây dựng các chuyên đề học tập. Các chuyên đề này nhằm tăng cường khả năng dùng từ, viết câu và kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, của học viên.

2. Giáo dục toán học

Giáo dục toán học góp phần hình thành và phát triển cho học viên các phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực toán học, đặc biệt năng lực tính toán (tư duy và lập luận toán học, sử dụng các công cụ và phương tiện học toán; tạo cơ hội để học viên được trải nghiệm, vận dụng toán học vào thực tiễn). Giáo dục toán học tạo lập sự kết nối giữa Toán học với thực tiễn, giữa Toán học với các môn học khác, đặc biệt với các môn Khoa học, Công nghệ, Tin học.

Giáo dục toán học thực hiện ở môn Toán, giúp học viên nắm được một cách có hệ thống các khái niệm, nguyên lí, quy tắc toán học cần thiết nhất cho tất cả mọi người, làm nền tảng cho việc học tập ở các trình độ cao hơn hoặc có thể sử dụng trong lao động, sản xuất, sinh hoạt hằng ngày.

Chương trình môn Toán được thiết kế theo cấu trúc tuyến tính kết hợp với “đồng tâm xoáy ốc” (đồng tâm, mở rộng và nâng cao dần), xoay quanh và tích hợp ba mạch kiến thức: số học, hình học và đo lường, thống kê và xác suất. Yêu cầu học viên có những

thực

kiến thức và kĩ năng toán học cơ bản ban đầu, thiết yếu về: số và phép tính (số tự nhiên, phân số, số thập phân và các phép tính trên những tập hợp số đó); hình học và đo lường (quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng và đặc điểm ở mức độ trực quan của một số hình phẳng và hình khối trong thực tiễn; tạo lập một số mô hình hình học đơn giản; tính toán một số đại lượng hình học; phát triển trí tưởng tượng không gian; giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản gắn với hình học và đo lường với các đại lượng đo thông dụng); thống kê và xác suất (một số yếu tố thống kê và xác suất đơn giản; giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản gắn với một số yếu tố thống kê và xác suất).

3. Giáo dục khoa học xã hội

Mục tiêu của giáo dục khoa học xã hội là góp phần giúp học viên hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi trên cơ sở nắm vững hệ thống tri thức cơ bản về khoa học xã hội, chủ yếu là lịch sử và địa lí; giúp người học hiểu rõ hơn về thế giới mà họ đang sống, sự kết nối, tương tác giữa con người với con người, giữa con người với môi trường xung quanh, giữa dân tộc với thế giới; truyền cảm hứng cho học viên khám phá bản thân, các vấn đề của đất nước, của khu vực và thế giới có liên quan trực tiếp đến cuộc sống; giúp học viên hiểu biết, có tư duy độc lập và sáng tạo. Thông qua giáo dục khoa học xã hội, học viên được hình thành và phát triển năng lực khoa học xã hội (nhận thức khoa học xã hội, tìm hiểu xã hội và vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học để tự tìm hiểu, khám phá bản thân, cộng đồng, xã hội; phân tích và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực xã hội, chính trị và văn hoá trong không gian và thời gian cụ thể).

Giáo dục khoa học xã hội được thực hiện ở môn học Tự nhiên và Xã hội, Lịch sử và Địa lí. Môn học Tự nhiên và Xã hội (phần xã hội) được tổ chức theo các mạch nội dung rất gần gũi với học viên đó là gia đình và cộng đồng địa phương. Môn học Lịch sử và Địa lí được tổ chức theo các mạch chính là đại cương về thế giới, khu vực, Việt Nam và địa phương, bảo đảm cấu trúc sau: quá trình tiến hoá (thời gian, không gian), quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước, kiến tạo nền văn minh - văn hiến của dân tộc Việt Nam; sự phát triển của tiến bộ xã hội và nguyên nhân của hưng thịnh, suy vong qua các thời kì của các quốc gia - dân tộc; các thành tựu chính về kinh tế, xã hội, văn hoá, văn minh; các cá nhân, tập đoàn người trong quan hệ hợp tác, cạnh tranh; điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên; đặc điểm dân cư, đặc điểm quần cư trong các không gian và thời gian lịch sử; cơ cấu và phân bố nền kinh tế; một số chủ đề liên môn kết nối các nội dung của lịch sử, địa lí kinh tế - xã hội, địa lí tự nhiên.

4. Giáo dục khoa học tự nhiên

Bên cạnh vai trò góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cho học viên, giáo dục khoa học tự nhiên có sứ mệnh hình thành và phát triển thế giới quan khoa học ở học viên; đóng vai trò chủ đạo trong việc giáo dục học viên tinh thần khách quan, tình yêu thiên nhiên, tôn trọng các quy luật của tự nhiên để từ đó biết ứng xử với tự nhiên phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững xã hội và môi trường. Giáo dục khoa học tự nhiên giúp học viên dần hình thành và phát triển năng lực khoa học tự nhiên qua quan sát và thực nghiệm, vận dụng tổng hợp kiến thức, kĩ năng để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

Giáo dục khoa học tự nhiên được thực hiện trong môn học Tự nhiên và Xã hội, Khoa học. Giáo dục khoa học tự nhiên tiếp cận một cách đơn giản một số sự vật, hiện tượng phổ biến trong cuộc sống hằng ngày, giúp học viên có nhận thức đầu về thế giới tự nhiên và được tổ chức theo các mạch nội dung như thực vật và động vật, nấm và vi khuẩn, con người và sức khỏe, sinh vật và môi trường, Trái Đất và bầu trời, chất và năng lượng, thể hiện các nguyên lí, quy luật chung của thế giới tự nhiên (tính cấu trúc, sự đa dạng, sự tương tác, tính hệ thống, quy luật vận động và biến đổi), đồng thời từng bước phản ánh vai trò của khoa học tự nhiên đối với sự phát triển xã hội và sự vận dụng kiến thức, kĩ năng về khoa học tự nhiên trong sử dụng và khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững. Các nội dung này được sắp xếp chủ yếu theo logic tuyến tính, kết hợp một số nội dung đồng tâm xoay ốc nhằm hình thành nhận thức về thế giới tự nhiên và khoa học tự nhiên, giúp học viên bước đầu vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học về khoa học tự nhiên trong đời sống.

5. Giáo dục công nghệ và tin học

Giáo dục công nghệ hình thành, phát triển ở học viên năng lực công nghệ với các thành phần sau: nhận thức, giao tiếp, sử dụng công nghệ và thiết kế kĩ thuật; giúp học viên học tập, làm việc hiệu quả trong môi trường công nghệ ở gia đình và xã hội. Với trọng tâm là hình thành và phát triển năng lực thiết kế, giáo dục công nghệ có nhiều cơ hội và lợi thế trong hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Bên cạnh đó, giáo dục công nghệ còn góp phần hình thành và phát triển một số năng lực đặc thù khác như: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực tin học, ...

Giáo dục công nghệ trang bị cho học viên những hiểu biết, kĩ năng phổ thông, cốt lõi về công nghệ; học viên được khám phá

luôn

thế giới kỹ thuật, công nghệ thông qua các chủ đề đơn giản về công nghệ và đời sống, một số sản phẩm công nghệ trong gia đình mà học viên tiếp xúc hằng ngày, an toàn với công nghệ trong nhà; được trải nghiệm thiết kế kỹ thuật, công nghệ thông qua các hoạt động thủ công kỹ thuật, lắp ráp các mô hình kỹ thuật đơn giản.

Giáo dục tin học hình thành, phát triển ở học viên năng lực sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học tập và tự học.

Giáo dục công nghệ và giáo dục tin học được thực hiện thông qua mô đun Công nghệ, mô đun Tin học (được tích hợp nội dung trong môn Khoa học của giai đoạn 2).

Cùng với các nội dung giáo dục khác, giáo dục công nghệ và giáo dục tin học góp phần hình thành, phát triển ở học viên các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung.

6. Các chuyên đề học tập

Chuyên đề học tập là nội dung giáo dục nhằm giúp học viên tăng cường kiến thức và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp của người học.

V. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Định hướng về phương pháp giáo dục

Quan điểm chủ đạo: tổ chức dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm. Tạo cơ hội cho học viên huy động những hiểu biết, kinh nghiệm sẵn có để tham gia hình thành kiến thức mới.

Giáo viên đưa ra các nhiệm vụ học tập với các câu hỏi phù hợp trên cơ sở tổ chức cho học viên quan sát mẫu vật, tranh ảnh, khai thác các nguồn tư liệu hỗ trợ. Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học viên và điều kiện cụ thể. Kết hợp các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại,...) với phương pháp dạy học tích cực (thảo luận, tranh luận, ...).

Thiết kế các tình huống có vấn đề, đặc biệt là những tình huống thường xảy ra trong thực tế, đời sống gắn với môi trường sản

xuất và sinh hoạt của học viên, tạo điều kiện để học viên tham gia tích cực vào việc giải quyết vấn đề của bài học và vận dụng kiến thức đã học vào thực tế đời sống.

2. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục

2.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của học viên nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và những tiến bộ của học viên trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học viên và nâng cao chất lượng giáo dục.

2.2. Phương thức đánh giá

Có 2 phương thức đánh giá kết quả học tập các môn học: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do giáo viên tổ chức; hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá học viên, học viên đánh giá lẫn nhau, học viên tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, giáo viên có thể dựa trên quan sát và ghi chép hằng ngày về học viên, việc học viên trả lời câu hỏi, làm bài kiểm tra,...

Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm cuối mỗi kỳ học và cuối mỗi giai đoạn do cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện chương trình xóa mù chữ. Đánh giá định kì thường thông qua các đề kiểm tra hoặc đề thi viết. Đề thi, kiểm tra có thể yêu cầu hình thức viết tự luận (một hoặc nhiều câu); có thể kết hợp hình thức trắc nghiệm khách quan (có thể giản đơn qua câu hỏi đúng/ sai, hoặc qua việc lựa chọn một trong 2 đến 4 phương án được đưa ra, hoặc bằng cách cho lắp ráp những phần cho sẵn, v.v...). Có thể sử dụng hình thức kiểm tra vấn đáp (để đánh giá nói và nghe) nếu thấy cần thiết và có điều kiện.

2.3. Yêu cầu đánh giá

Đánh giá học viên thông qua đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng được quy định trong chương trình xóa mù chữ; chú trọng khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng của học viên trong những tình huống cụ thể. Việc đánh giá thái độ đối với môn học của học viên được kết hợp trong việc đánh giá kiến thức và kỹ năng.

luat

Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của học viên; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của học viên; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh, không tạo áp lực cho học viên.

Đánh giá thường xuyên bằng nhận xét, đánh giá định kỳ bằng điểm số kết hợp với nhận xét. Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ; giữa đánh giá định tính và định lượng. Đặc biệt coi trọng đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tế đời sống, lao động, sản xuất.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Các chuyên đề học tập thực hiện ở kỳ 5 của Chương trình. Mỗi môn học của giai đoạn 2 thiết kế từ 3-5 chuyên đề học tập. Thời lượng mỗi chuyên đề học tập tương đương từ 5-10 tiết học (tùy theo đặc thù môn học). Các chuyên đề trong mỗi môn học có số tiết như nhau. Học viên bắt buộc chọn 2 chuyên đề/môn học theo nhu cầu. Thời lượng của 2 chuyên đề học tập bắt buộc này nằm trong tổng thời lượng của môn học. Mỗi chuyên đề học tập quy định tối thiểu 50% thời lượng dành cho học viên tự học.

Các chuyên đề học tập về Khoa học và Công nghệ, quy định thời lượng 10 tiết/chuyên đề, thiết kế tối thiểu mỗi nội dung/chủ đề 04 chuyên đề học tập để học viên lựa chọn.

Đối với Tin học, chỉ thực hiện trên lớp ở những nơi có điều kiện tổ chức được (có máy tính và giáo viên). Những nơi có điều kiện tổ chức dạy Tin học, yêu cầu dạy đủ thời lượng quy định 40 tiết, đồng thời học viên được lựa chọn 02 chuyên đề học tập bắt buộc trong nội dung/chủ đề Khoa học và Công nghệ. Những nơi không có điều kiện tổ chức dạy Tin học thì không thực hiện các chuyên đề học tập Tin học, nhưng phải chọn thêm 02 chuyên đề Khoa học và 02 chuyên đề Công nghệ để bù đủ thời lượng 40 tiết của Tin học. Ngoài ra, học viên vẫn phải lựa chọn thêm 02 chuyên đề bắt buộc trong các chuyên đề còn lại của Khoa học và Công nghệ để đảm bảo đủ thời lượng 200 tiết theo quy định của Môn Khoa học.

2. Mỗi môn học có 02 bài kiểm tra, đánh giá định kỳ vào giữa và cuối mỗi kỳ học. Kết quả đánh giá kỳ 3 là kết quả đánh giá giai đoạn 1; kết quả đánh giá kỳ 5 là kết quả đánh giá giai đoạn 2. Thời lượng bài kiểm tra, đánh giá định kỳ quy định từ 01-02 tiết tùy môn học.

3. Thiết bị dạy học để thực hiện Chương trình xóa mù chữ vận dụng theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

4. Thời gian thực hiện và hoàn thành Chương trình xóa mù chữ ở mỗi kỳ học, giai đoạn quy định theo số tiết học. Mỗi tiết học tương đương 35 phút. Tổ chức dạy học xóa mù chữ theo hình thức vừa làm vừa học. Tùy theo tình hình của địa phương và điều kiện của người học để tổ chức theo lớp, nhóm hoặc cá nhân; thời gian học có thể liên tục (từ 2 – 5 buổi/tuần) và từ 3 – 5 tiết/buổi), có thể gián đoạn. Học viên hoàn thành giai đoạn 1 được công nhận Đạt chuẩn biết chữ mức độ 1, hoàn thành giai đoạn 2 được công nhận Đạt chuẩn biết chữ mức độ 2./.

Phần thứ hai. CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN HỌC
MÔN TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU MÔN HỌC

1. Mục tiêu chung

1.1. Giúp học viên hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính. Môn Tiếng Việt giúp học viên bước đầu khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu con người, có đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn; có tình yêu đối với tiếng Việt và văn học; có ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc, góp phần gìn giữ và phát triển các giá trị văn hóa Việt Nam; có tinh thần tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và bước đầu có khả năng hội nhập quốc tế.

1.2. Giúp học viên phát triển các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đặc biệt môn Tiếng Việt giúp học viên phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe với mức độ căn bản.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giúp học viên hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu với các biểu hiện cụ thể: yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương; có tình yêu tiếng Việt và hình thành thói quen giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của tiếng Việt; có ý thức đối với cội nguồn; có hứng thú học tập, có ý thức thực hiện trách nhiệm đối với gia đình, cộng đồng và xã hội; góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2.2. Giúp học viên bước đầu hình thành các năng lực chung, phát triển năng lực ngôn ngữ ở tất cả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe với mức độ căn bản: đọc đúng, trôi chảy văn bản; hiểu được nội dung, thông tin chính của văn bản; liên hệ, so sánh ngoài văn bản; viết đúng chính tả, ngữ pháp; viết được một số câu, đoạn, bài văn ngắn (chủ yếu là bài văn kể và tả); phát biểu rõ ràng; nghe hiểu ý kiến người nói.

Bước đầu hình thành và phát triển năng lực văn học với yêu cầu phân biệt được thơ và truyện, biết cách đọc thơ và truyện; hiểu

Thư viện Pháp luật

và biết xúc động trước cái đẹp, cái thiện của con người và thế giới xung quanh được thể hiện trong các văn bản văn học.

1.3. Giúp học viên hình thành phương pháp học tập, phương pháp tư duy, cách thức vận dụng các kiến thức, kĩ năng thu nhận được làm cơ sở cho việc học tập suốt đời.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Tiếng Việt góp phần hình thành, phát triển ở học viên những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Phần thứ nhất.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

1.1. Năng lực ngôn ngữ

- Đọc đúng, trôi chảy và diễn cảm văn bản; hiểu được nội dung chính của văn bản, chủ yếu là nội dung tường minh; bước đầu hiểu được nội dung hàm ẩn như chủ đề, bài học rút ra từ văn bản đã đọc.

Yêu cầu đọc gồm về kĩ thuật đọc và kĩ năng đọc hiểu. Đối với kỳ 1 và kỳ 2, chú trọng yêu cầu đọc đúng với tốc độ phù hợp và đọc hiểu nội dung đơn giản của văn bản. Đối với kỳ 3, kỳ 4 và kỳ 5, chú trọng nhiều hơn đến yêu cầu đọc hiểu nội dung cụ thể, hiểu chủ đề, hiểu bài học rút ra được từ văn bản.

- Từ kỳ 1 đến kỳ 3, viết đúng chính tả, từ vựng, ngữ pháp; viết được một số câu, đoạn văn ngắn; từ kỳ 4 và kỳ 5 bước đầu viết được bài văn ngắn hoàn chỉnh, chủ yếu là bài văn kể, tả và bài giới thiệu đơn giản.

Viết được văn bản kể lại những câu chuyện đã đọc, những sự việc đã chứng kiến, tham gia, những câu chuyện do học viên liên tưởng, tưởng tượng; miêu tả những sự vật, hiện tượng quen thuộc; giới thiệu về những sự vật và hoạt động gắn gũi với cuộc sống của học viên. Viết đoạn văn nêu những cảm xúc, suy nghĩ của học viên khi đọc một câu chuyện, bài thơ, khi chứng kiến một sự việc gọi cho học viên nhiều cảm xúc; nêu ý kiến về một vấn đề đơn giản trong học tập và đời sống; viết một số kiểu văn bản như: bản tự thuật, tin nhắn, giấy mời, thời gian biểu, đơn từ,...; bước đầu biết viết theo quy trình; bài viết cần có đủ ba phần (mở bài, thân bài, kết bài).

- Trình bày dễ hiểu các ý tưởng và cảm xúc; bước đầu biết sử dụng cử chỉ, điệu bộ thích hợp khi nói; kể lại được một cách rõ ràng câu chuyện đã đọc, đã nghe; biết chia sẻ, trao đổi những cảm xúc, thái độ, suy nghĩ của mình đối với những vấn đề được nói đến; biết thuyết minh về một đối tượng hay quy trình đơn giản.

- Nghe hiểu với thái độ phù hợp và nắm được nội dung cơ bản; nhận biết được cảm xúc của người nói; biết cách phản hồi những gì đã nghe.

1.2. Năng lực văn học

Phân biệt văn bản truyện và thơ (đoạn, bài văn xuôi và đoạn, bài văn vần); nhận biết được nội dung văn bản và thái độ, tình cảm của người viết; bước đầu hiểu được tác dụng của một số yếu tố hình thức của văn bản văn học (ngôn từ, nhân vật, cốt truyện, văn thơ, so sánh, nhân hoá). Biết liên tưởng, tưởng tượng và diễn đạt có tính văn học trong viết và nói.

Đối với kỳ 1, kỳ 2: nhận biết được văn bản nói về ai, về cái gì; nhận biết được nhân vật trong các câu chuyện, văn trong thơ; nhận biết được truyện và thơ.

Đối với kỳ 3, kỳ 4 và kỳ 5: biết cách đọc diễn cảm văn bản văn học; kể lại, tóm tắt được nội dung chính của câu chuyện, bài thơ; nhận xét được các nhân vật, sự việc và thái độ, tình cảm của người viết trong văn bản; nhận biết được thời gian và địa điểm, một số kiểu văn thơ, nhịp thơ, từ ngữ, hình ảnh đẹp, độc đáo và tác dụng của các biện pháp tu từ nhân hoá, so sánh. Hiểu được ý nghĩa hoặc bài học rút ra từ văn bản. Viết được đoạn, bài văn kể chuyện, miêu tả thể hiện cảm xúc và khả năng liên tưởng, tưởng tượng.

III. NỘI DUNG GIÁO DỤC

GIẢI ĐOẠN 1 (605 tiết)

KỠ 1 (260 tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
ĐỌC KĨ THUẬT ĐỌC - Ngồi (hoặc đứng) thẳng lưng; sách, vở mở rộng trên mặt bàn (hoặc trên hai tay). Giữ khoảng cách giữa mắt với sách, vở khoảng 25cm. - Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (có thể đọc chưa thật đúng một số tiếng có vần khó, ít dùng), chữ số (từ 0 đến 9) và các số thường gặp. - Thuộc bảng chữ cái tiếng Việt. - Đọc đúng và rõ ràng đoạn văn hoặc văn bản ngắn. Tốc độ đọc khoảng 30 – 50 tiếng trong 1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu kết thúc câu hay ở chỗ kết thúc dòng thơ.	KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1. Bảng chữ cái tiếng Việt, âm, vần, thanh; chữ và dấu thanh, chữ số; Quy tắc chính tả phân biệt: <i>c</i> và <i>k</i>, <i>g</i> và <i>gh</i>, <i>ng</i> và <i>ngh</i>; Quy tắc viết hoa: viết hoa chữ cái đầu câu, viết hoa tên riêng 2. Vốn từ theo chủ điểm: Từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm gần gũi 3. Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi: đánh dấu kết thúc câu

luat

- Bước đầu biết đọc thầm. - Nhận biết được bìa sách và tên sách. ĐỌC HIỂU Văn bản văn học Đọc hiểu nội dung - Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh. - Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ. Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được hình dáng, hành động của nhân vật thể hiện qua một số từ ngữ trong câu chuyện dựa vào gợi ý của giáo viên. - Nhận biết được lời nhân vật trong truyện dựa vào gợi ý của giáo viên. Liên hệ, so sánh, kết nối - Nêu được nhân vật yêu thích nhất và bước đầu biết giải thích vì sao. Văn bản thông tin Đọc hiểu nội dung - Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản về các chi tiết nổi bật trong văn bản. - Trả lời được câu hỏi: “Văn bản này viết về điều gì?” với sự gợi ý, hỗ trợ của giáo viên. Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được trình tự của các sự việc trong văn bản.	4. Từ xưng hô không dụng khi giao tiếp ở nhà và ở trường; Một số nghi thức giao tiếp thông dụng ở nhà và ở trường: chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, xin phép KIẾN THỨC VĂN HỌC 1. Câu chuyện, bài thơ 2. Nhân vật trong truyện NGŨ LIỆU 1. Văn bản văn học - Truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện ngắn, đoạn văn miêu tả, tục ngữ, ca dao dân ca về gia đình, sức khỏe, lao động sản xuất, môi trường, thiên nhiên, đất nước. - Đoạn thơ, bài thơ (gồm cả đồng dao). Độ dài của văn bản truyện và đoạn văn miêu tả khoảng 90 - 130 chữ, thơ khoảng 50 - 70 chữ. 2. Văn bản thông tin: giới thiệu những sự vật, sự việc gần gũi với học viên. Độ dài của văn bản: khoảng 90 chữ. 3. Gợi ý chọn văn bản: lựa chọn những văn bản có nội dung về đời sống gia đình, văn hóa xã hội, xây dựng nước, bảo vệ tổ quốc.
VIẾT KỸ THUẬT VIẾT - Biết ngồi viết đúng tư thế: ngồi thẳng lưng; hai chân đặt vuông góc với mặt đất; một tay úp đặt lên góc vở, một tay cầm bút; không tì ngực vào mép bàn; khoảng cách giữa	

mắt và vở khoảng 25cm; cầm bút bằng ba ngón tay (ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa). - Viết đúng chữ viết thường, chữ số (từ 0 đến 9); biết viết chữ hoa. - Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng các chữ <i>c, k, g, gh, ng, ngh</i>. - Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 - 35 chữ theo các hình thức nhìn - viết (tập chép), nghe - viết. VIẾT CÂU, ĐOẠN VĂN NGẮN Quy trình viết Bước đầu trả lời được những câu hỏi như: Viết về ai? Viết về cái gì, việc gì? Thực hành viết - Điền được phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời phù hợp với nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe. - Điền được phần thông tin còn trống, viết câu trả lời hoặc viết lại câu đã nói để giới thiệu bản thân dựa trên gợi ý.	4. Các từ ngữ có ý nghĩa tích cực, phù hợp với học viên.
NÓI VÀ NGHE Nói - Nói rõ ràng, nói liền mạch cả câu. Có ý thức khắc phục lỗi phát âm (nếu có). - Trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. - Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe. - Biết giới thiệu ngắn về bản thân, gia đình, đồ vật yêu thích dựa trên gợi ý. Nghe - Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. - Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học.	

- Nghe một câu chuyện và trả lời được các câu hỏi: Ai? Cái gì? Khi nào? Ở đâu?

Nói nghe tương tác

- Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu.
- Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản.

KỲ 2 (175 tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
ĐỌC KỸ THUẬT ĐỌC - Đọc đúng các tiếng (bao gồm cả một số tiếng có vần khó, ít dùng). - Đọc đúng và rõ ràng các đoạn văn, câu chuyện, bài thơ, văn bản thông tin ngắn. Tốc độ đọc khoảng 40 – 60 tiếng trong 1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu, chỗ ngắt nhịp thơ. - Biết đọc thầm. - Nhận biết được thông tin trên bìa sách: tranh minh họa, tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản. - Điền được những thông tin quan trọng vào phiếu đọc sách. ĐỌC HIỂU Văn bản văn học Đọc hiểu nội dung - Biết nêu và trả lời câu hỏi về một số chi tiết nội dung trong văn bản như: Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào? Vì sao? - Hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản đơn giản dựa vào gợi ý. Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được địa điểm, thời gian, các sự việc chính của câu chuyện.	KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1. Vốn từ theo chủ điểm: quan hệ gia đình, kinh tế, thu nhập, bảo vệ sức khỏe, giữ gìn môi trường, ý thức công dân,... 2. Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất; Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than; đánh dấu kết thúc câu; dấu phẩy: tách các bộ phận đồng chức trong câu 3. Hội thoại: lắng nghe, nói theo lượt lời 4. Đoạn văn - Đoạn văn kể lại một sự việc - Đoạn văn miêu tả ngắn, đơn giản theo gợi ý - Đoạn văn nói về tình cảm của mình với những người thân yêu - Đoạn văn giới thiệu loài vật, đồ vật; văn bản hướng dẫn thực hiện một hoạt động,

luu

- Nhận biết được hình dáng, điệu bộ, hành động của nhân vật qua ngôn ngữ và hình ảnh. - Nhận biết được thái độ, tình cảm giữa các nhân vật thể hiện qua hành động, lời thoại. - Nhận biết được vần trong thơ. Liên hệ, so sánh, kết nối Nêu được nhân vật yêu thích nhất và giải thích được vì sao. Văn bản thông tin Đọc hiểu nội dung - Biết nêu và trả lời được câu hỏi về các chi tiết nổi bật của văn bản như: Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào? Vì sao? - Dựa vào gợi ý, trả lời được: Văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý dựa vào gợi ý. Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được một số loại văn bản thông tin đơn giản, thông dụng qua đặc điểm của văn bản: Sơ đồ, biểu bảng đơn giản; mục lục sách, danh sách học viên, thời khoá biểu, thời gian biểu, văn bản giới thiệu loài vật, đồ vật hoặc văn bản hướng dẫn thực hiện một hoạt động. - Nhận biết được trình tự các sự việc, hiện tượng nêu trong văn bản. Liên hệ, so sánh, kết nối - Nêu được các thông tin bổ ích đối với bản thân từ văn bản. - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thể hiện qua nhan đề, hình ảnh minh hoạ và chú thích hình ảnh.	buu thiếp, danh sách, mục lục sách, thời khoá biểu, thời gian biểu 5. Thông tin bằng hình ảnh (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) KIẾN THỨC VĂN HỌC 1. Đề tài (viết về điều gì) 2. Hình dáng, điệu bộ, lời thoại của nhân vật 3. Tình cảm, thái độ giữa các nhân vật 4. Vần trong thơ NGŨ LIỆU 1. Văn bản văn học - Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả - Bài thơ, đồng dao, ca dao, vè, tục ngữ. Độ dài của văn bản: truyện khoảng 180 - 200 chữ, bài miêu tả khoảng 150 - 180 chữ, thơ khoảng 70 - 90 chữ. 2. Văn bản thông tin - Văn bản giới thiệu về loài vật, đồ dùng; văn bản hướng dẫn một hoạt động đơn giản bao gồm cả dạng kí hiệu. - Sơ đồ, biểu bảng đơn giản; danh sách học viên; mục lục sách; thời khoá biểu; thời gian biểu. Độ dài của văn bản: khoảng 110 - 140 chữ.
VIẾT KĨ THUẬT VIẾT - Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa.	

lưu

- Viết hoa chữ cái đầu câu, viết đúng tên người, tên địa lí phổ biến ở địa phương.
- Nghe - viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 50 - 55 chữ. Viết đúng một số từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.

VIẾT ĐOẠN VĂN NGẮN

Quy trình viết

- Xác định được nội dung bằng cách trả lời câu hỏi: “Viết về cái gì?”; viết nháp; dựa vào hỗ trợ của giáo viên, chỉnh sửa được lỗi dấu kết thúc câu, cách viết hoa, cách dùng từ ngữ.

Thực hành viết

- Viết được 4 - 5 câu thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia dựa vào gợi ý.
- Viết được 4 - 5 câu tả/giới thiệu về một đồ vật gần gũi, quen thuộc dựa vào gợi ý.
- Viết được 4 - 5 câu nói về tình cảm của mình đối với người thân hoặc sự việc dựa vào gợi ý
- Viết được bưu thiếp, tin nhắn, lời cảm ơn, lời xin lỗi.

NÓI VÀ NGHE

Nói

- Nói rõ ràng, có thói quen nhìn vào người nghe.
- Biết nói và đáp lại lời chào hỏi, chia tay, cảm ơn, xin lỗi, lời mời, lời đề nghị, chúc mừng, chia buồn, an ủi, khen ngợi, bày tỏ sự ngạc nhiên; đồng ý, không đồng ý, từ chối phù hợp với đối tượng người nghe.
- Kể được một câu chuyện đơn giản (có hình ảnh) đã đọc, nghe, xem.
- Nói ngắn gọn về một câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc theo lựa chọn của cá nhân (tên văn bản, nội dung văn bản, nhân vật yêu thích).

Nghe

- Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói. Đặt được câu hỏi về những gì

3. Gợi ý chọn văn bản: nội dung về đời sống gia đình, văn hóa xã hội, xây dựng đất nước, bảo vệ tổ quốc,...

Handwritten signature

chưa rõ khi nghe. - Nghe một bài thơ hoặc bài hát, dựa vào gợi ý, nói một vài câu nêu cảm nhận của mình về bài thơ hoặc bài hát đó. - Nghe câu chuyện, dựa vào gợi ý, nêu ý kiến về nhân vật chính hoặc một sự việc trong câu chuyện. Nói nghe tương tác - Biết trao đổi trong nhóm về các nhân vật trong một câu chuyện dựa vào gợi ý. - Biết trao đổi trong nhóm về một vấn đề: chú ý lắng nghe người khác, đóng góp ý kiến của mình, không nói chen ngang khi người khác đang nói.	
---	--

KỶ 3 (170 tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
ĐỌC KỸ THUẬT ĐỌC - Đọc đúng các đoạn văn miêu tả, câu chuyện, bài thơ. Tốc độ đọc khoảng 60 – 70 tiếng trong 1 phút. Biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hay chỗ ngắt nhịp thơ. - Đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong một đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật. - Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn kỳ 2. - Đánh dấu được đoạn sách đang đọc. ĐỌC HIỂU Văn bản văn học Đọc hiểu nội dung - Nhận biết được chi tiết và nội dung chính. - Tìm được ý chính của từng đoạn văn dựa trên các câu hỏi gợi ý. - Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản dựa vào gợi ý.	KIẾN THỨC DIỄN VIẾT 1. Cách viết nhan đề văn bản 2. Vốn từ theo chủ điểm: quan hệ gia đình, kinh tế, thu nhập, bảo vệ sức khỏe, giữ gìn môi trường, ý thức công dân,...; Từ có nghĩa giống nhau và từ có nghĩa trái ngược nhau. 3. Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất; Sơ giản về câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm: đặc điểm thể hiện qua dấu câu, qua từ đánh dấu kiểu câu và công dụng của từng kiểu câu; Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật); dấu ngoặc kép

luu

Độc hiểu hình thức - Nhận biết được điệu bộ, hành động của nhân vật qua một số từ ngữ trong văn bản. - Nhận biết được thời gian, địa điểm và trình tự các sự việc trong câu chuyện. - Nhận biết được vần trong thơ. Liên hệ, so sánh, kết nối - Lựa chọn một nhân vật trong tác phẩm đã học hoặc đã đọc, nêu tình cảm và suy nghĩ về nhân vật đó. - Lựa chọn một nhân vật hoặc địa điểm trong tác phẩm đã học hoặc đã đọc, mô tả được nhân vật, địa điểm đó. Văn bản thông tin Độc hiểu nội dung - Trả lời được: Văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý? - Tìm được ý chính của từng đoạn trong văn bản. Độc hiểu hình thức - Nhận biết được một số loại văn bản thông tin thông dụng, đơn giản qua đặc điểm của văn bản: văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 - 3 sự việc, văn bản giới thiệu một đồ vật, thông báo ngắn, tờ khai đơn giản. - Nhận biết được cách sắp xếp thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian. - Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản. Liên hệ, so sánh, kết nối Nêu được những điều học được từ văn bản.	(đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp hoặc lời đối thoại); dấu hai chấm (báo hiệu phần giải thích, liệt kê). 4. Biện pháp từ so sánh: đặc điểm và tác dụng; Sơ giản về đoạn văn và văn bản có nhiều đoạn dấu hiệu nhận biết; Sơ giản về lượt lời thể hiện qua trao đổi nhóm 5. Kiểu văn bản và thể loại - Đoạn văn kể lại câu chuyện đã đọc hoặc một việc đã làm - Đoạn văn miêu tả đồ vật - Đoạn văn chứa cảm xúc, tình cảm - Đoạn văn nêu lí do vì sao mình thích một nhân vật trong câu chuyện - Đoạn văn giới thiệu về đồ vật, văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 - 3 sự việc, thông báo hoặc bản tin ngắn, tờ khai in sẵn 6. Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) KIẾN THỨC VĂN HỌC 1. Bài học rút ra từ văn bản 2. Địa điểm và thời gian 3. Suy nghĩ và hành động của nhân vật NGŨ LIỆU
VIẾT KỸ THUẬT VIẾT - Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa. - Biết viết đúng tên người, tên địa lí Việt Nam	

lưu

- Viết đúng những từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương. - Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn theo hình thức nghe - viết hoặc nhớ viết một bài có độ dài khoảng 65 - 70 chữ, VIẾT ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN Quy trình viết Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); hình thành một vài ý lớn; viết thành đoạn văn; chỉnh sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, dấu câu, viết hoa) dựa vào gợi ý. Thực hành viết - Viết được đoạn văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến, tham gia. - Viết được đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật. - Viết được đoạn văn ngắn nêu tình cảm, cảm xúc về con người, cảnh vật dựa vào gợi ý. - Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân, nêu được những thông tin quan trọng như: họ và tên, ngày sinh, nơi sinh, sở thích, ước mơ của bản thân. - Viết được thông báo hay bản tin ngắn theo mẫu; điền được thông tin vào một số tờ khai in sẵn; viết được thư cho người thân hay bạn bè.	1. Văn bản văn học - Truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả - Bài thơ, đồng dao, ca dao, vè Độ dài của văn bản: truyện khoảng 200 - 250 chữ, bài miêu tả khoảng 180 - 200 chữ, thơ khoảng 80 - 100 chữ. 1. Văn bản thông tin - Văn bản giới thiệu một đồ vật, văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 - 3 sự việc - Thông báo ngắn, tờ khai in sẵn Độ dài của văn bản: khoảng 120 - 150 chữ 3. Gợi ý chọn văn bản: nội dung về đời sống gia đình, văn hóa xã hội, xây dựng đất nước, bảo vệ tổ quốc,...
NÓI VÀ NGHE Nói - Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích nói và đề tài được nói tới; có thái độ tự tin và có thói quen nhìn vào người nghe, biết tránh dùng từ ngữ kém văn hoá. - Biết phát biểu ý kiến trước nhóm, tổ, lớp; giới thiệu các thành viên, các hoạt động của nhóm, tổ, lớp. - Nói được về một con người, đồ vật, vật nuôi dựa vào gợi ý. - Kể được một câu chuyện đơn giản đã đọc, nghe hoặc xem (có sự hỗ trợ, gợi ý); Nghe - Chú ý nghe người khác nói. Đặt được những câu hỏi có liên quan để hiểu đúng nội	

Handwritten signature

dung đã nghe.

Nói nghe tương tác

- Chú ý lắng nghe, tập trung vào vấn đề trao đổi, không nói lạc đề.
- Biết nói chuyện qua điện thoại với cách mở đầu và kết thúc phù hợp; lắng nghe để hiểu đúng thông tin; nói rõ ràng và tỏ thái độ thích hợp; tập trung vào mục đích cuộc nói chuyện

GIẢI ĐOẠN II
KỲ 4 (185 tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
ĐỌC KỸ THUẬT ĐỌC - Đọc đúng các văn bản truyện, kịch, thơ, văn bản miêu tả. Tốc độ đọc khoảng 70 – 80 tiếng trong 1 phút. - Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn kỳ 3 - Sử dụng được từ điển học sinh để tìm từ và nghĩa của các từ ngữ mới. ĐỌC HIỂU Văn bản văn học Đọc hiểu nội dung - Nhận biết được một số chi tiết và nội dung chính của văn bản; dựa vào gợi ý hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản. - Tóm tắt được văn bản truyện đơn giản. Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, lời thoại.	KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1. Quy tắc viết tên riêng của cơ quan, tổ chức 2. Vốn từ theo chủ điểm; Công dụng của từ điển, cách tìm từ và nghĩa của từ trong từ điển; Nghĩa của một số thành ngữ dễ hiểu; Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; Tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ trong việc biểu đạt nghĩa 3. Danh từ, động từ, tính từ: đặc điểm và chức năng; Danh từ riêng và danh từ chung: đặc điểm và chức năng; Câu và thành phần chính của câu: đặc điểm và chức năng; Trạng ngữ của câu: đặc điểm và chức năng (bổ sung thông tin); Công

Handwritten signature

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
- Nhận biết được trình tự sắp xếp các sự việc trong câu chuyện theo quan hệ nhân quả. - Nhận biết được quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện thể hiện qua cách xưng hô. - Nhận biết được hình ảnh trong thơ, lời thoại trong văn bản kịch Liên hệ, so sánh, kết nối - Nêu được tình cảm, suy nghĩ của bản thân sau khi đọc văn bản. Văn bản thông tin Đọc hiểu nội dung - Nhận biết được những thông tin chính trong văn bản. - Biết tóm tắt văn bản. Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được đặc điểm của một số loại văn bản thông dụng, đơn giản: văn bản chỉ dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc cách làm, cách sử dụng một sản phẩm; thư thăm hỏi, thư cảm ơn hoặc xin lỗi; đơn (xin nghỉ học, xin nhập học); giấy mời, báo cáo công việc - Nhận biết được bố cục của một văn bản thông tin thông thường: phần đầu, phần giữa (chính) và phần cuối. Liên hệ, so sánh, kết nối - Nêu được một vấn đề có ý nghĩa đối với bản thân hay cộng đồng được gợi ra từ văn bản đã đọc. - Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản (văn bản in hoặc văn bản điện tử).	dụng của dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu ý liệt kê); dấu gạch nối (nối các từ ngữ trong một liên danh); dấu ngoặc kép (đánh dấu tên của một tác phẩm, tài liệu); dấu ngoặc đơn (đánh dấu phần chú thích) 4. Biện pháp tu từ nhân hoá: đặc điểm và tác dụng; Câu chủ đề của đoạn văn: đặc điểm và chức năng; Cấu trúc ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) của văn bản: đặc điểm và chức năng của mỗi phần 5. Kiểu văn bản và thể loại - Bài văn kể lại một sự việc bản thân đã chứng kiến; bài văn kể lại câu chuyện, có kèm tranh minh hoạ - Bài văn miêu tả: bài văn miêu tả con vật, cây cối - Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một nhân vật - Đoạn văn nêu ý kiến về một câu chuyện, nhân vật hay một sự việc, nêu lí do vì sao có ý kiến như vậy - Văn bản hướng dẫn các bước thực hiện một công việc; giấy mời, đơn, thư, báo cáo
VIẾT KĨ THUẬT VIẾT	

Thư

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
Viết đúng các tên riêng của tổ chức, cơ quan. VIẾT ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN Quy trình viết - Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn, bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả). - Viết đoạn văn, bài văn thể hiện chủ đề, ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản; có mở đầu, triển khai, kết thúc; Thực hành viết - Viết được bài văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến (nhìn, xem) hoặc tham gia và chia sẻ suy nghĩ, tình cảm của mình về sự việc đó. - Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe dựa vào câu chuyện đã đọc, đã nghe. - Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của bản thân về một người gần gũi, thân thiết. - Viết được văn bản ngắn hướng dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc làm, sử dụng một sản phẩm gồm 2 - 3 bước. - Viết được báo cáo thảo luận nhóm, đơn theo mẫu, thư cho người thân, bạn bè.	công việc 6. Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) KIẾN THỨC VĂN HỌC 1. Chủ đề 2. Đặc điểm nhân vật 3. Hình ảnh trong thơ 4. Lời thoại trong kịch bản văn học NGŨ LIỆU 1. Văn bản văn học - Truyện cổ, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả - Đoạn thơ, bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ - Kịch bản văn học Độ dài của văn bản: truyện, kịch bản khoảng 280 - 330 chữ, bài miêu tả khoảng 200 - 250 chữ, thơ khoảng 100 - 120 chữ 1. Văn bản thông tin - Văn bản chỉ dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc cách làm, cách sử dụng một sản phẩm - Giấy mời - Thư thăm hỏi, thư cảm ơn, thư xin lỗi
NÓI VÀ NGHE Nói - Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích và đề tài; có thái độ tự tin; biết kết hợp cử chỉ, điệu bộ để tăng hiệu quả giao tiếp. - Nói được về một đề tài có sử dụng các phương tiện hỗ trợ (ví dụ: tranh ảnh, sơ đồ,...). - Kể lại được một sự việc đã tham gia và chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ về sự việc đó.	

chưa

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
- Trình bày được lí lẽ để củng cố cho một ý kiến hoặc nhận định về một vấn đề gần gũi với đời sống. Nghe - Nghe và hiểu chủ đề, những chi tiết quan trọng trong câu chuyện. - Ghi lại được những nội dung quan trọng khi nghe ý kiến phát biểu của người khác. Nói nghe tương tác - Thực hiện đúng những quy định trong thảo luận: nguyên tắc luân phiên lượt lời, tập trung vào vấn đề thảo luận. - Biết đóng góp ý kiến trong việc thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm hoặc một nhiệm vụ mà nhóm, lớp phải thực hiện.	- Đơn (xin nghỉ học, xin nhập học) - Báo cáo công việc Độ dài của văn bản: khoảng 150 - 180 chữ 3. Gợi ý chọn văn bản: nội dung về đời sống gia đình, văn hóa xã hội, xây dựng đất nước, bảo vệ tổ quốc,...

KỲ 5 (187 tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
ĐỌC KỸ THUẬT ĐỌC - Đọc đúng các văn bản truyện, kịch bản, bài thơ, bài miêu tả. Tốc độ đọc khoảng 80 - 90 tiếng trong 1 phút. - Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn kỳ 4 - Sử dụng được một số từ điển tiếng Việt thông dụng để tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác. - Ghi chép được vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay. ĐỌC HIỂU Văn bản văn học Đọc hiểu nội dung	KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1. Quy tắc viết tên người, tên địa lí nước ngoài; Một số trường hợp viết hoa danh từ chung để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt 2. Vốn từ theo chủ điểm; Từ điển: cách tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác; Nghĩa của một số thành ngữ để miêu, thông dụng; Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng, “đồng âm khác nghĩa”; Từ đồng nghĩa: đặc điểm và tác dụng; Từ đa nghĩa và nghĩa của từ đa nghĩa trong văn bản.

thư

- Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính của văn bản.
- Biết tóm tắt văn bản.
- Hiểu chủ đề của văn bản.

Đọc hiểu hình thức

- Nhận biết được văn bản viết theo tưởng tượng và văn bản viết về người thật, việc thật.
- Nhận biết được thời gian, địa điểm trong câu chuyện.

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nêu những điều học được từ câu chuyện, bài thơ, màn kịch; lựa chọn điều tâm đắc nhất.

Văn bản thông tin

Đọc hiểu nội dung

- Nhận biết được những chi tiết tiêu biểu và các thông tin chính của văn bản.
- Dựa vào nhan đề và các đề mục lớn, xác định được đề tài, thông tin chính của văn bản.
- Biết tóm tắt văn bản.

Đọc hiểu hình thức

- Nhận biết được mục đích và đặc điểm của văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu sách hoặc phim; văn bản quảng cáo, văn bản chương trình hoạt động.
- Nhận biết được bố cục (phần đầu, phần giữa (chính), phần cuối) và các yếu tố (nhan đề, đoạn văn, câu chủ đề) của một văn bản thông tin đơn giản.
- Nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian
- Nhận biết được vai trò của hình ảnh, kí hiệu hoặc số liệu trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản (văn bản in hoặc văn bản điện tử).

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Nêu được những thay đổi trong hiểu biết, tình cảm, cách ứng xử của bản thân sau khi đọc văn bản.

3. Đại từ và viết từ: đặc điểm và chức năng; Câu đơn và câu ghép: đặc điểm và chức năng; Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu); dấu gạch nối (nối các tiếng trong những từ mượn gồm nhiều tiếng)

4. Biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ: đặc điểm và tác dụng; Liên kết giữa các câu trong một đoạn văn, một số biện pháp liên kết câu và các từ ngữ liên kết: đặc điểm và tác dụng

5. Kiểu văn bản và thể loại

- Bài văn viết lại phần kết thúc dựa trên một truyện kể
- Bài văn tả người, phong cảnh
- Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện
- Đoạn văn nêu ý kiến về một hiện tượng xã hội
- Bài văn giải thích về một hiện tượng tự nhiên, bài giới thiệu sách hoặc phim, báo cáo công việc, chương trình hoạt động, có sử dụng bảng biểu; văn bản quảng cáo (tờ

thực

VIẾT**KỸ THUẬT VIẾT**

Biết viết hoa danh từ chung trong một số trường hợp đặc biệt khi muốn thể hiện sự tôn kính.

VIẾT ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN**Quy trình viết**

- Biết viết theo các bước: xác định mục đích và nội dung viết (viết để làm gì, về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính, lập dàn ý cho bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).
- Viết được đoạn văn, văn bản thể hiện rõ ràng và mạch lạc chủ đề, thông tin chính; có mở đầu, triển khai, kết thúc.

Thực hành viết

- Viết được bài tả người, phong cảnh có những từ ngữ gọi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả.
- Viết được đoạn văn nêu lí do vì sao tán thành hoặc phản đối về một hiện tượng, sự việc có ý nghĩa trong cuộc sống.
- Viết được đoạn văn giới thiệu về văn hóa, phong tục, sản vật địa phương,...
- Viết được báo cáo công việc, chương trình hoạt động, có sử dụng bảng biểu

NÓI VÀ NGHE**Nói**

- Điều chỉnh được lời nói (từ ngữ, tốc độ, âm lượng) cho phù hợp với người nghe. Trình bày ý tưởng rõ ràng, có cảm xúc; có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng lời nói, cử chỉ, điệu bộ thích hợp.
- Sử dụng được các phương tiện hỗ trợ phù hợp để tăng hiệu quả biểu đạt.
- Biết dựa trên gợi ý, giới thiệu về một di tích, một địa điểm tham quan hoặc một địa chỉ

roi, áp phích,...

6. Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ).

KIẾN THỨC VĂN HỌC

1. Chủ đề
2. Chuyện có thật và chuyện tưởng tượng
3. Chi tiết, thời gian, địa điểm trong câu chuyện; hình ảnh trong thơ
4. Kết thúc câu chuyện

NGŨ LIỆU

1. Văn bản văn học
 - Truyện dân gian, truyện ngắn, đoạn (bài) văn miêu tả
 - Bài thơ, đoạn thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ

Độ dài của văn bản: truyện khoảng 300 - 350 chữ, bài miêu tả khoảng 200 - 250 chữ, thơ khoảng 110 - 130 chữ
2. Văn bản thông tin
 - Văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên.
 - Văn bản giới thiệu sách, phim
 - Chương trình hoạt động; quảng cáo

Độ dài của văn bản: khoảng 230 chữ
3. Gợi ý chọn văn bản: nội dung về đời sống gia đình, văn hóa xã hội, xây dựng

Thư

vui chơi. Nghe - Biết vừa nghe vừa ghi những nội dung quan trọng từ ý kiến của người khác. Nói nghe tương tác Biết thảo luận về một vấn đề có các ý kiến khác biệt; biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại, biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận, thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự khi trình bày ý kiến trái ngược với người khác	đầy nước, bảo vệ tổ quốc,...
--	------------------------------

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP (5 tiết/1 chuyên đề)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
Chuyên đề 1: Chữa một số lỗi phát âm thường gặp	
- Phát hiện ra một số lỗi phát âm thường gặp - Nhận biết và lý giải được nguyên nhân dẫn đến một số lỗi phát âm thường gặp - Biết cách chữa một số lỗi phát âm thường gặp	1. Một số lỗi phát âm thường gặp 2. Nguyên nhân dẫn đến một số lỗi phát âm thường gặp 3. Cách chữa một số lỗi phát âm thường gặp
Chuyên đề 2: Cách sửa một số lỗi chính tả thường gặp	
- Ghi nhớ một số quy tắc viết chính tả trong tiếng Việt - Xác định được một số lỗi chính tả thường gặp - Biết cách sửa một số lỗi chính tả thường gặp	1. Một số quy tắc viết chính tả trong tiếng Việt 2. Một số lỗi chính tả thường gặp 3. Cách sửa một số lỗi chính tả thường gặp
Chuyên đề 3: Chữa một số lỗi dùng từ thông thường	
- Ghi nhớ một số yêu cầu của việc dùng từ - Nhận biết được một số lỗi dùng từ thông thường - Biết cách chữa một số lỗi dùng từ thông thường	1. Một số yêu cầu về dùng từ 2. Một số lỗi về từ thông thường 3. Cách chữa một số lỗi về từ thông thường
Chuyên đề 4: Chữa một số lỗi viết câu thông thường	
- Ghi nhớ một số yêu cầu về câu trong văn bản	1. Một số yêu cầu về câu trong văn bản

Thư

- Nhận biết được một số lỗi viết câu thông thường - Biết cách chữa một số lỗi dùng từ thông thường	2. Một số lỗi câu sai thông thường 3. Cách chữa một số lỗi câu sai thông thường
Chuyên đề 5: Hướng dẫn điền, hoàn thiện một số văn bản mẫu hiện hành	
- Hiểu yêu cầu trong một số văn bản mẫu hiện hành - Biết cách điền, hoàn thiện nội dung cần thiết vào một số văn bản mẫu hiện hành	1. Yêu cầu trong một số văn bản mẫu hiện hành 2. Cách điền, hoàn thiện nội dung cần thiết vào một số văn bản mẫu hiện hành

IV. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Phương pháp giáo dục

1.1. Định hướng chung

- Chương trình lấy tư tưởng dạy học tập trung vào người học, phát huy tính tích cực, chủ động của học viên trong học tập làm phương châm trong việc thực hiện phương pháp dạy học.

- Đối với người lớn, cần chú trọng việc học qua thực hành, trải nghiệm, rèn luyện theo mẫu và thảo luận. Người lớn đã tiếp nhận tiếng Việt một cách tự nhiên trong môi trường xã hội qua các giai đoạn trưởng thành cho nên dạy học tiếng cho người lớn là cố gắng giúp họ ý thức được cách tổ chức của tiếng nói đó và cách sử dụng nó một cách có ý thức (không chỉ hoàn toàn tự nhiên). Việc này được thực hiện chủ yếu bằng cách phân tích ngữ liệu và đối chiếu những hiện tượng giống nhau (hiện tượng đồng âm, đồng nghĩa), những hiện tượng khác nhau (hiện tượng trái nghĩa, nhiều nghĩa) của bản thân hệ thống tiếng Việt và sử dụng tiếng Việt trong những tình huống khác nhau.

1.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các năng lực đặc thù

a) Phương pháp dạy đọc

Mục đích chủ yếu của dạy đọc là giúp học viên biết đọc và tự đọc được văn bản; thông qua đó mà bồi dưỡng, giáo dục phẩm chất, nhân cách của học viên. Đối tượng đọc gồm văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin. Mỗi kiểu văn bản có những đặc điểm riêng, vì thế cần có cách dạy đọc hiểu văn bản phù hợp.

- Dạy đọc hiểu văn bản nói chung: Yêu cầu học viên đọc trực tiếp toàn bộ văn bản, chú ý quan sát các yếu tố hình thức của văn

Handwritten signature

bản, từ đó có ấn tượng chung và tóm tắt được nội dung chính của văn bản; tổ chức cho học viên tìm kiếm, phát hiện, phân tích, suy luận ý nghĩa các thông tin chính trong văn bản; hướng dẫn học viên liên hệ, so sánh giữa các văn bản, kết nối văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội, kết nối văn bản với trải nghiệm cá nhân học viên,... để hiểu giá trị của văn bản, biết vận dụng, chuyển hoá những giá trị ấy thành niềm tin và hành vi ứng xử của cá nhân trong cuộc sống hằng ngày.

- Dạy đọc hiểu văn bản văn học: Văn bản văn học cũng là một loại văn bản, nên dạy đọc hiểu văn bản văn học cũng cần tuân thủ cách đọc hiểu văn bản nói chung. Tuy nhiên, văn bản văn học có những đặc điểm riêng vì thế giáo viên tổ chức cho học viên tìm hiểu, giải mã văn bản văn học theo một quy trình phù hợp với đặc trưng của văn bản nghệ thuật.

Phương pháp dạy đọc phải tập trung kích hoạt việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc. Hướng dẫn và khích lệ học viên chủ động, tự tin trong tiếp nhận tác phẩm; biết so sánh đối chiếu, liên hệ mở rộng, huy động vốn hiểu biết cá nhân, sử dụng trải nghiệm cuộc sống của bản thân để đọc hiểu, trải nghiệm văn học, phát hiện những giá trị đạo đức, văn hoá và triết lí nhân sinh, từ đó biết vận dụng, chuyển hoá thành giá trị sống. Khi dạy học đọc hiểu, giáo viên có những gợi ý, nhưng không lấy việc phân tích, bình giảng của mình thay thế cho những suy nghĩ của học viên; tránh đọc chép và hạn chế ghi nhớ máy móc. Sử dụng đa dạng các loại câu hỏi ở những mức độ khác nhau để thực hiện dạy học phân hóa và hướng dẫn học viên đọc hiểu văn bản, hình thành kĩ năng đọc.

Tuỳ vào đối tượng học viên ở từng giai đoạn và thể loại của văn bản văn học mà vận dụng các phương pháp, kĩ thuật và hình thức dạy học đọc hiểu cho phù hợp như: đọc phân vai, kể chuyện, đóng vai để giải quyết một tình huống, sử dụng câu hỏi, hướng dẫn ghi chép trong tiến trình đọc bằng các phiếu ghi chép, phiếu học tập, nhật kí đọc sách, tổ chức cho học viên thảo luận về văn bản,... Một số phương pháp dạy học khác như đàm thoại, vấn đáp, diễn giảng, nêu vấn đề,... cũng cần được vận dụng một cách phù hợp theo yêu cầu phát triển năng lực cho học viên.

b) Phương pháp dạy viết

Mục đích của dạy viết là rèn luyện tư duy và cách viết, qua đó mà giáo dục phẩm chất và phát triển nhân cách của học viên. Vì thế khi dạy viết, giáo viên chú trọng yêu cầu tạo ra ý tưởng và biết cách trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, sáng tạo và có sức thuyết phục.

Giáo viên tập trung vào yêu cầu hướng dẫn học viên các bước tạo lập văn bản, thực hành viết theo các bước và đặc điểm của kiểu văn bản. Thông qua thực hành, giáo viên hướng dẫn học viên phân tích các văn bản ở phần đọc hiểu và văn bản bổ sung để nắm

thực

được đặc điểm của các kiểu văn bản, quy trình tạo lập văn bản; sử dụng các câu hỏi giúp học viên xác định được mục đích và nội dung viết; giới thiệu các nguồn tư liệu, hướng dẫn cách tìm ý tưởng và phác thảo dàn ý; hướng dẫn học viên viết văn bản; tự chỉnh sửa và trao đổi dựa trên các tiêu chí đánh giá bài viết.

Nội dung dạy viết có hai yêu cầu: dạy kỹ thuật viết và dạy viết đoạn văn, văn bản. Dạy kỹ thuật viết (tập viết, chính tả) chủ yếu sử dụng phương pháp thực hành theo mẫu. Dạy viết đoạn văn, bài văn một cách linh hoạt, có thể sử dụng các phương pháp như rèn luyện theo mẫu, đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, viết sáng tạo,...

Giáo viên sử dụng những phương pháp như phân tích mẫu, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, gợi mở,... để hướng dẫn học viên hình thành dàn ý, lựa chọn cách triển khai, diễn đạt; tổ chức cho học viên thực hành viết văn bản, có thể viết từng phần: mở bài, kết bài, một hoặc một số đoạn trong thân bài.

Tổ chức dạy viết đoạn và bài văn thường gồm các hoạt động chủ yếu như: nêu nhiệm vụ mà học viên cần thực hiện; yêu cầu học viên làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc theo nhóm; tổ chức trình bày kết quả làm việc, thảo luận về các nhiệm vụ được giao và tự rút ra nội dung bài học; nhận xét, đánh giá,...; sau khi viết xong, học viên cần có cơ hội nói, trình bày những gì đã viết.

c) Phương pháp dạy nói và nghe

Mục đích của dạy nói và nghe là giúp học viên có khả năng diễn đạt, trình bày bằng ngôn ngữ nói một cách rõ ràng, tự tin; có khả năng hiểu đúng; biết tôn trọng người nói, người nghe; có thái độ phù hợp trong trao đổi, thảo luận. Dạy nói và nghe không chỉ phát triển năng lực giao tiếp mà còn giáo dục phẩm chất và nhân cách học viên.

Trong dạy nói, giáo viên tổ chức cho học viên thực hành; hướng dẫn cách thức, quy trình chuẩn bị một bài thuyết trình và trình bày trước nhóm, tổ, lớp; cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và cách tham gia thảo luận, tranh luận.

Trong dạy nghe, giáo viên hướng dẫn học viên cách nắm bắt được nội dung nghe, cách hiểu và đánh giá quan điểm, ý định của người nói; cách kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, tôn trọng những ý kiến khác biệt; cách hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

Đối với kỹ năng nói nghe tương tác, giáo viên hướng dẫn học viên biết lắng nghe và biết đặt câu hỏi để hiểu nội dung nghe, biết nói theo lượt lời trong hội thoại, biết dùng các phương tiện nghe nhìn khác để hỗ trợ cho lời trình bày miệng.

Thực hành nghe nói là hoạt động chính, nhằm rèn kỹ năng nghe nói cho học viên. Để tạo điều kiện cho mọi học viên được thực

hành nói, giáo viên linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động học tập như: yêu cầu từng cặp học viên nói cho nhau nghe hoặc học viên trình bày bài nói trước nhóm, lớp; tổ chức cho học viên thảo luận, tranh luận, qua đó hiểu được tính chất tương tác của ngôn ngữ nói và hình thành thái độ tích cực, hợp tác khi trao đổi, thảo luận và có khả năng giải quyết vấn đề qua trao đổi, thảo luận; chia nhóm, lắng nghe nhận xét, rút kinh nghiệm dựa trên những hướng dẫn cụ thể về tiêu chí đánh giá mà giáo viên cung cấp.

2. Đánh giá kết quả giáo dục

2.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của học viên nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và những tiến bộ của học viên trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học viên và nâng cao chất lượng giáo dục.

2.2. Yêu cầu đánh giá

Đánh giá học viên thông qua đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về kỹ năng đọc, viết, nói, nghe được quy định trong Chương trình xóa mù chữ môn Tiếng Việt. Việc đánh giá thái độ đối với môn học của học viên được tích hợp vào việc đánh giá 4 kỹ năng: đọc, viết, nói, nghe.

Đánh giá thường xuyên là đánh giá các kỹ năng đọc, viết, nói, nghe của học viên; Đánh giá định kỳ bằng bài kiểm tra viết, tích hợp đọc hiểu những kiến thức cần yếu về Tiếng Việt. Đánh giá viết ở mức độ 1 gồm có 2 phần: viết chính tả và viết đoạn văn 4-5 câu; mức độ 2: viết bài văn ngắn.

Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của học viên; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của học viên; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh kết quả học tập giữa các học viên, không tạo áp lực cho học viên.

2.3. Cách thức đánh giá

Đánh giá trong môn Tiếng Việt được thực hiện bằng hai cách: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ.

Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do giáo viên tổ chức; hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá học viên, học viên đánh giá lẫn nhau, học viên tự đánh giá.

Đánh giá định kỳ được thực hiện ở thời điểm cuối một mức do cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện để phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục và phục vụ công tác phát triển chương trình, tài liệu học tập. Đánh giá định kỳ thường

luu

thông qua các đề kiểm tra viết. Đề kiểm tra có thể yêu cầu hình thức viết tự luận (một hoặc nhiều câu).

V. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải thích thuật ngữ

1.1. Một số thuật ngữ chuyên môn sử dụng trong chương trình

- Kiểu văn bản: các dạng văn bản dùng trong viết, được phân chia theo phương thức biểu đạt chính như văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận,...
- Loại văn học (genre): loại hình văn bản văn học, gồm: truyện, thơ, kịch, kí.
- Năng lực ngôn ngữ: khả năng sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp,...) để đọc, viết, nói và nghe.
- Năng lực văn học: một biểu hiện của năng lực thẩm mĩ, là khả năng nhận biết, phân tích, tái hiện và sáng tạo các yếu tố thẩm mĩ thông qua hoạt động tiếp nhận và tạo lập văn bản văn học.
- Ngữ liệu: từ âm, chữ cho đến văn bản hoặc trích đoạn văn bản thuộc các loại văn bản và thể loại thể hiện dưới các hình thức viết, nói hoặc đa phương thức, dùng làm chất liệu để dạy học.
- Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: những hình ảnh, số liệu, đồ thị, bảng biểu,... góp phần biểu hiện nghĩa trong giao tiếp.
- Văn bản biểu cảm: văn bản chủ yếu dùng để thể hiện tình cảm, cảm xúc.
- Văn bản đa phương thức: văn bản có sự phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện khác như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh, âm thanh.
- Văn bản miêu tả: văn bản chủ yếu dùng để miêu tả.
- Văn bản nghị luận: văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề nào đó.
- Văn bản thông tin: văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin.

1.2. Từ ngữ thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt

Chương trình xoá mù chữ môn Tiếng Việt sử dụng một số động từ để thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của học viên. Một số động từ được sử dụng ở các mức độ khác nhau nhưng trong mỗi trường hợp thể hiện một hành động có đối tượng và yêu cầu cụ thể. Trong bảng liệt kê dưới đây, đối tượng, yêu cầu cụ thể của mỗi hành động được chỉ dẫn bằng các từ ngữ khác nhau đặt trong ngoặc đơn.

Uuu

Trong quá trình dạy học, đặc biệt là khi đặt câu hỏi thảo luận, ra đề kiểm tra đánh giá, giáo viên có thể dùng những động từ nêu trong bảng tổng hợp này hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương, sao cho phù hợp với tình huống sư phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho học viên.

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
Biết	đọc thuộc lòng (bài thơ, đoạn văn,...); kể lại (câu chuyện đã đọc, sự việc đã chứng kiến,...); nhận biết (đặc điểm kiểu văn bản, thể loại; tính toàn vẹn, chỉnh thể của văn bản; lí lẽ, bằng chứng, thông tin; biện pháp tu từ,...)
Hiểu	nhận biết, phân tích (chủ đề, thông điệp; tình cảm, cảm xúc của người viết; cách triển khai ý tưởng,...); hiểu, xác định (đề tài, thông tin, cảm hứng chủ đạo,...); phân tích (đặc điểm kiểu văn bản, thể loại,...); hiểu (chủ đề, thông tin cơ bản,...); giải thích (tác dụng của biện pháp tu từ,...); tóm tắt (các ý chính của một đoạn, nội dung của văn bản,...); nhận xét, đánh giá (nội dung, hình thức, các biện pháp nghệ thuật, cách lập luận, đề tài, cách chọn lọc và sắp xếp thông tin, thái độ và quan điểm người viết)
Vận dụng	vận dụng (kiến thức tiếng Việt, văn học, kinh nghiệm,...); so sánh (nhân vật, văn bản,...); liên hệ (văn bản với bản thân, văn bản với bối cảnh,...); viết (đoạn văn, văn bản,...); thuyết trình, trình bày (vấn đề, ý kiến, bài giới thiệu, báo cáo nghiên cứu,...)

2. Thời lượng thực hiện chương trình

2.1. Thời lượng thực hiện chương trình ở các giai đoạn và các kỳ (theo số tiết học)

Giai đoạn 1 (605)			Giai đoạn 2 (372)	
Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Kỳ 5
260	175	170	185	187

Handwritten signature or mark.

- Giữa các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe ở giai đoạn I dành thời lượng nhiều hơn cho kĩ năng đọc, ở giai đoạn II, dành thời lượng nhiều hơn cho kĩ năng viết. Cụ thể tỉ lệ thời lượng dành cho các kĩ năng ở từng lớp như sau:

Giai đoạn	Đọc	Viết	Nói và nghe	Đánh giá định kì
Giai đoạn 1	khoảng 45%	khoảng 30%	khoảng 20%	khoảng 5%
Giai đoạn 2	khoảng 35%	khoảng 40%	khoảng 20%	khoảng 5%

3. Thiết bị dạy học

Thiết bị dạy học tối thiểu của môn Tiếng Việt bao gồm :

- Văn bản văn học : Truyện, thơ, kịch;
- Văn bản nghị luận: nghị luận văn học và nghị luận xã hội;
- Văn bản thông tin: văn bản nhật dụng;
- Một số tranh ảnh minh họa, sơ đồ, biểu bảng ;
- Trang bị thêm một số phần mềm dạy học tiếng Việt (nếu có điều kiện); các CD, video clip có nội dung giới thiệu các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước; một số bộ phim hoạt hình, phim truyện được chuyển thể từ các tác phẩm văn học,...

4. Vận dụng chương trình phù hợp đặc điểm cụ thể của đối tượng học viên ở từng địa phương

Môn Tiếng Việt có thời lượng thực hiện nhiều nhất trong Chương trình xoá mù chữ. Kiến thức và kĩ năng của học viên được hình thành trong môn Tiếng Việt là cơ sở để học viên tiếp nhận, hình thành các kiến thức, kĩ năng thuộc các môn học khác trong chương trình.

Đối tượng học viên của chương trình rất đa dạng. Do vậy, chương trình phải được vận dụng linh hoạt, sáng tạo phù hợp đặc điểm cụ thể của đối tượng học viên và điều kiện của từng địa phương. Trên cơ sở xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình, các địa phương cần đa dạng các tài liệu dạy học, lựa chọn ngữ liệu phù hợp với trình độ của học viên và đặc điểm văn hóa vùng miền.

Handwritten signature

MÔN TOÁN

I. MỤC TIÊU MÔN HỌC

1. Mục tiêu chung

Môn Toán nhằm giúp học viên đạt các mục tiêu chủ yếu sau:

1.1. Hình thành và phát triển năng lực toán học bao gồm các thành tố cốt lõi sau: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

1.2. Góp phần hình thành và phát triển ở học viên các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

1.3. Có kiến thức, kĩ năng toán học phổ thông, cơ bản, thiết yếu; phát triển khả năng giải quyết vấn đề có tính tích hợp liên môn giữa môn Toán và các môn học khác như Tự nhiên và Xã hội, Lịch sử - Địa lý, Tin học, Công nghệ,...; tạo cơ hội để học viên được trải nghiệm, áp dụng toán học vào thực tiễn.

1.4. Có hiểu biết tương đối tổng quát về sự hữu ích của toán học đối với từng ngành nghề liên quan để có đủ năng lực tối thiểu để tự tìm hiểu những vấn đề liên quan đến toán học trong suốt cuộc đời.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Góp phần hình thành và phát triển năng lực toán học với yêu cầu cần đạt: thực hiện được các thao tác tư duy ở mức độ đơn giản; nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề đơn giản; lựa chọn được các phép toán và công thức số học để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, cách thức giải quyết vấn đề; sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường, động tác hình thể để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản; sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán đơn giản để thực hiện các nhiệm vụ học tập toán đơn giản.

2.2. Có những kiến thức và kĩ năng toán học cơ bản ban đầu, thiết yếu về:

- *Số và phép tính*: Số tự nhiên, phân số, số thập phân và các phép tính trên những tập hợp số đó.

- *Hình học và Đo lường*: Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng và đặc điểm (ở mức độ trực quan) của một số hình phẳng và hình khối trong thực tiễn; tạo lập một số mô hình hình học đơn giản; tính toán một số đại lượng hình học; phát triển trí tưởng tượng không gian; giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản gắn với Hình học và Đo lường (với các đại lượng đo thông dụng).

- *Thống kê và Xác suất*: Một số yếu tố thống kê và xác suất đơn giản; giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản gắn với một số yếu tố thống kê và xác suất.

luu

2.3. Cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác góp phần hỗ trợ học viên có thêm những hiểu biết về một số nghề nghiệp trong xã hội. Bước đầu thấy được những hữu ích của toán học đối với công việc hằng ngày; tạo cơ hội để học viên được kiểm nghiệm lại hoạt động thực tiễn trong đời sống với những kiến thức toán học thuần túy; tạo lập sự kết nối giữa các ý tưởng toán học, giữa Toán học với thực tiễn, giữa Toán học với các môn học và hoạt động giáo dục khác.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Toán góp phần hình thành và phát triển ở học viên các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học trong Chương trình trình Xóa mù chữ tại Mục II Phần thứ nhất.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Môn Toán góp phần hình thành và phát triển cho học viên năng lực toán học (*biểu hiện tập trung nhất của năng lực tính toán*) bao gồm các thành phần cốt lõi sau: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

Biểu hiện cụ thể của năng lực toán học và yêu cầu cần đạt trong Chương trình môn toán như sau:

Thành phần năng lực	Yêu cầu cần đạt
Năng lực tư duy và lập luận toán học thể hiện qua việc: - Thực hiện được các thao tác tư duy như: so sánh, phân tích, tổng hợp, đặc biệt hoá, khái quát hoá, tương tự; quy nạp, diễn dịch. - Chỉ ra được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận. - Giải thích hoặc điều chỉnh được cách thức giải quyết vấn đề về phương diện toán học.	- Thực hiện được các thao tác tư duy (ở mức độ đơn giản), đặc biệt biết quan sát, tìm kiếm sự tương đồng và khác biệt trong những tình huống quen thuộc và mô tả được kết quả của việc quan sát. - Nêu được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận. - Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. Bước đầu chỉ ra được chứng cứ và lập luận có cơ sở, có lí lẽ trước khi kết luận.
Năng lực mô hình hoá toán học thể hiện qua việc:	

Handwritten signature

Thành phần năng lực	Yêu cầu cần đạt
- Xác định được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, bảng biểu, đồ thị,...) cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn. - Giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập. - Thể hiện và đánh giá được lời giải trong ngữ cảnh thực tế và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp.	- Lựa chọn được các phép toán, công thức số học sơ đồ, bảng biểu, hình vẽ để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng của tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn đơn giản. - Giải quyết được những bài toán xuất hiện từ sự lựa chọn trên. - Nêu được câu trả lời cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn.
Năng lực giải quyết vấn đề toán học thể hiện qua việc: - Nhận biết, phát hiện được vấn đề cần giải quyết bằng toán học. - Lựa chọn, đề xuất được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề. - Sử dụng được các kiến thức, kĩ năng toán học tương thích (bao gồm các công cụ và thuật toán) để giải quyết vấn đề đặt ra. - Đánh giá được giải pháp đề ra và khái quát hoá được cho vấn đề tương tự.	- Nhận biết được vấn đề cần giải quyết và nêu được thành câu hỏi. - Nêu được cách thức giải quyết vấn đề. - Thực hiện và trình bày được cách thức giải quyết vấn đề ở mức độ đơn giản. - Kiểm tra được giải pháp đã thực hiện.
Năng lực giao tiếp toán học thể hiện qua việc:	
- Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép được các thông tin toán học cần thiết được trình bày dưới dạng văn bản toán học hay do người khác nói hoặc viết ra.	- Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép (tóm tắt) được các thông tin toán học trọng tâm trong nội dung văn bản hay do người khác thông báo (ở mức độ đơn giản), từ đó nhận biết được vấn đề cần giải quyết.

luu

Thành phần năng lực	Yêu cầu cần đạt
- Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (với yêu cầu thích hợp về sự đầy đủ, chính xác). - Sử dụng được hiệu quả ngôn ngữ toán học (chữ số, chữ cái, kí hiệu, biểu đồ, đồ thị, các liên kết logic,...) kết hợp với ngôn ngữ thông thường hoặc động tác hình thể khi trình bày, giải thích và đánh giá các ý tưởng toán học trong sự tương tác (thảo luận, tranh luận) với người khác. - Thể hiện được sự tự tin khi trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng liên quan đến toán học.	- Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (chưa yêu cầu phải diễn đạt đầy đủ, chính xác). Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. - Sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường, động tác hình thể để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản. - Thể hiện được sự tự tin khi trả lời câu hỏi, khi trình bày, thảo luận các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.
Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán thể hiện qua việc: - Nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản các đồ dùng, phương tiện trực quan thông thường, phương tiện khoa học công nghệ (đặc biệt là phương tiện sử dụng công nghệ thông tin), phục vụ cho việc học Toán.	- Nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản các công cụ, phương tiện học toán đơn giản (que tính, thẻ số, thước, compa, êke, các mô hình hình phẳng và hình khối quen thuộc,...)
- Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán, đặc biệt là phương tiện khoa học công nghệ để tìm tòi, khám phá và giải quyết vấn đề toán học (phù hợp với đặc điểm nhận thức lứa tuổi).	- Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán để thực hiện những nhiệm vụ học tập toán đơn giản. - Sử dụng được máy tính cầm tay, phương tiện công nghệ thông tin hỗ trợ học tập và giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống
- Nhận biết được các ưu điểm, hạn chế của những công	- Nhận biết được (bước đầu) một số ưu điểm, hạn chế của những công cụ,

chưa

Thành phần năng lực	Yêu cầu cần đạt
cụ, phương tiện hỗ trợ để có cách sử dụng hợp lí.	phương tiện hỗ trợ để có cách sử dụng hợp lí.

III. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

1.1. Nội dung cốt lõi

Nội dung môn Toán được tích hợp xoay quanh ba mạch kiến thức: Số và phép tính; Hình học và Đo lường; Thống kê và Xác suất.

Số và phép tính là cơ sở cho tất cả các nghiên cứu sâu hơn về toán học, nhằm hình thành những công cụ toán học để giải quyết các vấn đề của toán học và các lĩnh vực khoa học khác có liên quan; tạo cho học viên khả năng suy luận sự diễn, góp phần phát triển tư duy logic, khả năng sáng tạo toán học và hình thành khả năng sử dụng các thuật toán.

Hình học và Đo lường là một trong những thành phần quan trọng của giáo dục toán học, rất cần thiết cho học viên trong việc tiếp thu các kiến thức về không gian và phát triển các kĩ năng thực tế thiết yếu. Hình học và Đo lường hình thành những công cụ nhằm mô tả các đối tượng, thực thể của thế giới xung quanh; cung cấp cho học viên kiến thức, kĩ năng toán học cơ bản về Hình học, Đo lường (với các đại lượng đo thông dụng) và tạo cho học viên khả năng suy luận góp phần vào phát triển tư duy logic, khả năng sáng tạo toán học, trí tưởng tượng không gian và tính trực giác. Đồng thời, Hình học còn góp phần giáo dục thẩm mỹ và nâng cao văn hoá toán học cho học viên. Việc gắn kết Đo lường và Hình học sẽ tăng cường tính thực quan, thực tiễn của việc dạy học môn Toán.

Thống kê và Xác suất là một thành phần bắt buộc của giáo dục toán học phổ thông, góp phần tăng cường tính ứng dụng và giá trị thiết thực của giáo dục toán học. Thống kê và Xác suất tạo cho học viên khả năng nhận thức và phân tích các thông tin được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, hiểu bản chất xác suất của nhiều sự phụ thuộc trong thực tế, hình thành sự hiểu biết về vai trò của thống kê như là một nguồn thông tin quan trọng về mặt xã hội, biết áp dụng tư duy thống kê để phân tích dữ liệu. Từ đó, nâng cao sự hiểu biết và phương pháp nghiên cứu thế giới hiện đại cho học viên.

1.2. Môn Toán được phân chia theo hai giai đoạn. Giai đoạn 1 được chia làm 3 kỳ học, gồm: Kỳ 1, Kỳ 2, Kỳ 3; Giai đoạn 2 được chia làm 2 kỳ, gồm: Kỳ 4, Kỳ 5.

1.3. Chuyên đề học tập

Giai đoạn 2, học viên được chọn 2 trong 3 chuyên đề học tập. Các chuyên đề này nhằm:

Handwritten signature

- Tăng cường một số ứng dụng của toán học trong một số vấn đề liên quan tới cuộc sống hằng ngày của học viên như: giáo dục tài chính, thống kê trong đời sống,
- Củng cố thêm một số kiến thức và kỹ năng toán học khi vận dụng trong thực tiễn, công việc của học viên.
- Tạo cơ hội cho học viên nhận biết năng khiếu, sở thích, phát triển hứng thú và niềm tin trong học toán; phát triển năng lực toán học và năng lực tìm hiểu những vấn đề có liên quan đến Toán học trong suốt cuộc đời.

2. Phân bố nội dung ở các kỳ (Kí hiệu "x" là các chủ đề được thực hiện và phân bố trong từng kỳ)

Các chủ đề	Kỳ				
	1	2	3	4	5
Số tự nhiên	x	x	x	x	
Phân số				x	
Số thập phân					
Ước lượng và làm tròn số		x	x	x	
Tỉ số. Tỉ số phần trăm					
Biểu thức			x	x	
Hình phẳng và hình khối trong thực tiễn	x	x	x	x	
Độ dài	x	x	x	x	
Số đo góc				x	
Chu vi. Diện tích			x	x	x
Dung tích. Thể tích		x	x		x
Khối lượng		x	x	x	
Nhiệt độ			x		
Thời gian	x	x	x	x	x

Handwritten signature

Vận tốc					x
Tiền tệ		x	x	x	x
Một số yếu tố thống kê		x	x	x	x
Một số yếu tố xác suất		x	x	x	x

3. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các kỳ

KỲ 1

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
SỐ VÀ PHÉP TÍNH		
<i>Số tự nhiên</i>		
Số tự nhiên	<i>Đếm, đọc, viết các số trong phạm vi 100</i>	- Đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 10; trong phạm vi 20; trong phạm vi 100. - Nhận biết được chục và đơn vị, số tròn chục.
	<i>So sánh các số trong phạm vi 100</i>	Nhận biết được cách so sánh, xếp thứ tự các số trong phạm vi 100 (ở các nhóm có không quá 4 số).
Các phép tính với số tự nhiên	<i>Phép cộng, phép trừ</i>	- Nhận biết được ý nghĩa của phép cộng, phép trừ. - Thực hiện được phép cộng, phép trừ (không nhớ, có nhớ không quá một lượt) các số trong phạm vi 100. - Làm quen với việc thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải).
	<i>Tính nhẩm</i>	- Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10, phạm vi 20. - Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm các số tròn chục.

Thư

	<i>Thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến các phép tính cộng, trừ</i>	- Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép tính (cộng, trừ) thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn. - Nhận biết và viết được phép tính (cộng, trừ) phù hợp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính được kết quả đúng.
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG		
Hình học trực quan		
Hình phẳng và hình khối	<i>Quan sát, nhận biết hình dạng của một số hình phẳng và hình khối đơn giản</i>	- Nhận dạng được hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật. - Nhận dạng được khối lập phương, khối hộp chữ nhật thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.
	<i>Thực hành lắp ghép, xếp hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đơn giản</i>	Nhận biết và thực hiện được việc lắp ghép, xếp hình gắn với sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.
Đo lường		
Đo lường	<i>Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng</i>	- Nhận biết được về “dài hơn”, “ngắn hơn”. - Nhận biết được đơn vị đo độ dài: cm (xăng-ti-mét); đọc và viết được số đo độ dài trong phạm vi 100cm. - Nhận biết được mỗi tuần lễ có 7 ngày và tên gọi, thứ tự các ngày trong tuần lễ. - Nhận biết được giờ đúng trên đồng hồ.
	<i>Thực hành đo đại lượng</i>	- Thực hiện được việc đo và ước lượng độ dài theo đơn vị đo tự quy ước (gang tay, bước chân,...). - Thực hiện được việc đo độ dài bằng thước thẳng với đơn vị đo là cm. - Xác định được thứ, ngày trong tuần khi xem lịch (loại lịch tờ hàng ngày).

lưu

		- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến đo độ dài, đọc giờ đúng và xem lịch (loại lịch tờ hằng ngày).
--	--	--

KỶ 2

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
SỐ VÀ PHÉP TÍNH		
<i>Số tự nhiên</i>		
Số tự nhiên	<i>Số và cấu tạo thập phân của một số</i>	- Đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 1000. - Nhận biết được số tròn trăm. - Nhận biết được số liền trước, số liền sau của một số. - Thực hiện được việc viết số thành tổng của trăm, chục, đơn vị. - Nhận biết được tia số và viết được số thích hợp trên tia số.
	<i>So sánh các số</i>	- Nhận biết được cách so sánh hai số trong phạm vi 1000. - Xác định được số lớn nhất hoặc số bé nhất trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 1000). - Thực hiện được việc sắp xếp các số theo thứ tự (từ bé đến lớn hoặc ngược lại) trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 1000).
	<i>Ước lượng số đồ vật</i>	Làm quen với việc ước lượng số đồ vật theo các nhóm chục.
Các phép tính với số tự nhiên	<i>Phép cộng, phép trừ</i>	- Nhận biết được các thành phần của phép cộng, phép trừ. - Thực hiện được phép cộng, phép trừ (không nhớ, có nhớ không quá một lượt) các số trong phạm vi 1000. - Thực hiện được việc tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ trái sang phải).
	<i>Phép nhân, phép chia</i>	- Nhận biết được ý nghĩa của phép nhân, phép chia.

		- Nhận biết được các thành phần của phép nhân, phép chia. - Vận dụng được các bảng nhân, bảng chia 2, 3,..., 9 trong thực hành tính.
	<i>Tính nhẩm</i>	- Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 100. - Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm các số tròn chục, tròn trăm trong phạm vi 1000.
	<i>Thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến các phép tính đã học</i>	- Nhận biết ý nghĩa thực tiễn của phép tính (cộng, trừ, nhân, chia) thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn. - Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán có một bước tính (trong phạm vi các số và phép tính đã học) liên quan đến ý nghĩa thực tế của phép tính.
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG		
Hình học trực quan		
Hình phẳng và hình khối	<i>Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng của một số hình phẳng và hình khối đơn giản</i>	- Nhận biết được điểm, đoạn thẳng, đường cong, đường thẳng, đường gấp khúc, ba điểm thẳng hàng thông qua hình ảnh trực quan. - Nhận dạng được hình tứ giác thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập hoặc vật thật. - Nhận dạng được khối trụ, khối cầu thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập hoặc vật thật.
	<i>Thực hành đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học</i>	- Thực hiện được việc vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước. - Nhận biết và thực hiện được việc gấp, cắt, ghép, xếp và tạo hình gắn với việc sử dụng bộ đồ dùng học tập hoặc vật thật. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến hình phẳng và hình khối đã học.

2/2021

Đo lường		
Đo lường	Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng	- Nhận biết được về “nặng hơn”, “nhẹ hơn”. - Nhận biết được đơn vị đo khối lượng: <i>kg</i> (ki-lô-gam), gam; đọc và viết được số đo khối lượng trong phạm vi 1000kg. - Nhận biết được đơn vị đo dung tích: l (lít); mi-li-lít; đọc và viết được số đo dung tích trong phạm vi 1000 l. - Nhận biết được các đơn vị đo độ dài <i>dm</i> (đề-xi-mét), <i>m</i> (mét), <i>km</i> (ki-lô-mét), <i>mm</i> (mi-li-mét và quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài đã học. - Nhận biết được một ngày có 24 giờ; một giờ có 60 phút. - Nhận biết được số ngày trong tháng, ngày trong tháng (ví dụ: tháng Ba có 31 ngày; sinh nhật Bác Hồ là ngày 19 tháng 5), tháng trong năm. - Nhận biết được tiền Việt Nam thông qua hình ảnh một số tờ tiền và bằng cách đọc số hoặc từ ghi trên mỗi đồng tiền (ví dụ : nhận biết tờ tiền năm trăm nghìn đồng bằng cách đọc từ năm trăm nghìn đồng ghi trên tờ tiền đó).
	Thực hành đo đại lượng	- Sử dụng được một số dụng cụ thông dụng (một số loại cân thông dụng, thước thẳng có chia vạch đến mi-li-mét,...) để thực hành cân, đo, đóng, đếm. - Đọc được giờ trên đồng hồ khi kim phút chỉ số 3, số 6, số 12.
	Tính toán và ước lượng với các số đo đại lượng	- Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo độ dài, khối lượng, dung tích đã học. - Thực hiện được việc ước lượng các số đo trong một số trường hợp đơn giản (ví dụ : quãng đường từ nhà đến Ủy ban xã dài khoảng 3 km; con gà cân nặng khoảng 2 kg,...). - Tính được độ dài đường gấp khúc khi biết độ dài các cạnh. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo lường các đại lượng đã học.

MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT		
<i>Một số yếu tố thống kê</i>		
Một số yếu tố thống kê	<i>Thu thập, phân loại, sắp xếp các số liệu</i>	Làm quen với việc thu thập, phân loại, kiểm đếm các đối tượng thống kê (trong một số tình huống đơn giản).
	<i>Đọc biểu đồ tranh</i>	Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ tranh.
	<i>Nhận xét về các số liệu trên biểu đồ tranh</i>	Nêu được một số nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh.
<i>Một số yếu tố xác suất</i>		
Một số yếu tố xác suất	<i>Làm quen với các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện</i>	Làm quen với việc mô tả những hiện tượng liên quan tới các thuật ngữ: có thể, chắc chắn, không thể, thông qua một vài thí nghiệm, trò chơi, hoặc xuất phát từ thực tiễn.

KỲ 3

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
SỐ VÀ PHÉP TÍNH		
<i>Số tự nhiên</i>		
Số tự nhiên	<i>Số và cấu tạo thập phân của một số</i>	- Đọc, viết được các số trong phạm vi 10 000; trong phạm vi 100 000. - Nhận biết được số tròn nghìn, tròn mười nghìn. - Nhận biết được cấu tạo thập phân của một số. - Nhận biết được chữ số La Mã và viết được các số tự nhiên trong phạm vi 20 bằng cách sử dụng chữ số La Mã.
	<i>So sánh các số</i>	- Nhận biết được cách so sánh hai số trong phạm vi 100 000. - Xác định được số lớn nhất hoặc số bé nhất trong một nhóm có không quá 4 số

Các phép tính với số tự nhiên		(trong phạm vi 100 000). - Thực hiện được việc sắp xếp các số theo thứ tự (từ bé đến lớn hoặc ngược lại) trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 100 000).
	Làm tròn số	Làm quen với việc làm tròn số đến tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, tròn mười nghìn (ví dụ: làm tròn số 1234 đến hàng chục thì được số 1230).
	Phép cộng, phép trừ	- Thực hiện được phép cộng, phép trừ các số có đến 5 chữ số (có nhớ không quá hai lượt và không liên tiếp). - Nhận biết được mối quan hệ giữa phép cộng với phép trừ trong thực hành tính.
	Phép nhân, phép chia	- Thực hiện được phép nhân với số có một chữ số (có nhớ không quá hai lượt và không liên tiếp). - Thực hiện được phép chia cho số có một chữ số. - Nhận biết và thực hiện được phép chia hết và phép chia có dư. - Nhận biết được mối quan hệ giữa phép nhân với phép chia trong thực hành tính.
	Tính nhẩm	Thực hiện được cộng, trừ, nhân, chia nhẩm trong những trường hợp đơn giản.
	Biểu thức số	- Làm quen với biểu thức số. - Tính được giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính và không có dấu ngoặc. - Tính được giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính và có dấu ngoặc theo nguyên tắc thực hiện trong dấu ngoặc trước..
	Thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến các phép tính đã học	Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán có đến hai bước tính (trong phạm vi các số và phép tính đã học) liên quan đến ý nghĩa thực tế của phép tính; liên quan đến thành phần và kết quả của phép tính; liên quan đến các mối quan hệ so sánh trực tiếp và đơn giản (chẳng hạn: gấp một số lên một số lần, giảm một số đi một số lần, so sánh số lớn gấp mấy lần số bé).

Phân số		
Phân số	Làm quen với phân số	- Nhận biết được về $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{1}{4}; \frac{1}{5}; \frac{1}{6}; \frac{1}{7}; \frac{1}{8}; \frac{1}{9}$ thông qua các hình ảnh trực quan. - Xác định được $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{1}{4}; \frac{1}{5}; \frac{1}{6}; \frac{1}{7}; \frac{1}{8}; \frac{1}{9}$ của một nhóm đồ vật (đối tượng) bằng việc chia thành các phần đều nhau.
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG		
Hình học trực quan		
Hình phẳng và hình khối	Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng và đặc điểm của một số hình phẳng và hình khối đơn giản	- Nhận biết được điểm ở giữa, trung điểm của đoạn thẳng. - Nhận biết được góc, góc vuông, góc không vuông. - Nhận biết được tam giác, tứ giác. - Nhận biết được một số yếu tố cơ bản như đỉnh, cạnh, góc của hình chữ nhật, hình vuông; tâm, bán kính, đường kính của hình tròn. - Nhận biết được một số yếu tố cơ bản như đỉnh, cạnh, mặt của khối lập phương, khối hộp chữ nhật.
	Thực hành đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học	- Thực hiện được việc vẽ góc vuông, đường tròn, vẽ trang trí. - Sử dụng được êke để kiểm tra góc vuông, sử dụng được compa để vẽ đường tròn. - Thực hiện được việc vẽ hình vuông, hình chữ nhật bằng lưới ô vuông. - Giải quyết được một số vấn đề liên quan đến gấp, cắt, ghép, xếp, vẽ và tạo hình trang trí.
Đo lường		
Đo lường	Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng	- Nhận biết được “diện tích” thông qua một số biểu tượng cụ thể. - Nhận biết được đơn vị đo diện tích: cm^2 (xăng-ti-mét vuông), m^2 (mét vuông)... - Nhận biết được đơn vị đo nhiệt độ ($^{\circ}C$).
	Thực hành đo đại lượng	- Sử dụng được một số dụng cụ thông dụng (một số loại cân thông dụng, thước thẳng có chia vạch đến mi-li-mét, nhiệt kế,...) để thực hành cân, đo, đóng, đếm. - Đọc được giờ chính xác đến 5 phút và từng phút trên đồng hồ.
	Tính toán và ước lượng với các số đo đại lượng	- Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo độ dài (mm, cm, dm, m, km); diện tích (cm^2, m^2); khối lượng (g, kg); dung tích (ml, l); thời gian (phút, giờ, ngày, tuần lễ, tháng, năm); tiền Việt Nam đã học.

luul

		- Tính được chu vi của hình tam giác, hình tứ giác, hình chữ nhật, hình vuông khi biết độ dài các cạnh. - Tính được diện tích hình chữ nhật, hình vuông. - Thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản (ví dụ: cân nặng của một quả dưa hấu khoảng 3 kg, ...). - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo lường.
MỘT SỐ YẾU TỐ THÔNG KÊ VÀ XÁC SUẤT		
Một số yếu tố thống kê		
Một số yếu tố thống kê	<i>Thu thập, phân loại, sắp xếp các số liệu</i>	Nhận biết được cách thu thập, phân loại, ghi chép số liệu thống kê (trong một số tình huống đơn giản) theo các tiêu chí cho trước.
	<i>Đọc, mô tả bảng số liệu</i>	Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng bảng.
	<i>Nhận xét về các số liệu trong bảng</i>	Nêu được một số nhận xét đơn giản từ bảng số liệu.
Một số yếu tố xác suất		
Một số yếu tố xác suất	<i>Nhận biết và mô tả các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện</i>	Nhận biết và mô tả được các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện khi thực hiện (1 lần) thí nghiệm đơn giản (ví dụ: nhận ra được hai khả năng xảy ra đối với mặt xuất hiện của đồng xu khi tung 1 lần; nhận ra được hai khả năng xảy ra đối với màu của quả bóng lấy ra từ hộp kín đựng các quả bóng có hai màu xanh hoặc đỏ; ...).

KỲ 4

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
SỐ VÀ PHÉP TÍNH		
Số tự nhiên		
Số tự nhiên	<i>Số và cấu tạo thập phân của một số</i>	- Đọc, viết được các số có nhiều chữ số (đến lớp triệu). - Nhận biết được cấu tạo thập phân của một số và giá trị theo vị trí của từng chữ số trong mỗi số. - Nhận biết được số chẵn, số lẻ.

Các phép tính với số tự nhiên	<i>So sánh các số</i>	- Nhận biết được cách so sánh hai số trong phạm vi lớp triệu. - Thực hiện được việc sắp xếp các số theo thứ tự (từ bé đến lớn hoặc ngược lại) trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi lớp triệu).
	<i>Làm tròn số</i>	Làm tròn được số đến tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, tròn mười nghìn, tròn trăm nghìn (ví dụ: làm tròn số 12 345 đến hàng trăm thì được số 12 300).
	<i>Phép cộng, phép trừ</i>	- Thực hiện được các phép cộng, phép trừ các số tự nhiên có nhiều chữ số (có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp).
	<i>Phép nhân, phép chia</i>	- Tính được số trung bình cộng của hai hay nhiều số. - Thực hiện được phép nhân với các số có không quá hai chữ số. - Thực hiện được phép chia cho số có không quá hai chữ số. - Thực hiện được phép nhân với 10; 100; 1000;... và phép chia cho 10; 100; 1000;...
	<i>Tính nhẩm</i>	- Thực hiện được việc cộng, trừ, nhân, chia nhẩm trong phạm vi các số đã học. - Ước lượng được trong những tính toán đơn giản (ví dụ: chia 572 cho 21 thì được thương không thể là 30).
	<i>Biểu thức số và biểu thức chữ</i>	- Làm quen với biểu thức chứa một, hai, ba chữ và tính được giá trị của biểu thức chứa một, hai, hoặc ba chữ (trường hợp đơn giản). - Nhận biết tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép cộng. Nhận biết tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép nhân và vận dụng trong thực hành tính.
	<i>Thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến các phép tính đã học</i>	Giải quyết được vấn đề gắn với việc giải các bài toán (có một hoặc một vài bước tính) liên quan đến các phép tính về số tự nhiên trong phạm vi các số và phép tính đã học).
Phân số		
Phân số	<i>Khái niệm ban đầu về phân số</i>	- Nhận biết được khái niệm ban đầu về phân số, từ số mẫu số. - Đọc, viết được các phân số.
	<i>Tính chất cơ bản của phân số</i>	- Nhận biết được tính chất cơ bản của phân số. - Thực hiện được việc rút gọn phân số trong những trường hợp đơn giản.

		- Thực hiện được việc quy đồng mẫu số hai phân số trong trường hợp có một mẫu số chia hết cho mẫu số còn lại.
	<i>So sánh phân số</i>	- So sánh các phân số trong những trường hợp sau: các phân số có cùng mẫu số; có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại.
Các phép tính với phân số	<i>Các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số</i>	- Thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số trong những trường hợp sau: các phân số có cùng mẫu số; có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại. - Thực hiện được phép nhân, phép chia hai phân số. - Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán (có một hoặc một vài bước tính) liên quan đến 4 phép tính với phân số ví dụ: bài toán liên quan đến tìm phân số của một số).
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG		
<i>Hình học trực quan</i>		
Hình phẳng và hình khối	<i>Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng và đặc điểm của một số hình phẳng đơn giản</i>	- Nhận biết được góc nhọn, góc tù, góc bẹt. - Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song. - Nhận biết được hình bình hành, hình thoi.
	<i>Thực hành đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học</i>	- Thực hiện được việc vẽ đường thẳng vuông góc, đường thẳng song song bằng thước thẳng và êke. - Thực hiện được việc đo, vẽ, lắp ghép, tạo lập một số hình phẳng và hình khối đã học. - Giải quyết được một số vấn đề liên quan đến đo góc, vẽ hình, lắp ghép, tạo lập hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học.
Đo lường		
Đo lường	<i>Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng</i>	- Nhận biết được các đơn vị đo khối lượng: yến, tạ, tấn và quan hệ giữa các đơn vị đó với kg.

luu

		- Nhận biết được các đơn vị đo diện tích: km^2 (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta). - Nhận biết được các đơn vị đo thời gian: giây, thế kỉ và quan hệ giữa các đơn vị đo thời gian đã học. - Nhận biết được đơn vị đo góc: độ ($^\circ$).
	<i>Thực hành đo đại lượng</i>	- Sử dụng được một số dụng cụ thông dụng để thực hành cân, đo, đong, đếm, xem thời gian với các đơn vị đo đã học. - Sử dụng được thước đo góc để đo các góc: 60°; 90°; 120°; 180°.
	<i>Tính toán và ước lượng với các số đo đại lượng</i>	- Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo độ dài (mm, cm, dm, m, km); diện tích (cm^2, m^2, km^2); khối lượng (g, kg, yến, tạ, tấn); dung tích (ml, l); thời gian (giây, phút, giờ, ngày, tuần lễ, tháng, năm, thế kỉ); tiền Việt Nam đã học. - Thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản (ví dụ: con bò cân nặng khoảng 3 tạ,...). - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo độ dài, diện tích, khối lượng, dung tích, thời gian, tiền Việt Nam.
MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT		
<i>Một số yếu tố thống kê</i>		
Một số yếu tố thống kê	<i>Thu thập, phân loại, sắp xếp các số liệu</i>	- Nhận biết được về dãy số liệu thống kê. - Nhận biết được cách sắp xếp dãy số liệu thống kê theo các tiêu chí cho trước.
	<i>Đọc, mô tả biểu đồ cột. Biểu diễn số liệu vào biểu đồ cột</i>	- Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ cột. - Sắp xếp được số liệu vào biểu đồ cột (không yêu cầu học viên vẽ biểu đồ).
	<i>Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các</i>	- Nêu được một số nhận xét đơn giản từ biểu đồ cột. - Tính được giá trị trung bình của các số liệu trong bảng hay biểu đồ cột.

thực

	số liệu và biểu đồ cột đã có	- Làm quen với việc phát hiện vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên quan sát các số liệu từ biểu đồ cột. - Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được từ biểu đồ cột.
Một số yếu tố xác suất		
Một số yếu tố xác suất	Kiểm đếm số lần lặp lại của một khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện	Kiểm đếm được số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện khi thực hiện (nhiều lần) thí nghiệm, trò chơi đơn giản (ví dụ: trong một vài trò chơi như tung đồng xu, lấy bóng từ hộp kín,...).

KỶ 5

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
SỐ VÀ PHÉP TÍNH		
Số tự nhiên		
Số tự nhiên và các phép tính với số tự nhiên	Ôn tập về số tự nhiên và các phép tính với số tự nhiên	Cùng cố và hoàn thiện các kĩ năng: - Đọc, viết, so sánh, xếp thứ tự được các số tự nhiên. - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia các số tự nhiên. - Ước lượng và làm tròn được số trong những tình huống đơn giản. - Giải quyết được vấn đề gắn với việc giải các bài (có một hoặc một vài bước tính) liên quan đến các phép tính về số tự nhiên.
Phân số		
Phân số và các phép tính với phân số	Ôn tập về phân số và các phép tính với phân số	Cùng cố và hoàn thiện các kĩ năng: - Rút gọn được phân số.

		- Quy đồng, so sánh các phân số trong trường hợp có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại. - Thực hiện được phép cộng, phép trừ hai phân số bằng cách lấy mẫu số chung là tích của hai mẫu số. Thực hiện được nhân và chia hai phân số. - Nhận biết được phân số thập phân và cách viết phân số thập phân ở dạng hỗn số. - Giải quyết được vấn đề gắn với việc giải các bài toán (có một hoặc một vài bước tính) liên quan đến các phép tính về phân số.
Số thập phân		
Số thập phân	Số thập phân	- Đọc, viết được số thập phân. - Nhận biết được số thập phân gồm phần nguyên, phần thập phân và hàng của số thập phân. - Thể hiện được các số đo đại lượng bằng cách dùng số thập phân.
	So sánh các số thập phân	- Nhận biết được cách so sánh hai số thập phân. - Thực hiện được việc sắp xếp các số thập phân theo thứ tự (từ bé đến lớn hoặc ngược lại) trong một nhóm có không quá 4 số thập phân.
	Làm tròn số thập phân	- Làm tròn được một số thập phân tới số tự nhiên gần nhất hoặc tới số thập phân có một hoặc hai chữ số ở phần thập phân.
Các phép tính với số thập phân	Các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân	- Thực hiện được phép cộng, phép trừ hai số thập phân. - Thực hiện được phép nhân một số với số thập phân có không quá hai chữ số ở dạng: a, b và $0, ab$. - Thực hiện được phép chia một số với số thập phân có không quá hai chữ số khác không ở dạng: a, b và $0, ab$. - Thực hiện được phép nhân, chia nhẩm một số thập phân với (cho) 10; 100; 1000;... hoặc với (cho) 0,1; 0,01; 0,001;...

2/20/2020

		- Giải quyết vấn đề gắn với việc giải các bài toán (có một hoặc một vài bước tính) liên quan đến các phép tính với các số thập phân.
Tỉ số. Tỉ số phần trăm		
Tỉ số. Tỉ số phần trăm	Tỉ số. Tỉ số phần trăm	- Nhận biết được tỉ số, tỉ số phần trăm của hai đại lượng cùng loại. - Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán liên quan đến: tính tỉ số phần trăm của hai số; tìm giá trị phần trăm của một số cho trước. - Nhận biết được tỉ lệ bản đồ. Vận dụng được tỉ lệ bản đồ để giải quyết một số tình huống thực tiễn.
	Sử dụng máy tính cầm tay	Làm quen với việc sử dụng máy tính cầm tay để thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia các số tự nhiên; tính tỉ số phần trăm của hai số; tính giá trị phần trăm của một số cho trước.
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG		
Hình học trực quan		
Hình phẳng và hình khối	Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng và đặc điểm của một số hình phẳng và hình khối đơn giản	- Nhận biết được hình thang, đường tròn, một số loại hình tam giác như tam giác nhọn, tam giác vuông, tam giác tù, tam giác đều. - Nhận biết được hình khai triển của hình lập phương, hình hộp chữ nhật và hình trụ.
	Thực hành vẽ, lắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học	- Vẽ được hình thang, hình bình hành, hình thoi (sử dụng lưới ô vuông). - Vẽ được đường cao của hình tam giác. - Vẽ được đường tròn có tâm và độ dài bán kính hoặc đường kính cho trước. - Giải quyết được một số vấn đề về đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học, liên quan đến ứng dụng của hình học trong thực tiễn.

Hand

Đo lường		
Đo lường	Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng	- Nhận biết được các đơn vị đo diện tích: km^2 (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta). - Nhận biết được “thể tích” thông qua một số biểu tượng cụ thể. - Nhận biết được một số đơn vị đo thể tích thông dụng: cm^3 (xăng-ti-mét khối), dm^3 (đề-xi-mét khối), m^3 (mét khối). - Nhận biết được vận tốc của một chuyển động đều; tên gọi, kí hiệu của một số đơn vị đo vận tốc: km/h (km/giờ), m/s (m/giây).
	Thực hành đo đại lượng	Sử dụng được một số dụng cụ thông dụng để thực hành cân, đo, đóng, đếm, xem thời gian, mua bán với các đơn vị đo đại lượng và tiền tệ đã học.
	Tính toán và ước lượng với các số đo đại lượng	- Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo thể tích (cm^3, dm^3, m^3) và số đo thời gian. - Tính được diện tích hình tam giác, hình thang. - Tính được chu vi và diện tích hình tròn. - Tính được diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương. - Thực hiện được việc ước lượng thể tích trong một số trường hợp đơn giản (ví dụ: thể tích của hộp phấn viết bảng,...). - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo thể tích, dung tích, thời gian. - Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán liên quan đến chuyển động đều (tìm vận tốc, quãng đường, thời gian của một chuyển động đều).
MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT		
Một số yếu tố thống kê		

Chữ

Một số yếu tố thống kê	<i>Thu thập, phân loại, sắp xếp các số liệu</i>	Thực hiện được việc thu thập, phân loại, so sánh, sắp xếp số liệu thống kê theo các tiêu chí cho trước.
	<i>Đọc, mô tả biểu đồ thống kê hình quạt tròn. Biểu diễn số liệu bằng biểu đồ thống kê hình quạt tròn</i>	- Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ hình quạt tròn. - Sắp xếp được số liệu vào biểu đồ hình quạt tròn (không yêu cầu học viên vẽ hình). - Lựa chọn được cách biểu diễn (bằng dãy số liệu, bằng số liệu, hoặc bằng biểu đồ) các số liệu thống kê.
	<i>Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê hình quạt tròn đã có</i>	- Nêu được một số nhận xét đơn giản từ biểu đồ hình quạt tròn. - Làm quen với việc phát hiện vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên quan sát các số liệu từ biểu đồ hình quạt tròn. - Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được từ biểu đồ hình quạt tròn. - Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với các kiến thức khác trong môn Toán và trong thực tiễn (ví dụ: số thập phân, tỉ số phần trăm,...).
Một số yếu tố xác suất		
Một số yếu tố xác suất	<i>Tỉ số mô tả số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện trong một thí nghiệm so với tổng số lần thực hiện thí nghiệm đó ở những trường hợp đơn giản</i>	Sử dụng được tỉ số để mô tả số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện trong một thí nghiệm so với tổng số lần thực hiện thí nghiệm đó ở những trường hợp đơn giản (ví dụ: sử dụng tỉ số $\frac{2}{5}$ để mô tả 2 lần xảy ra khả năng “mặt sấp đồng xu xuất hiện” của khi tung đồng xu 5 lần).

Các chuyên đề tự chọn môn Toán

a) Nội dung chuyên đề tự chọn (cơ sở giáo dục tổ chức cho học viên lựa chọn 2 trong 3 chuyên đề sau tùy vào điều kiện thực tế

luu

tại mỗi địa phương)

Chuyên đề 1: Ứng dụng toán học trong một số vấn đề liên quan đến tài chính

Chuyên đề 2: Thống kê và số liệu thống kê trong quản lý, sản xuất

Chuyên đề 3: Ứng dụng kiến thức toán học vào thực tiễn liên quan đến tính toán, đo lường và ước lượng

b) Biểu hiện cụ thể của năng lực toán học và yêu cầu cần đạt trong các chuyên đề

Chuyên đề	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt
Chuyên đề 1: Ứng dụng toán học trong một số vấn đề liên quan đến tài chính	<i>Vận dụng kiến thức toán học trong việc giải quyết một số vấn đề liên quan đến tài chính cá nhân</i>	- Lập kế hoạch chi tiêu của bản thân. - Làm quen với bài toán về đầu tư cá nhân (xác định vốn đầu tư để đạt được lãi suất mong đợi). - Làm quen với giao dịch ngân hàng. - Làm quen với thuế và việc tính thuế. - Làm quen với việc gửi tiền tiết kiệm và vay vốn ngân hàng; tính lãi, lỗ, lãi và dư nợ; thực hành tính lãi suất trong tiền gửi tiết kiệm và vay vốn - Thực hành tính toán việc tăng, giảm theo giá trị phần trăm của một mặt hàng hoặc một kế hoạch sản xuất, kinh doanh.
Chuyên đề 2 Thống kê và số liệu thống kê trong quản lý, sản xuất	<i>Thu thập, phân tích số liệu thống kê và giải quyết một số vấn đề đơn giản từ các số liệu và biểu đồ thống kê trong quản lý, sản xuất</i>	- Làm quen với việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ nhiều nguồn khác nhau: văn bản; bảng biểu; kiến thức trong các lĩnh vực giao dịch khác (Địa lí, Lịch sử, Giáo dục môi trường, Giáo dục tài chính,...); phỏng vấn, truyền thông, Internet; thực tiễn (môi trường, tài chính, y tế, giá cả thị trường,...). - Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột, biểu đồ hình quạt tròn. - Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột, biểu đồ hình quạt tròn.

luôn

Chuyên đề 3 Ứng dụng kiến thức toán học vào thực tiễn liên quan đến tính toán, đo lường và ước lượng	<i>Tính toán và ước lượng chu vi, diện tích, thể tích của một số hình khối trong thực tế</i>	- Vận dụng các công thức tính diện tích và thể tích vào thực tiễn. Đo đạc và tính diện tích bề mặt, tính thể tích của các đồ vật có liên quan đến các hình đã học trong các tình huống thực tiễn - Giải quyết một số bài toán thực tiễn liên quan đến tính toán, đo lường, đo đạc chu vi, diện tích, thể tích trong thực tế cuộc sống (như diện tích, thể tích xây dựng, số vật liệu xây dựng, chi phí, tiền công, ...).
---	--	---

IV. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Phương pháp dạy học môn Toán cần đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau:

1.1. Hình thành, phát triển các phẩm chất

Thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập, môn Toán góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác giúp học viên rèn luyện tính trung thực, tinh yêu lao động, tinh thần trách nhiệm, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập; bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú học tập, thói quen đọc sách và ý thức tìm tòi, khám phá khoa học.

1.2. Hình thành, phát triển các năng lực chung

- Môn Toán góp phần hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học thông qua việc rèn luyện cho người học biết cách lựa chọn mục tiêu, lập được kế hoạch học tập, hình thành cách tự học, rút kinh nghiệm và điều chỉnh để có thể vận dụng vào các tình huống khác trong quá trình học các khái niệm, kiến thức và kỹ năng toán học cũng như khi thực hành, luyện tập hoặc tự lực giải toán, giải quyết các vấn đề có ý nghĩa toán học.

- Môn Toán góp phần hình thành và phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc nghe hiểu, đọc hiểu, ghi chép, diễn tả được các thông tin toán học cần thiết trong văn bản toán học; thông qua sử dụng hiệu quả ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để trao đổi, trình bày được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác, đồng thời thể hiện sự tự tin, tôn trọng người đối thoại khi mô tả, giải thích các nội dung, ý tưởng toán học.

- Môn Toán góp phần hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc giúp học viên nhận biết được tình huống có vấn đề; chia sẻ sự am hiểu vấn đề với người khác; biết đề xuất, lựa chọn được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề và biết trình bày giải pháp cho vấn đề; biết đánh giá giải pháp đã thực hiện và khái quát hoá cho vấn đề tương tự.

1.3. Hình thành và phát triển năng lực tính toán, năng lực ngôn ngữ và các năng lực đặc thù khác:

- Môn Toán với ưu thế nổi trội, có nhiều cơ hội để phát triển năng lực tính toán thể hiện ở chỗ vừa củng cố kiến thức toán học, rèn luyện kĩ năng tính toán, ước lượng, vừa giúp hình thành và phát triển các thành tố của năng lực toán học (năng lực tư duy và lập luận, năng lực mô hình hoá, năng lực giải quyết vấn đề; năng lực giao tiếp và năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán).

- Môn Toán góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ thông qua rèn luyện kĩ năng đọc hiểu, diễn giải, phân tích, đánh giá tình huống có ý nghĩa toán học, thông qua việc sử dụng hiệu quả ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để trình bày, diễn tả các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học.

- Môn Toán góp phần phát triển năng lực tin học thông qua việc sử dụng các phương tiện, công cụ công nghệ thông tin và truyền thông như công cụ hỗ trợ trong học tập và tự học; tạo dựng môi trường học tập trải nghiệm.

- Môn Toán góp phần phát triển năng lực thẩm mĩ thông qua việc giúp học viên làm quen với lịch sử toán học, với tiểu sử của các nhà toán học và thông qua việc nhận biết vẻ đẹp của Toán học trong thế giới tự nhiên.

1.4. Tính đặc thù cho đối tượng người lớn tuổi

- Phương pháp dạy học môn Toán cần phù hợp với tiến trình nhận thức của học viên, đặc biệt là người lớn tuổi (đi từ cụ thể đến trừu tượng, từ dễ đến khó, từ trải nghiệm thực tiễn đến thống nhất kiến kiến thức toán học); phù hợp với hoạt động lao động, sản xuất mà học viên đã và đang trải nghiệm; không nhất thiết đề cao tính logic của khoa học toán học mà chỉ cần chú ý thống nhất giữa thực tiễn và kiến thức toán học liên quan; khai thác tối đa vốn kinh nghiệm và sự trải nghiệm của học viên;

- Quán triệt tinh thần “*lấy trải nghiệm của người học làm cơ sở dạy học kiến thức toán liên quan*”, phát huy tính tích cực, tự giác, tự trọng của người học; động viên, thấu hiểu hoàn cảnh khác nhau của học viên, vốn vừa lao động vừa học tập; phát huy tính ân cần, nhiệt tình và chi bảo của người dạy;

- Linh hoạt trong việc vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực; kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo với việc vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; kết hợp các hoạt động dạy học và động viên người học; khơi dậy tính tự trọng của

người học; coi trọng trải nghiệm của học viên gắn với kiến thức toán học liên quan; học toán phục vụ trực tiếp trong lao động, sản xuất và các hoạt động hàng ngày.

- Sử dụng đủ và hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định đối với môn Toán, khai thác cơ sở vật chất xung quanh hỗ trợ đồ dùng dạy học; có thể sử dụng các đồ dùng dạy học tự làm phù hợp với nội dung học và các đối tượng học viên; tăng cường sử dụng công nghệ thông tin và các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại một cách phù hợp và hiệu quả.

2. Đánh giá kết quả giáo dục

Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục môn Toán là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về sự phát triển năng lực và sự tiến bộ của học viên trên cơ sở yêu cầu cần đạt ở mỗi kỳ; điều chỉnh các hoạt động dạy học, bảo đảm sự tiến bộ của từng học viên và nâng cao chất lượng giáo dục môn Toán nói riêng và chất lượng giáo dục nói chung.

Vận dụng kết hợp nhiều hình thức đánh giá (đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ), nhiều phương pháp đánh giá (quan sát, ghi lại quá trình thực hiện, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, tự luận, kiểm tra viết, bài tập thực hành, các dự án/sản phẩm học tập, thực hiện nhiệm vụ thực tiễn,...) và vào những thời điểm thích hợp.

Đánh giá thường xuyên do giáo viên phụ trách môn học tổ chức, kết hợp với đánh giá của giáo viên các môn học khác, của bản thân học sinh được đánh giá và của các học sinh khác trong tổ, trong lớp hoặc đánh giá của cha mẹ học viên. Đánh giá quá trình đi liền với tiến trình hoạt động học tập của học viên, tránh tình trạng tách rời giữa quá trình dạy học và quá trình đánh giá, bảo đảm mục tiêu đánh giá vì sự tiến bộ trong học tập của học viên.

Đánh giá định kỳ (hay đánh giá tổng kết) có mục đích chính là đánh giá việc thực hiện các mục tiêu học tập. Kết quả đánh giá định kỳ và đánh giá tổng kết được sử dụng để chứng nhận cấp độ học tập, công nhận thành tích của học viên. Đánh giá định kỳ do cơ sở giáo dục tổ chức hoặc thông qua các kì kiểm tra, đánh giá quốc gia.

Đánh giá định kỳ còn được sử dụng để phục vụ quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng ở cơ sở giáo dục và phục vụ phát triển chương trình môn Toán.

Đánh giá năng lực học viên thông qua các bằng chứng biểu hiện kết quả đạt được trong quá trình thực hiện các hành động của học viên. Tiến trình đánh giá gồm các bước cơ bản như: xác định mục đích đánh giá; xác định bằng chứng cần thiết; lựa chọn các phương pháp, công cụ đánh giá thích hợp; thu thập bằng chứng; giải thích bằng chứng và đưa ra nhận xét.

Chú trọng việc lựa chọn phương pháp, công cụ đánh giá các thành tố của năng lực toán học. Cụ thể:

Handwritten signature

- Đánh giá năng lực tư duy và lập luận toán học: có thể sử dụng một số phương pháp, công cụ đánh giá như các câu hỏi (nói, viết), bài tập,... mà đòi hỏi học viên phải trình bày, so sánh, phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức; phải vận dụng kiến thức toán học để giải thích, lập luận.

- Đánh giá năng lực mô hình hoá toán học: lựa chọn những tình huống trong thực tiễn làm xuất hiện bài toán toán học. Từ đó, đòi hỏi học viên phải xác định được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, bảng biểu, đồ thị,...) cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn; giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập; thể hiện và đánh giá được lời giải trong ngữ cảnh thực tiễn và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp.

- Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề toán học: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nhận dạng tình huống, phát hiện và trình bày vấn đề cần giải quyết; mô tả, giải thích các thông tin ban đầu, mục tiêu, mong muốn của tình huống vấn đề đang xem xét; thu thập, lựa chọn, sắp xếp thông tin và kết nối với kiến thức đã có; sử dụng các câu hỏi (có thể yêu cầu trả lời nói hoặc viết) đòi hỏi người học vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề, đặc biệt các vấn đề thực tiễn; sử dụng phương pháp quan sát (như bảng kiểm theo các tiêu chí đã xác định), quan sát người học trong quá trình giải quyết vấn đề; đánh giá qua các sản phẩm thực hành của người học (chẳng hạn sản phẩm của các dự án học tập); quan tâm hợp lý đến các nhiệm vụ đánh giá mang tính tích hợp.

- Đánh giá năng lực giao tiếp toán học: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nghe hiểu, đọc hiểu, ghi chép (tóm tắt), phân tích, lựa chọn, trích xuất được các thông tin toán học cơ bản, trọng tâm trong văn bản nói hoặc viết; sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường trong việc trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác.

- Đánh giá năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản, ưu điểm, hạn chế của các công cụ, phương tiện học toán; trình bày được cách sử dụng (hợp lý) công cụ, phương tiện học toán để thực hiện nhiệm vụ học tập hoặc để diễn tả những lập luận, chứng minh toán học.

Khi giáo viên lên kế hoạch bài học, cần thiết lập các tiêu chí và cách thức đánh giá để bảo đảm ở cuối mỗi bài học học viên đạt được các yêu cầu cơ bản dựa trên các tiêu chí đã nêu, trước khi thực hiện các hoạt động học tập tiếp theo.

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

1. Giải thích thuật ngữ

1.1. Một số thuật ngữ chuyên môn

luat

- Hình học trực quan: giúp học viên đi từ cụ thể đến trừu tượng, từ hình ảnh trực quan đến những kiến thức hình học đã được trừu tượng hoá, hình thức hoá. Ví dụ: theo nội dung ở các kỳ, học viên được làm quen với việc học hình học thông qua hình ảnh trực quan hoặc các dụng cụ trực quan (vật thật), không có yếu tố suy luận. Vì thế, hình học được giảng dạy trong giai đoạn đầu của tiến trình nhận thức hình học của học viên được gọi là hình học trực quan. Khi dạy học hình học trực quan, giáo viên không nhất thiết yêu cầu học viên suy luận, tránh gây áp lực không tốt lên học viên, nhưng cũng có thể đề cập đến những kiến thức hình học đã được hình thức hoá nếu điều kiện nhận thức của học viên cho phép.

1.2. Từ ngữ thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt

Môn Toán sử dụng một số động từ để thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của người học, được nêu trong bảng tổng hợp dưới đây. Một số động từ được sử dụng ở các mức độ khác nhau nhưng trong mỗi trường hợp thể hiện một hành động có đối tượng và yêu cầu cụ thể.

Trong quá trình dạy học, đặc biệt là khi đặt câu hỏi thảo luận, ra đề kiểm tra đánh giá, giáo viên có thể dùng những động từ nêu trong bảng tổng hợp hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương cho phù hợp với tình huống sư phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho học viên.

Mức độ	Một số động từ mô tả mức độ	Ví dụ minh họa
Biết (Nhận biết và nhớ lại các thông tin đã được tiếp nhận trước đó)	Đọc; Đếm; Viết; Làm quen; Nhận dạng; Nhận biết.	- Đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 10. - Làm quen với ước lượng số lượng đồ vật theo các nhóm 1 chục. - Nhận dạng được hình tứ giác thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật. - Nhận biết được tia số.
Hiểu (Hiểu được ý nghĩa của thông tin, diễn đạt được thông tin theo ý)	Mô tả; Giải thích; Thể hiện;	- Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng bảng. - Giải thích được tính chất cơ bản của phân số - Thể hiện được các số đo đại lượng bằng cách dùng số thập phân.

chun

Mức độ	Một số động từ mô tả mức độ	Ví dụ minh họa
hiểu của cá nhân)	Sắp xếp.	- Sắp xếp được số liệu vào biểu đồ cột.
Vận dụng (Vận dụng thông tin đã biết vào một tình huống, điều kiện mới hoặc để giải quyết vấn đề)	Tính; Vẽ; Thực hiện; Sử dụng; Vận dụng; So sánh; Phân biệt; Lí giải; Giải quyết.	- Tính được độ dài đường gấp khúc khi biết độ dài các cạnh - Vẽ được đoạn thẳng có độ dài cho trước - Thực hiện được phép cộng hai số thập phân - Sử dụng được compa để vẽ đường tròn. - Vận dụng được qui tắc tính diện tích hình chữ nhật để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn. - So sánh được hai phân số cho trước. - Phân biệt được góc vuông, góc không vuông - Lí giải được cách chuyển phân số thập phân thành số thập phân - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến hình phẳng và hình khối đã học.

2. Thời lượng thực hiện môn Toán

2.1. Thời lượng thực hiện ở các kỳ

Kỳ	Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Kỳ 5
Số tiết	75	95	100	135	132
Phân đoạn	Giai đoạn 1 (270 tiết)			Giai đoạn 2 (267 tiết)	
Tổng số tiết	537 (tiết)				

Trong 267 tiết của giai đoạn 2 có 02 chuyên đề học tập, mỗi chuyên đề có thời lượng từ 5-10 tiết (Môn Toán biên soạn 3 chuyên đề học tập để giáo viên và học viên lựa chọn 2/3 chuyên đề phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tiễn tại các địa phương.

luu

Thời gian thực hiện mỗi tiết học là 35 phút/tiết.

2.2. Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục

Ước lượng thời gian (tính theo %) cho các mạch nội dung ở từng lớp (không tính chuyên đề học tập) như sau:

Kỳ \ Nội dung		Số và phép tính	Hình học và Đo lường	Thống kê và Xác suất
Môn Toán	Kỳ 1	85%	15%	0%
	Kỳ 2	75%	20%	5%
	Kỳ 3	70%	25%	5%
	Kỳ 4	75%	20%	5%
	Kỳ 5	55%	40%	5%
Toàn bộ 05 Kỳ		71%	24%	5%

3. Thiết bị dạy học

3.1. Thiết bị dạy học môn Toán chứa đựng, mô tả những tri thức có khả năng hỗ trợ giáo viên và học viên hướng vào đối tượng toán học cụ thể (khái niệm, quan hệ, tính chất toán học,...) nhằm phát hiện, tìm tòi, khắc sâu kiến thức,... trong quá trình học tập môn Toán.

3.2. Việc sử dụng thiết bị dạy học môn Toán cần bảo đảm một số yêu cầu sau:

- Các thiết bị dạy học phải phục vụ cho mục tiêu dạy học môn Toán, phù hợp với nội dung học và các đối tượng học viên, hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học và tránh làm tăng thêm nội dung dạy học, công việc của giáo viên và gây tốn kém không cần thiết.

Handwritten signature

- Sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, tránh hình thức hoặc lạm dụng gây phản tác dụng, làm giảm hiệu quả của quá trình dạy học; tạo điều kiện để học viên thực sự được thực hành, thao tác trên các thiết bị dạy học, qua đó giúp học viên chủ động, tích cực khám phá, phát hiện kiến thức và góp phần phát triển “năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán”.

- Khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kĩ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học, đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống. Khi có điều kiện, giáo viên hướng dẫn học viên cách tìm kiếm thông tin, tư liệu trên Internet hoặc chương trình truyền hình có uy tín về giáo dục để mở rộng vốn hiểu biết và năng lực tự học.

- Tăng cường thiết bị dạy học tự làm: Ngoài các thiết bị dạy học tối thiểu được quy định trong danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành cần huy động sáng kiến, sự sáng tạo của học viên, giáo viên và phụ huynh trong việc khai thác, thiết kế và sử dụng các thiết bị dạy học tự làm.

- Phối hợp sử dụng linh hoạt các loại hình thiết bị dạy học: Mỗi loại hình thiết bị đều có ưu điểm và hạn chế nhất định, do đó tùy thuộc nội dung bài học, phương pháp dạy học mà có thể kết hợp sử dụng các loại hình thiết bị dạy học và phối hợp một cách hợp lí, khoa học và sinh động.

3.3. Căn cứ mục tiêu và yêu cầu cần đạt của chương trình môn Toán, giáo viên so sánh, đối chiếu với danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của môn Toán Cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để rà soát, bổ sung một số thiết bị phù hợp với đặc thù đối tượng.

Handwritten signature

MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU MÔN HỌC

1. Mục tiêu chung

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội góp phần hình thành, phát triển ở học viên tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương; đức tính chăm chỉ; ý thức bảo vệ sức khỏe của bản thân, gia đình, cộng đồng; ý thức tiết kiệm, giữ gìn, bảo vệ tài sản; tinh thần trách nhiệm với môi trường sống; các năng lực chung và năng lực khoa học.

2. Mục tiêu giai đoạn 1

Môn Tự nhiên và Xã hội nhằm giúp học viên

- Hình thành và phát triển được: tình yêu, tự hào về thiên nhiên, quê hương; yêu quý, quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình, bạn bè, thầy cô và những người khác; đức tính chăm chỉ và trung thực; tinh thần trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và môi trường sống ý thức tiết kiệm, giữ gìn và bảo vệ tài sản.
- Trình bày được ở mức độ đơn giản về một số đặc điểm, vai trò của một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ thường gặp trong môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh như sức khỏe và sự an toàn trong cuộc sống, mối quan hệ của học sinh với gia đình, nhà trường, cộng đồng và thế giới tự nhiên,... bằng các hình thức biểu đạt khác nhau.
- So sánh, lựa chọn, phân loại được một số sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và xã hội theo một số tiêu chí.
- Đặt được các câu hỏi đơn giản và quan sát, thực hành đơn giản để tìm hiểu về một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh.
- Nhận xét được về những đặc điểm bên ngoài, so sánh sự giống, khác nhau giữa các sự vật, hiện tượng xung quanh và sự thay đổi của chúng theo thời gian một cách đơn giản thông qua kết quả quan sát, thực hành.
- Giải thích được ở mức độ đơn giản một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh.
- Phân tích được tình huống liên quan đến vấn đề an toàn, sức khỏe của bản thân, người khác và môi trường sống xung quanh.
- Giải quyết được vấn đề, đưa ra được cách ứng xử phù hợp trong các tình huống có liên quan (ở mức độ đơn giản); trao đổi, chia sẻ với những người xung quanh để cùng thực hiện; nhận xét được cách ứng xử trong mỗi tình huống.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Về phẩm chất

thư

Môn Tự nhiên và Xã hội hình thành, phát triển ở người học phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

2. Về năng lực

Môn Tự nhiên và Xã hội hình thành, phát triển ở người học năng lực chung và năng lực đặc thù theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học gồm: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực khoa học

Các thành phần của năng lực khoa học bao gồm nhận thức khoa học, tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

III. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

Mạch nội dung	Kỳ 2	Kỳ 3
Chủ đề gia đình	x	x
Chủ đề cộng đồng địa phương	x	x
Chủ đề thực vật và động vật	x	x
Chủ đề con người và sức khỏe	x	x
Chủ đề trái đất và bầu trời	x	x

2. Phân bổ mạch nội dung theo các kì học

Mạch nội dung theo chủ đề	Kỳ 2	Kỳ 3
<i>Gia đình</i>	- Thành viên và mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình - Nghề nghiệp của các thành viên trong gia đình	- Các thế hệ trong gia đình - Họ hàng nội, ngoại - Ngày kỉ niệm, sự kiện đáng nhớ của gia đình

thực

Mạch nội dung theo chủ đề	Kỳ 2	Kỳ 3
	- Nhà ở và giữ vệ sinh nhà ở - Đồ dùng trong nhà và sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà - Sắp xếp đồ dùng trong gia đình gọn gàng, ngăn nắp - Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà.	- Phòng tránh hoá hoạn khi ở nhà - Giữ vệ sinh xung quanh nhà
<i>Cộng đồng địa phương</i>	- Các thành viên, nhiệm vụ của một số thành viên trong lớp học và hoạt động của người học - Một số hoạt động của người dân trong cộng đồng - An toàn khi tham gia giao thông	- Hoạt động kết nối với xã hội - Một số hoạt động sản xuất - Một số di tích văn hoá lịch sử và cảnh quan thiên nhiên - Giữ an toàn và vệ sinh khi tham gia một số hoạt động ở cộng đồng
<i>Thực vật và động vật</i>	- Chăm sóc, bảo vệ cây trồng, vật nuôi và môi trường sống của thực vật, động vật	- Các bộ phận của thực vật, động vật và chức năng của các bộ phận đó - Sử dụng hợp lý thực vật và động vật
<i>Con người và sức khỏe</i>	- Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể - Chăm sóc, bảo vệ cơ thể khoẻ mạnh và an toàn	- Một số cơ quan bên trong cơ thể: vận động, hô hấp, bài tiết nước tiểu, tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh - Chăm sóc và bảo vệ các cơ quan trong cơ thể
<i>Trái Đất và bầu trời</i>	- Thời tiết - Các mùa trong năm	- Phương hướng - Một số đặc điểm của Trái Đất

Mạch nội dung theo chủ đề	Kỳ 2	Kỳ 3
	- Một số thiên tai thường gặp	- Trái Đất trong hệ Mặt Trời

3. Nội dung và yêu cầu cần đạt cụ thể của từng kì học

KỠ 2

Nội dung chủ đề	Yêu cầu cần đạt
GIA ĐÌNH	
Thành viên và mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình	- Giới thiệu được bản thân và các thành viên trong gia đình. - Nêu được ví dụ về bản thân và các thành viên trong gia đình làm công việc nhà và chia sẻ thời gian nghỉ ngơi, vui chơi cùng nhau. - Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với các thành viên trong gia đình.
Nghề nghiệp của các thành viên trong gia đình	- Nêu được tên công việc, nghề nghiệp của các thành viên trong gia đình và ý nghĩa của những công việc, nghề nghiệp đó đối với gia đình và xã hội. - Thu thập được một số thông tin về những công việc, nghề có thu nhập, những công việc tình nguyện không nhận lương. - Chia sẻ được với các bạn, người thân về công việc, nghề nghiệp yêu thích/ nghề nghiệp của mình.
Nhà ở, đồ dùng trong nhà; sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà	- Nêu được một số đặc điểm của nhà ở hoặc nơi gia đình đang sống. - Kể được tên/Liệt kê được những đồ dùng, thiết bị trong nhà nếu sử dụng không cẩn thận có thể làm bản thân hoặc người khác gặp nguy hiểm; - Đề xuất và thực hiện được việc sử dụng an toàn một số đồ dùng trong gia đình và lựa chọn được cách xử lí tình huống khi bản thân hoặc người nhà có nguy cơ bị thương

Handwritten signature

✓

Nội dung chủ đề	Yêu cầu cần đạt
An toàn khi tham gia giao thông	- Phân biệt được một số loại biển báo giao thông (biển báo chỉ dẫn; biển báo cấm; biển báo nguy hiểm) và đèn hiệu giao thông. - Nêu được quy định khi đi trên một số phương tiện giao thông (ví dụ: xe máy, xe buýt, đò, thuyền,...) và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện. - Dự đoán được một số tình huống nguy hiểm, các rủi ro có thể xảy ra trên đường và nêu được cách phòng tránh.
THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	
Chăm sóc, bảo vệ cây trồng, vật nuôi và môi trường sống của thực vật, động vật	- Tìm hiểu, phân loại được một số thực vật, động vật có ở xung quanh và mô tả được môi trường sống của chúng. - Nêu và cùng gia đình thực hiện được một số việc để chăm sóc, bảo vệ cây trồng, vật nuôi. - Có ý thức giữ an toàn cho bản thân khi tiếp xúc với một số cây, con vật và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện. - Thu thập được thông tin về một số việc làm của con người có thể làm thay đổi môi trường sống của thực vật, động vật. - Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật. - Nêu và thực hiện được những việc làm để bảo vệ, hạn chế sự thay đổi môi trường sống của thực vật, động vật và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.
CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ	
Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể	- Nêu được tên, chức năng của các bộ phận bên ngoài cơ thể và các giác quan. - Giải thích được tại sao cần phải chăm sóc, bảo vệ cơ thể và các giác quan.
Giữ cho cơ thể khoẻ mạnh và an toàn	- Nêu và thực hiện được việc cần làm để giữ vệ sinh, bảo vệ cơ thể và các giác quan trong cuộc sống hằng ngày.

Nội dung chủ đề	Yêu cầu cần đạt
	- Nêu được số bữa cần ăn trong ngày và tên một số thức ăn, đồ uống giúp cho cơ thể khoẻ mạnh và an toàn; tự nhận xét được thói quen ăn uống của bản thân. - Xác định được các hoạt động vận động và nghỉ ngơi có lợi cho sức khoẻ; liên hệ với những hoạt động hằng ngày của bản thân. - Dự đoán được một số tình huống có nguy cơ không an toàn cho bản thân và biết được cách phòng tránh.
TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI	
Thời tiết và các mùa trong năm	- Mô tả được một số hiện tượng thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh, gió, ... - Nêu được sự cần thiết phải theo dõi dự báo thời tiết hằng ngày. - Có ý thức bảo vệ mắt, không nhìn trực tiếp vào Mặt Trời và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện. - Nêu được tên và một số đặc điểm của các mùa trong năm (ví dụ: mùa xuân, mùa hè, mùa thu, mùa đông; mùa mưa và mùa khô). - Lựa chọn và thực hiện được sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết để giữ cơ thể khoẻ mạnh.
Một số thiên tai thường gặp	- Nhận biết và mô tả được một số hiện tượng thiên tai (ví dụ: bão, lũ, lụt, giông sét, hạn hán, ...). - Thu thập được thông tin về một số rủi ro dẫn đến các thiệt hại về tính mạng con người và tài sản do thiên tai gây ra. - Nêu và biết được cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai thường xảy ra ở địa phương. - Chia sẻ với những người xung quanh và cùng thực hiện phòng tránh rủi ro thiên tai.

~

KỶ 3

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
GIA ĐÌNH	
Các thế hệ trong gia đình	- Nêu được các thành viên trong gia đình hai thế hệ, ba thế hệ và (hoặc) bốn thế hệ. - Trình bày được sơ đồ các thế hệ của gia đình mình theo mẫu. - Nói được sự cần thiết của việc chia sẻ, dành thời gian quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau giữa các thế hệ trong gia đình. - Thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc yêu thương của bản thân với các thế hệ trong gia đình.
Họ hàng nội, ngoại	- Nêu được mối quan hệ và cách xưng hô với các thành viên trong gia đình thuộc họ hàng nội, ngoại. - Trình bày được sơ đồ gia đình và họ hàng nội, ngoại theo mẫu. - Bày tỏ được tình cảm, sự gắn bó của bản thân với họ hàng nội, ngoại.
Ngày kỉ niệm, sự kiện đáng nhớ của gia đình	- Nêu được tên một số ngày kỉ niệm hay sự kiện quan trọng của gia đình và thông tin có liên quan đến những sự kiện đó (ví dụ: một chuyến đi dã ngoại, du lịch đáng nhớ của cả gia đình; thay đổi nơi ở, nơi học, công việc của thành viên gia đình,...). - Vẽ được đường thời gian theo thứ tự các sự kiện lớn, các mốc quan trọng đã xảy ra trong gia đình. - Nhận xét được sự thay đổi của gia đình theo thời gian qua một số ví dụ.
Phòng tránh hỏa hoạn khi ở nhà	- Nêu được một số nguyên nhân dẫn đến cháy nhà và nêu được những thiệt hại có thể xảy ra (về người, tài sản,...) do hỏa hoạn. - Đưa ra được cách ứng xử phù hợp trong tình huống có cháy xảy ra; Nhận xét về những cách ứng xử đó.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	- Thực hành ứng xử trong tình huống giả định khi có cháy xảy ra.* - Điều tra, phát hiện được những thứ có thể gây cháy trong nhà và thực hiện được biện pháp để phòng cháy.
Giữ vệ sinh xung quanh nhà	- Kể tên và làm được một số việc phù hợp để giữ vệ sinh xung quanh nhà. - Giải thích được một cách đơn giản tại sao cần phải giữ vệ sinh xung quanh nhà.
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	
Hoạt động kết nối với xã hội	- Nêu được tên và ý nghĩa một đến hai hoạt động kết nối với xã hội (ví dụ: hoạt động bảo vệ môi trường, hoạt động truyền thông về an toàn giao thông, hoạt động ủng hộ đồng bào bị thiên tai,...) và mô tả được hoạt động đó. - Nhận xét được về sự tham gia của học viên trong các hoạt động. - Có ý thức giữ gìn và thực hiện giữ vệ sinh khi tham gia hoạt động.
Một số hoạt động sản xuất	- Trình bày, giới thiệu được một số hoạt động sản xuất, sản phẩm của địa phương dựa trên các thông tin, tranh ảnh, vật thật,... sưu tầm được. - Chia sẻ được với những người xung quanh về sự cần thiết phải tiêu dùng tiết kiệm, bảo vệ môi trường.
Di tích văn hoá, lịch sử và cảnh quan thiên nhiên	- Giới thiệu được (bằng lời hoặc kết hợp lời nói với hình ảnh) một di tích lịch sử, văn hoá hoặc cảnh quan thiên nhiên ở địa phương. - Thể hiện sự tôn trọng và có ý thức giữ vệ sinh khi đi tham quan di tích văn hoá, lịch sử hoặc cảnh quan thiên nhiên.
THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	
Chức năng của các bộ phận của thực vật và động vật	- Trình bày được chức năng của các bộ phận của thực vật và động vật. - Phân loại được thực vật và động vật dựa trên một số tiêu chí (ví dụ: đặc điểm của

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	thân, rể, lá,...; đặc điểm cơ quan di chuyển,...).
Sử dụng hợp lí thực vật và động vật	- Thu thập thông tin, nhận xét về cách sử dụng thực vật và động vật của gia đình và cộng đồng địa phương. - Đề xuất cách sử dụng thực vật và động vật hợp lí. Chia sẻ với những người xung quanh để cùng thực hiện.
CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ	
Một số cơ quan bên trong cơ thể: vận động, hô hấp, bài tiết nước tiểu, tiêu hóa, tuần hoàn, thần kinh	- Nhận biết được các bộ phận chính của các cơ quan vận động, hô hấp, bài tiết nước tiểu, tiêu hóa, tuần hoàn, thần kinh trên sơ đồ, tranh ảnh. - Nêu được chức năng của các cơ quan trên qua hoạt động hằng ngày của bản thân.
Chăm sóc, bảo vệ các cơ quan trong cơ thể	- Nhận biết và thực hiện được đi, đứng, ngồi, mang cặp đúng tư thế để phòng tránh cong vẹo cột sống. - Nêu được ích lợi và thực hiện được việc hít vào, thở ra đúng cách và tránh xa nơi có khói bụi để bảo vệ cơ quan hô hấp. - Nêu được ích lợi và thực hiện được việc uống đủ nước, không nhịn tiểu để phòng tránh bệnh sỏi thận. - Nêu được một số ví dụ về mối quan hệ với gia đình hoặc bạn bè có ảnh hưởng tốt hoặc xấu đến trạng thái cảm xúc (hoặc sức khỏe tinh thần) của mỗi người. - Thu thập được thông tin về một số thức ăn, đồ uống, chất, hoạt động có lợi hoặc gây hại đối với một số cơ quan. - Trình bày và thực hiện được một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn, bảo vệ các cơ quan đó. - Xây dựng và thực hiện được thời gian biểu phù hợp để có được thói quen học tập,

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	làm việc, ăn uống, nghỉ ngơi điều độ và ngủ đủ giấc.
TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI	
Phương hướng	– Kể được bốn phương chính trong không gian theo quy ước. – Thực hành xác định được các phương chính dựa trên phương Mặt Trời mọc, lặn hoặc sử dụng la bàn.
Một số đặc điểm của Trái Đất	- Chỉ được cực Bắc, cực Nam, đường Xích đạo, bán cầu Bắc, bán cầu Nam và các đới khí hậu trên quả địa cầu. - Trình bày được một vài hoạt động tiêu biểu của con người ở từng đới khí hậu. - Tìm và nói được tên các châu lục và các đại dương trên quả địa cầu. Chỉ được vị trí của Việt Nam trên quả địa cầu. - Nêu được một số dạng địa hình của Trái Đất: đồng bằng, đồi, núi, cao nguyên; sông, hồ; biển, đại dương dựa vào tranh ảnh và (hoặc) video. - Xác định được nơi học viên đang sống thuộc dạng địa hình nào.
Trái Đất trong hệ Mặt Trời	- Chỉ và nói được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời trên sơ đồ tranh ảnh. - Chỉ và trình bày được chiều chuyển động của Trái Đất quanh mình nó và quanh Mặt Trời trên sơ đồ và (hoặc) mô hình. - Giải thích được ở mức độ đơn giản hiện tượng ngày và đêm, qua sử dụng mô hình hoặc video. - Chỉ được chiều chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất trên sơ đồ và (hoặc) mô hình. - Nêu được Trái Đất là một hành tinh trong hệ Mặt Trời, Mặt Trăng là vệ tinh của Trái Đất.

leul

IV. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Phương pháp giáo dục

1.1. Định hướng chung

Phương pháp giáo dục môn Tự nhiên và Xã hội được thực hiện theo các định hướng sau:

- Dạy học gắn với thực tiễn, khai thác những kiến thức, kinh nghiệm của học viên về cuộc sống xung quanh; phát huy trí tò mò khoa học, hướng đến sự phát triển các mối quan hệ tích cực của học viên với môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh; hướng dẫn học viên cách đặt câu hỏi, cách thu thập thông tin và tìm kiếm các bằng chứng, cách sử dụng các thông tin, bằng chứng thu thập được để đưa ra những nhận xét, kết luận mang tính khách quan, khoa học.

- Tổ chức cho học viên học thông qua quan sát. Đối tượng quan sát là các sự vật, hiện tượng tự nhiên và xã hội từ tranh ảnh, vật thật, video, môi trường xung quanh. Hoạt động quan sát nhằm phát triển ở học viên các kĩ năng nhận xét, so sánh, phân loại, phân tích, suy luận, khái quát hoá những gì đã quan sát được.

- Tổ chức cho học viên học thông qua trải nghiệm. Học viên thực hiện các hoạt động điều tra, khám phá, vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống xung quanh, qua đó, học cách giải quyết một số vấn đề thường gặp; ứng xử phù hợp với sức khoẻ, sự an toàn của bản thân và những người xung quanh; bảo vệ môi trường sống.

- Tổ chức cho học viên học thông qua tương tác. Học viên thực hiện các hoạt động thảo luận, thực hành, xử lí tình huống thực tiễn,... để hình thành, phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, giao tiếp và sự tự tin.

- Lựa chọn, phối hợp, vận dụng các phương pháp giáo dục một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể.

1.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

- Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu

Phẩm chất học viên được hình thành, phát triển nhờ tương tác, trải nghiệm trong các hoạt động học tập đa dạng ở trường và tham gia các hoạt động trong môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh.

- Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung

+ Để góp phần hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học ở học viên, giáo viên đưa ra các nhiệm vụ học tập như quan sát, đọc thông tin trong sách, khai thác các nguồn tư liệu bổ trợ, ... và các câu hỏi hợp lý, giúp học viên tích cực, chủ động, biết cách học độc lập.

+ Để góp phần hình thành và phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác ở học viên, giáo viên tổ chức các hoạt động học tập theo nhóm hoặc cả lớp; yêu cầu học viên trao đổi chia sẻ thông tin đã thu thập được hoặc nội dung bài học và cùng nhau hợp tác để hoàn thành sản phẩm học tập chung; tạo điều kiện để học viên nhận xét, góp ý cho các sản phẩm học tập của học viên khác, nhóm khác.

+ Để góp phần hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo ở học viên, giáo viên thiết kế các tình huống có vấn đề để tạo điều kiện cho học viên tham gia tích cực vào giải quyết vấn đề của bài học, giáo viên sử dụng các câu hỏi, bài tập, tình huống có nội dung thực tiễn, tạo điều kiện cho học viên vận dụng phối hợp kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tế cuộc sống; các câu hỏi mở, bài tập có nhiều cách giải hoặc các nhiệm vụ học tập đòi hỏi sự sáng tạo; các câu hỏi, nhiệm vụ học tập phân hoá cho các nhóm đối tượng học viên.

1.3. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển năng lực khoa học

- Để hình thành và phát triển thành phần năng lực nhận thức khoa học, giáo viên tạo cho học viên cơ hội huy động những hiểu biết, kinh nghiệm sẵn có để tham gia hình thành kiến thức mới; tổ chức các hoạt động trong đó học viên được trình bày hiểu biết của mình, so sánh, phân loại các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội, giải thích một số mối quan hệ trong gia đình, cộng đồng và trong tự nhiên; hệ thống hoá kiến thức, kết nối được kiến thức mới với hệ thống kiến thức đã có.

- Để hình thành và phát triển thành phần năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội, giáo viên cần chú ý tạo cơ hội để học viên được đề xuất những câu hỏi, phát hiện vấn đề cần tìm hiểu và tích cực tham gia giải quyết vấn đề. Chú trọng cho học viên quan sát, đọc tài liệu, thực hiện điều tra, thực hành để tìm hiểu các sự vật, hiện tượng, các mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh; thu thập và ghi lại các dữ liệu từ quan sát, thực hành; nhận xét về những đặc điểm bên ngoài, so sánh sự giống, khác nhau giữa các sự vật, hiện tượng xung quanh và sự thay đổi của chúng theo thời gian.

- Để hình thành và phát triển thành phần năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người, xã hội, giáo viên sử dụng những câu hỏi, bài tập đòi hỏi học viên phải vận dụng các kiến thức, kĩ năng,... đã học để giải quyết các nhiệm vụ học tập trong bối cảnh, tình huống mới gắn với thực tế cuộc sống, vừa sức với học viên,...

Thư

2. Đánh giá kết quả giáo dục

Đánh giá kết quả giáo dục môn Tự nhiên và Xã hội được thực hiện theo các yêu cầu sau:

- Mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình môn Tự nhiên và Xã hội và sự tiến bộ của học viên để điều chỉnh hoạt động dạy của giáo viên và người quản lý, đồng thời khuyến khích học viên phát huy điểm mạnh, chăm chỉ học tập, tìm hiểu, khám phá các vấn đề có liên quan.

- Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong Chương trình. Bên cạnh đánh giá kiến thức, kỹ năng, tăng cường đánh giá thái độ của học viên trong học tập; Đặc biệt coi trọng đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế đời sống.

- Kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; giữa đánh giá định tính và định lượng; giữa đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của học viên.

- Đánh giá tổng kết được thực hiện nhằm xác định mức độ học sinh đạt được các yêu cầu của chương trình môn học sau khi học xong các chủ đề. Kết quả đánh giá tổng kết được ghi bằng điểm số kết hợp với nhận xét của giáo viên.

- Sử dụng các phương pháp, công cụ đánh giá khác nhau như đánh giá thông qua trả lời miệng, bài viết (bài tự luận, bài trắc nghiệm khách quan, bài thu hoạch tham quan, báo cáo kết quả sưu tầm,...); đánh giá thông qua quan sát (quan sát học viên thực hiện các nhiệm vụ thực hành, thảo luận nhóm, học ngoài thực địa, tham quan,... bằng cách sử dụng bảng quan sát, bảng kiểm, hồ sơ học tập,...); đánh giá qua các sản phẩm thực hành của học viên;...

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải thích thuật ngữ

Trong văn bản Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội chỉ giải thích thuật ngữ thể hiện mức độ của các yêu cầu cần đạt với người học. Một số động từ được sử dụng ở các mức độ khác nhau nhưng trong mỗi trường hợp thể hiện một hành động có đối tượng và yêu cầu cụ thể. Trong bảng dưới đây, đối tượng, yêu cầu cụ thể của mỗi hành động được chỉ dẫn bằng các từ ngữ khác nhau đặt trong ngoặc đơn.

Trong quá trình dạy học, đặc biệt là khi đặt câu hỏi thảo luận, ra đề kiểm tra đánh giá, giáo viên có thể dùng những động từ nêu trong bảng dưới đây hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương cho phù hợp với tình huống sư phạm

luu

và nhiệm vụ cụ thể giao cho học viên.

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
Biết	Nêu được (công việc của người dân trong cộng đồng và đóng góp của công việc đó cho cộng đồng;...); kể được (tên các hoạt động chính trong lớp học...).
	Nhận biết được (tên gọi, chức năng các bộ phận bên ngoài và các giác quan của cơ thể;...); xác định được (các hoạt động vận động và nghỉ ngơi có lợi cho sức khỏe; một số tình huống nguy hiểm, rủi ro có thể xảy ra trong khi tham gia các hoạt động và cách phòng tránh;...).
Hiểu	Mô tả được (một số hiện tượng thiên tai;...); vẽ được (đường thời gian theo thứ tự các sự kiện lớn, các mốc quan trọng đã xảy ra trong gia đình;...),
	Trình bày được (một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn, bảo vệ cơ quan tiêu hóa, cơ quan tuần hoàn và thần kinh;...); nêu được ví dụ (về việc sử dụng thực vật và động vật trong đời sống hằng ngày;...).
	phân loại được (thực vật dựa trên một số tiêu chí. Ví dụ: đặc điểm của thân, rễ, lá,...).
Vận dụng	Nhận xét được (sự thay đổi của gia đình theo thời gian qua một số ví dụ;...); đặt được câu hỏi (về tên, nơi sống của thực vật ở xung quanh;...).
	Giải thích được (một cách đơn giản tại sao cần phải giữ vệ sinh xung quanh nhà;...); thực hiện được (sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết để giữ gìn sức khỏe; một số việc làm để đóng góp cho cộng đồng địa phương;...).
	Đưa ra được (cách xử lý tình huống khi học viên hoặc người nhà bị ngộ độc; cách ứng xử phù hợp trong tình huống giả định có cháy xảy ra; nhận xét về những cách ứng xử đó;...); đề xuất (cách sử dụng thực vật và động vật hợp lý;...).

2. Thời lượng thực hiện Chương trình

Thời lượng thực hiện chương trình mỗi kì là 65 tiết. Ước lượng tỷ lệ % số tiết dành cho các chủ đề ở mỗi kì như sau:

Handwritten signature

Chủ đề	Kỳ 2	Kỳ 3
Gia đình	15%	12%
Cộng đồng địa phương	20%	20%
Thực vật và động vật	20%	17%
Con người và sức khỏe	22%	26%
Trái Đất và bầu trời	13%	15%
Đánh giá định kì	10%	10%

3. Thiết bị dạy học

Thiết bị dạy học của môn Tự nhiên và Xã hội gồm các thiết bị dùng để thực hành theo nhóm, cá nhân :

- Quả địa cầu.

- Bộ tranh rời về: các cơ quan vận động, hô hấp, bài tiết, tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh.

Ngoài ra, cần khai thác môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh trong dạy học; kết hợp sử dụng những thiết bị dạy học được cung cấp với đồ dùng dạy học do giáo viên và học viên tự làm.

Handwritten signature

MÔN KHOA HỌC

I. MỤC TIÊU MÔN HỌC

1. Mục tiêu chung

Chương trình môn Khoa học trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất về khoa học, tin học và công nghệ; góp phần củng cố những phẩm chất, năng lực môn Tự nhiên - Xã hội đã có ở giai đoạn trước; hình thành, phát triển những phẩm chất, năng lực chung và năng lực cơ bản về khoa học, tin học và công nghệ phục vụ cho lao động và sản xuất, thích ứng được với sự phát triển của xã hội; có kiến thức và kĩ năng bảo vệ sức khỏe bản thân và cộng đồng, tinh thần trách nhiệm với môi trường sống; tình yêu quê hương, đất nước.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Kỳ 4

Học xong Kỳ 4 môn Khoa học, học viên xóa mù chữ cần đạt được một số mục tiêu sau:

- Trình bày được những hiểu biết cơ bản về chất, năng lượng, vai trò của chất và năng lượng đối với cuộc sống con người và thực, động vật; sự trao đổi chất và nhu cầu dinh dưỡng của thực vật, động vật; nhu cầu dinh dưỡng của con người và một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng; ảnh hưởng của môi trường tự nhiên đến cuộc sống con người, thực và động vật.

- Bước đầu hình thành cho học viên tư duy giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính; nhận biết được các thành phần cơ bản của máy tính; biết cách tổ chức, lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin; tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet để giải trí, sử dụng phù hợp với nhu cầu của cuộc sống.

- Nhận biết được vai trò của sản phẩm công nghệ với cuộc sống, gia đình và xã hội; những sáng chế tác động lớn đến cuộc sống con người; sử dụng hiệu quả, an toàn sản phẩm công nghệ trong gia đình như đèn, quạt, máy thu thanh, máy thu hình,.. sử

dụng phẩm công nghệ đúng, phù hợp và hiệu quả trong lao động, sản xuất.

2.2. Kỳ 5

Học xong Kỳ 5 môn Khoa học, học viên xóa mù chữ cần đạt được một số mục tiêu sau:

- Củng cố những hiểu biết cơ bản đã học ở Kỳ 5.
- Nhận biết được vai trò của các dạng năng lượng đối với cuộc sống con người, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hiểu được sự sinh sản, lớn lên và phát triển của thực vật, động vật; hiểu được quá trình sinh sản và phát triển ở người, chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì và biết cách phòng tránh bị xâm hại tình dục; vai trò của môi trường đất đối với sinh vật và con người; trình bày được những những tác động của con người đến môi trường.
- Sử dụng được công cụ tìm kiếm thông tin trên mạng Internet để phục vụ học tập, giải trí, đáp ứng nhu cầu thông tin trong cuộc sống hàng ngày, chia sẻ thông tin với người khác; có ý thức tuân thủ quy định về việc khai thác, sử dụng thông tin mạng; sử dụng được phần mềm tạo dựng văn bản để giải quyết những vấn đề trong thực tiễn.
- Trình bày được vai trò của cây xanh, trồng và chăm sóc một số loại cây cảnh và cây ăn quả; làm được sản phẩm thủ công (hoa lụa, hoa giấy, ...); sử dụng đúng, hiệu quả, an toàn một số sản phẩm công nghệ, thiết bị điện trong gia đình (điện thoại, tủ lạnh, điều hòa,...); thiết kế được sản phẩm công nghệ đơn giản và lắp ghép được một số mô hình sản phẩm công nghệ; ứng dụng quy trình thiết kế sản phẩm công nghệ đơn giản đáp ứng nhu cầu cuộc sống thường ngày.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Môn Khoa học hình thành và phát triển ở học viên phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học đã được quy định tại Chương trình Xóa mù chữ Tổng thể.

Handwritten signature

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Môn Khoa học ở Chương trình Xóa mù chữ hình thành và phát triển ở học viên các năng lực như: nhận thức về môi trường tự nhiên và xã hội, tin học và công nghệ, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn lao động và sản xuất.

Những biểu hiện của năng lực khoa học trong môn Khoa học được trình bày trong bảng sau:

Thành phần năng lực	Biểu hiện
Nhận thức về khoa học tự nhiên, tin học và công nghệ	- Hiểu và trình bày được sơ sự vật, hiện tượng đơn giản trong môi trường tự nhiên và xung quanh. - Nhận ra được sự khác biệt của môi trường tự nhiên và môi trường sống do con người tạo ra. - Có được khả năng về tư duy, thích ứng với việc sử dụng máy tính và thiết bị số thông minh. - Nhận biết và nêu được nhu cầu tìm kiếm thông tin từ nguồn dữ liệu số khi giải quyết công việc trong học tập, lao động và cuộc sống. - Nêu được vai trò của các sản phẩm công nghệ trong đời sống gia đình, nhà trường, trình bày được quy trình làm một số sản phẩm thủ công kĩ thuật đơn giản.
Tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh	- Quan sát, thực hành đơn giản để tìm hiểu được về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh. - Quan sát, tra cứu các nguồn tư liệu để tìm thông tin về các sự kiện, hiện tượng trong tự nhiên.

luu

	- Nhận xét được tác động của thiên nhiên đến hoạt động sản xuất của con người và tác động của con người đến tự nhiên.
Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	- Giải quyết được vấn đề, đưa ra cách ứng xử phù hợp trong các tình huống liên quan đến sức khỏe, đến môi trường tự nhiên, xã hội, sản xuất và đời sống. - Sử dụng được máy tính hỗ trợ giải trí và trong công việc, thông qua đó biết được một số lợi ích mà thiết bị kĩ thuật số có thể đem lại cho con người. - Tìm được thông tin trong máy tính và trên Internet theo hướng dẫn; biết sử dụng tài nguyên thông tin và kĩ thuật của ICT để giải quyết một số vấn đề phù hợp với lứa tuổi. - Sử dụng an toàn và hiệu quả vật dụng trong gia đình, phục vụ công việc và sinh hoạt. - Đề xuất ý tưởng, thực hiện được một số hành động như sử dụng tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường,...

III. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

Mạch nội dung	Kỳ 4	Kỳ 5
Khoa học		
- Chất và năng lượng	X	X
- Thực vật và động vật	X	X

Chưa

- Nấm và vi khuẩn	X	
- Con người và sức khỏe	X	X
- Sinh vật và môi trường	X	X
- Chuyên đề tự chọn:		
+ Vệ sinh an toàn thực phẩm và một số bệnh lây truyền qua thực phẩm	X	
+ Đa dạng sinh học và cuộc sống	X	
+ Phòng chống lạm dụng xâm hại tình dục ở trẻ em		X
+ Bảo vệ môi trường địa phương		X
Tin học		
- Máy tính và chúng ta	X	
- Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm trên máy tính	X	
- Internet và Đạo đức, pháp luật, văn hóa trong môi trường số		X
- Ứng dụng tin học		X
Công nghệ		
- Công nghệ và đời sống	X	X
- Thủ công kĩ thuật	X	X
- Chuyên đề tự chọn:		

Thư

+ Đồ dùng điện và an toàn điện trong gia đình	X	
+ Làm hoa giấy, hoa vải	X	
+ Trồng cây ăn quả		X
+ Lắp đặt mạng điện trong nhà		X

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các mức độ

KỲ 4

KHOA HỌC

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Số tiết
Chủ đề 1: Chất và năng lượng		10
Nước	- Nêu được và liên hệ được vai trò của nước với đời sống con người, trong sản xuất và sinh hoạt; nguyên nhân gây ra ô nhiễm nguồn nước; sự cần thiết phải bảo vệ nguồn nước và phải sử dụng tiết kiệm nước. - Trình bày được một số cách làm sạch nước; liên hệ thực tế về cách làm sạch nước ở gia đình và địa phương. - Thực hiện được và vận động những người xung quanh cùng bảo vệ nguồn nước và sử dụng nước tiết kiệm.	
Không khí	- Trình bày được vai trò của không khí đối với sự sống. - Nêu được nguyên nhân gây ra ô nhiễm không khí; - Thực hiện được việc làm phù hợp để bảo vệ bầu không khí trong lành	

Chen

	và vận động những người xung quanh cùng thực hiện. - Nêu và thực hiện các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường, khí độc (vệ sinh chuồng trại chăn nuôi, xả nước thải; xử lý nước thải...)	
Ánh sáng	- Nêu được ví dụ về các vật phát sáng và các vật được chiếu sáng. - Vận dụng được kiến thức về tính chất cho ánh sáng truyền qua hay không cho ánh sáng truyền qua của các vật để giải thích được một số hiện tượng tự nhiên và ứng dụng thực tế. - Xác định được nguyên nhân có bóng của vật và giải thích được sự thay đổi của bóng khi vị trí của vật hoặc của nguồn sáng thay đổi. - Nêu được vai trò của ánh sáng đối với sự sống; vận dụng trong thực tế cuộc sống. - Biết tránh ánh sáng quá mạnh chiếu vào mắt; sử dụng ánh sáng phù hợp phù hợp để bảo vệ mắt, tránh bị cận thị.	
Âm thanh, nhiệt	- Lấy được ví dụ thực tế để minh họa các vật phát ra âm thanh đều rung động. - Nêu được dẫn chứng về âm thanh có thể truyền qua chất khí, chất lỏng, chất rắn. - So sánh được độ to của âm thanh khi lại gần hoặc ra xa nguồn âm. - Trình bày được tác hại của tiếng ồn và một số biện pháp chống ô nhiễm tiếng ồn trong cuộc sống. - Vận dụng được kiến thức nhiệt truyền từ vật nóng hơn sang vật lạnh hơn để giải thích, đưa ra cách làm vật nóng lên hay lạnh đi trong tình huống đơn giản.	

chua

	- Vận dụng được kiến thức về vật dẫn nhiệt tốt hoặc kém để giải quyết một số vấn đề đơn giản trong cuộc sống.	
Chủ đề 2: Thực vật và động vật		10
Nhu cầu sống của thực vật và động vật	- Nêu được các yếu tố cần cho sự sống và phát triển của thực vật (ánh sáng, không khí, nước, chất khoáng và nhiệt độ) thông qua các ví dụ thực tiễn hoặc quan sát tranh ảnh, video clip. - Trình bày được thực vật có khả năng tự tổng hợp chất dinh dưỡng cần cho sự sống. - Vẽ được sơ đồ về sự trao đổi khí, nước, chất khoáng của thực vật với môi trường. - Đưa ra được dẫn chứng cho thấy động vật cần ánh sáng, không khí, nước, nhiệt độ và thức ăn để sống và phát triển. - Trình bày được động vật không tự tổng hợp được các chất dinh dưỡng, phải sử dụng các chất dinh dưỡng của thực vật và động vật khác để sống và phát triển. - Vẽ được sơ đồ về sự trao đổi khí, nước, thức ăn của động vật với môi trường. - Vận dụng kiến thức trong chăm sóc vật nuôi, cây trồng.	
Chủ đề 3: Nấm và vi khuẩn		4
Nấm. Nấm có lợi và nấm có hại	- Nhận biết được hình dạng, kích thước, màu sắc và nơi sống của một số loại nấm phổ biến. - Trình bày được lợi ích, tác hại của một số nấm và sử dụng nấm men	

Handwritten signature

	có ích trong chế biến thực phẩm. - Nêu được một số cách bảo quản thực phẩm. - Kể được tên một số bệnh ở người do vi khuẩn gây; nêu được nguyên nhân gây bệnh và cách phòng tránh.	
Chủ đề 4: Con người và sức khỏe		8
Dinh dưỡng ở người	- Kể được tên các nhóm chất dinh dưỡng có trong thức ăn và nêu được vai trò của chúng đối với cơ thể. - Lấy được ví dụ về các thức ăn khác nhau cung cấp cho cơ thể các chất dinh dưỡng và năng lượng ở mức độ khác nhau. - Trình bày được sự cần thiết phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn, ăn nhiều rau, hoa quả và uống đủ nước mỗi ngày. - Lựa chọn được về chế độ ăn uống cân bằng, chế độ ăn uống phù hợp lứa tuổi. - Nhận xét được bữa ăn có cân bằng, lành mạnh dựa vào sơ đồ tháp dinh dưỡng và đối chiếu với thực tế bữa ăn trong ngày. - Nêu được khái niệm về thực phẩm an toàn và lí do cần phải sử dụng thực phẩm an toàn. - Chỉ ra được một số dấu hiệu để nhận biết thực phẩm an toàn thông qua vật thật hoặc tranh ảnh, video clip	
Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng	- Nêu được tên, dấu hiệu chính và nguyên nhân của một số bệnh do thiếu hoặc thừa chất dinh dưỡng. - Thực hiện được phòng, tránh một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng và vận động mọi người trong gia đình cùng thực hiện.	

Handwritten signature

Chủ đề 5: Sinh vật và môi trường		8
Chuỗi thức ăn	- Trình bày được mối liên hệ giữa các sinh vật trong tự nhiên thông qua chuỗi thức ăn. - Sử dụng được sơ đồ đơn giản để mô tả sinh vật này là thức ăn của sinh vật khác trong tự nhiên.	
Vai trò của thực vật trong chuỗi thức ăn	- Trình bày được vai trò quan trọng của thực vật đối với việc cung cấp thức ăn cho con người và động vật. - Thực hiện được một số việc làm giữ cân bằng chuỗi thức ăn trong tự nhiên và vận động gia đình cùng thực hiện.	
Chuyên đề tự chọn		
Chuyên đề 1: vệ sinh an toàn thực phẩm và một số bệnh lây truyền qua thực phẩm	- Nêu được một số kiến thức cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm. - Trình bày được nguyên nhân, hậu quả của thực phẩm nhiễm bẩn và ngộ độc thực phẩm. - Biết cách phòng chống, xử trí khi bị ngộ độc thực phẩm. - Biết cách lựa chọn, chế biến và bảo quản thực phẩm an toàn vệ sinh. - Trình bày những quy định pháp luật có liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm. - Phản đối những hành vi vi phạm pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm.	10 tiết
Chuyên đề 2: Đa dạng sinh học với cuộc sống	- Nêu được một số khái niệm và nội dung chính của đa dạng sinh học. - Trình bày được giá trị đa dạng sinh học đối với cuộc sống. - Nêu được thực trạng đa dạng sinh học của Việt Nam. - Chỉ ra được một số nguyên nhân và hậu quả của suy giảm đa dạng	10 tiết

Handwritten signature

	sinh học. - Kể được một số quy định pháp luật về bảo vệ đa dạng sinh học. - Xác định được trách nhiệm của người dân cộng đồng đối với việc bảo vệ đa dạng sinh học. - Bảo vệ nguồn đa dạng sinh học của Việt Nam và tại địa phương. - Không đồng tình với những hành động làm suy giảm đa dạng sinh học.	
--	--	--

TIN HỌC

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Số tiết
Chủ đề 1: Máy tính và chúng ta		10
Khám phá máy tính	- Nhận diện và phân biệt được một số dạng máy tính thường gặp như máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh cùng các bộ phận cơ bản của chúng (màn hình, thân máy, bàn phím, chuột). - Nêu được sơ lược về chức năng của bàn phím và chuột, màn hình và loa. Nhận biết được màn hình cảm ứng của máy tính bảng, điện thoại thông minh, ... cũng là thiết bị tiếp nhận thông tin vào. - Biết và ngồi đúng tư thế khi làm việc với máy tính, biết vị trí phù hợp của màn hình (với mắt, với nguồn sáng trong phòng, ...). - Nêu được tác hại của việc ngồi sai tư thế hoặc sử dụng máy tính quá lâu. Nhận ra được tư thế ngồi sai khi làm việc với máy tính. - Khởi động được máy tính, kích hoạt được một phần mềm ứng dụng và	

Handwritten signature

	thoát ra khỏi được hệ thống đang chạy theo đúng cách. - Nêu được ví dụ cụ thể về những thao tác không đúng cách sẽ gây tổn hại cho thiết bị khi. - Sử dụng được chuột và thực hiện được các thao tác cơ bản đúng cách như: di chuyển, nháy, nháy đúp, kéo thả chuột. - Biết thực hiện quy tắc an toàn về điện, có ý thức đề phòng tai nạn về điện khi sử dụng máy tính.	
Phần cứng và phần mềm	- Nêu được tên một số thiết bị phần cứng và phần mềm đã biết. - Nêu được sơ lược về vai trò của phần cứng, phần mềm và mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa chúng. - Nêu được ví dụ cụ thể về một số thao tác không đúng sẽ gây ra lỗi cho phần cứng và phần mềm trong quá trình sử dụng máy tính.	
Làm quen với bàn phím và lợi ích của việc gõ bàn phím đúng cách	- Chỉ ra được khu vực chính của bàn phím và nêu được tên các hàng phím. - Giải thích được lợi ích của việc gõ bàn phím đúng cách. - Biết vị trí đặt các ngón tay trên hàng phím cơ sở và thực hiện được thao tác gõ các phím ở hàng cơ sở, hàng trên, hàng dưới đúng quy định của cách gõ bàn phím. - Biết vị trí đặt các ngón tay trên hàng phím số và thực hiện được thao tác gõ đúng cách. - Gõ được đúng cách một đoạn văn bản ngắn khoảng 50 từ.	

Handwritten signature

Chủ đề 2: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm trên máy tính		10
Thông tin và xử lý thông tin	- Nêu được ví dụ đơn giản minh họa cho vai trò quan trọng của thông tin thu nhận hàng ngày đối với việc ra quyết định của con người. - Nhận biết được trong ví dụ của giáo viên, cái gì là thông tin và đâu là quyết định. - Nhận biết được ba dạng thông tin hay gặp: chữ, âm thanh, hình ảnh. - Nhận biết được thông tin thu nhận và được xử lý là gì, kết quả của xử lý là hành động hay ý nghĩ gì. - Nêu được ví dụ minh họa cho vai trò của máy móc khi tiếp nhận thông tin để quyết định hành động. - Nhận ra được trong ví dụ của giáo viên, máy đã xử lý thông tin nào và kết quả xử lý ra sao.	
Sắp xếp để dễ tìm	- Giải thích được nếu sắp xếp những gì ta có một cách hợp lý thì khi cần sẽ tìm được nhanh hơn. - Sắp xếp được đồ vật hay dữ liệu hợp lý theo một số yêu cầu cụ thể. - Nêu được cách tìm đúng và nhanh đối tượng cần tìm dựa trên sự sắp xếp. - Biết được có thể biểu diễn một sắp xếp, phân loại cụ thể bằng sơ đồ hình cây.	
Làm quen với thư mục lưu trữ thông tin trong máy tính	- Nhận biết được tệp, thư mục và ổ đĩa. - Mô tả sơ lược được vai trò của cấu trúc cây thư mục trong việc lưu các tệp và các thư mục. - Tìm hiểu được cấu trúc cây của một thư mục để biết nó chứa những thư mục con nào, những tệp nào.	

	- Tìm được tệp ở thư mục cho trước theo yêu cầu.	
Tổ chức cây thư mục và tìm tệp lưu trữ trong máy tính	- Thực hiện được các thao tác cơ bản với thư mục và tệp: tạo và xóa thư mục, xóa tệp, di chuyển một thư mục hay một tệp vào trong thư mục khác, sao chép thư mục và tệp, đổi tên tệp. - Nêu được tác hại khi thao tác nhầm, từ đó có ý thức cẩn thận khi thực hiện những thao tác nêu trên. - Tạo được các thư mục với cấu trúc cây hợp lí. - Sử dụng được công cụ tìm kiếm trên máy tính để tìm các thư mục và các tệp.	

CÔNG NGHỆ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Số tiết
Chủ đề 1: Công nghệ và đời sống		10
Tự nhiên và công nghệ	- Phân biệt được đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ. - Nêu được tác dụng của một số sản phẩm công nghệ trong gia đình. - Có ý thức giữ gìn sản phẩm công nghệ trong gia đình.	
Sử dụng đèn điện	- Nhận biết được một số loại đèn điện thông dụng trong gia đình. - Xác định vị trí đặt đèn an toàn, phù hợp. - Nhận biết và phòng tránh được những tình huống mất an toàn khi sử dụng đèn điện.	

Thư

Sử dụng quạt điện	- Nêu được tác dụng và mô tả được các bộ phận chính của quạt điện. - Nhận biết được một số loại quạt điện thông dụng. - Xác định vị trí đặt quạt an toàn, phù hợp. - Nhận biết và phòng tránh được những tình huống mất an toàn khi sử dụng quạt điện.	
Sử dụng máy thu thanh	- Nêu được tác dụng của máy thu thanh. - Dựa vào sơ đồ khối, mô tả được mối quan hệ đơn giản giữa đài phát thanh và máy thu thanh. - Kể tên và nêu được nội dung phát thanh của một số chương trình trên đài phát thanh. - Chọn được kênh phát thanh, thay đổi âm lượng theo ý muốn.	
Sử dụng máy thu hình	- Trình bày được tác dụng của máy thu hình (tivi) trong gia đình. - Dựa vào sơ đồ khối, mô tả được mối quan hệ đơn giản giữa đài truyền hình và tivi. - Kể được tên và nêu được nội dung của một số kênh truyền hình phổ biến. - Lựa chọn được vị trí ngồi đảm bảo góc nhìn và khoảng cách hợp lý khi xem tivi. - Chọn được kênh, điều chỉnh được âm thanh của tivi theo ý muốn.	
An toàn với môi trường công nghệ trong gia đình	- Nhận biết và phòng tránh được một số tình huống không an toàn (Ví dụ: các tình huống liên quan đến điện, nhiệt, khói, khí gas, các đồ vật sắc, nhọn,...) cho người từ môi trường công nghệ trong gia đình. - Báo cho người khác biết khi có sự cố, tình huống mất an toàn xảy ra.	

Thư Viện Pháp Luật * Tel: +84-28-3930 3279 * Email: www.ThuVienPhapLuat.vn

lưu

Chủ đề 2: Thủ công kỹ thuật		10
Làm đồ trang trí bằng giấy	- Lựa chọn được loại giấy phù hợp với yêu cầu trang trí. - Sử dụng được các dụng cụ để làm đồ trang trí đúng cách, an toàn. - Làm được một đồ trang trí nhà cửa đơn giản theo các bước cho trước, đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, thẩm mỹ.	
Làm đồ dùng đơn giản từ chai nhựa	- Nêu được ý nghĩa của việc tái chế chai nhựa. - Lựa chọn được chai nhựa phù hợp với yêu cầu. - Lựa chọn và sử dụng được dụng cụ để làm đồ dùng đúng cách, an toàn. - Làm được một đồ dùng đơn giản theo các bước cho trước, đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, thẩm mỹ.	
Làm đồ dùng trong gia đình	- Nhận biết và sử dụng an toàn một số đồ dùng đơn giản trong gia đình. - Làm được một đồ dùng đơn giản theo hướng dẫn. - Tính toán được chi phí cho một đồ dùng đơn giản.	
Chuyên đề tự chọn		
Chuyên đề 1: Đồ dùng điện và an toàn điện trong gia đình	- Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính và công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình (Ví dụ: nồi cơm điện, bếp điện, đèn điện, quạt điện,...). - Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn. - Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình. - Nhận biết được một số nguyên nhân gây tai nạn điện.	5

Hand

	- Trình bày được một số biện pháp sử dụng điện an toàn. - Sử dụng được một số dụng cụ bảo vệ an toàn điện. - Thực hiện được một số động tác cơ bản sơ cứu người bị tai nạn điện.	
Chuyên đề 2: Làm hoa giấy, hoa vải	- Lựa chọn được dụng cụ, vật liệu cần thiết và phù hợp để làm sản phẩm hoa giấy, hoa vải. - Làm được một số loại hoa giấy, hoa vải đơn giản. - Có ý thức thực hiện công việc theo quy trình công nghệ, có ý thức về an toàn lao động và bảo vệ môi trường. - Tính toán được chi phí và hiệu quả kinh tế khi làm hoa giấy, hoa vải. - Yêu thích lao động, kiên nhẫn, tỉ mỉ, sáng tạo trong công việc.	5

KỶ 5

KHOA HỌC

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Số tiết
Chủ đề 1: Chất và năng lượng		10
Đất	- Trình bày được vai trò của đất đối với cây trồng. - Nêu được nguyên nhân, tác hại của ô nhiễm, xói mòn đất và biện pháp chống ô nhiễm, xói mòn đất. - Thực hiện được việc làm giúp bảo vệ môi trường đất và vận động những người xung quanh cùng thực hiện. - Trồng được một số loại cây phù hợp với loại đất, làm tăng độ phì nhiêu cho đất.	
Sự biến đổi của chất	- Lấy được một số ví dụ đơn giản về biến đổi hóa học (ví dụ: đinh gỉ, giấy cháy,	

leu

	than cháy...). - Trình bày được cách phòng tránh khi bị giẫm phải đinh gi, ngộ độc than...	
Năng lượng	- Trình bày được một số nguồn năng lượng thông dụng. - Sử dụng được một số nguồn năng lượng thông dụng trong cuộc sống hằng ngày.	
Năng lượng điện, năng lượng chất đốt, năng lượng mặt trời, và năng lượng gió	- Mô tả được cấu tạo và hoạt động của mạch điện thấp sáng gồm: nguồn điện, công tắc và bóng đèn. - Giải thích được lí do sử dụng vật dẫn điện, vật cách điện trong một số đồ vật, tình huống thường gặp. - Nêu được một số quy tắc cơ bản về an toàn điện và tuân thủ các quy tắc an toàn điện trong tình huống thường gặp. - Nêu được một số nguồn năng lượng chất đốt và vai trò của chúng trong đời sống và sản xuất. - Kể được tên một số phương tiện, máy móc và hoạt động của con người sử dụng năng lượng mặt trời, gió và nước chảy. - Thu thập, xử lí thông tin và trình bày được (bằng những hình thức khác nhau) về việc khai thác, sử dụng tiết kiệm các dạng năng lượng nêu trên. - Khuyến khích, vận động mọi người sử dụng năng lượng mặt trời và năng lượng gió.	
Chủ đề 2: Thực vật và động vật		10
Sinh sản ở thực vật và động vật	- Xác định được cơ quan sinh sản của thực vật có hoa; phân biệt được hoa đơn tính và hoa lưỡng tính. - Vẽ sơ đồ (hoặc sử dụng sơ đồ đã cho), ghi chú được tên các bộ phận của hoa	

2/2021

	và các bộ phận của hạt. - Nêu được vai trò của nhị và nhuỵ trong quá trình thụ phấn, thụ tinh, tạo hạt và quả. - Nêu được các hình thức sinh sản của động vật đẻ trứng, đẻ con.	
Sự lớn lên và phát triển của thực vật, động vật	- Trình bày được số giai đoạn phát triển chính của cây con mọc lên từ hạt và cây con mọc lên từ một số bộ phận của cây mẹ. - Trình bày được quá trình phát triển và vòng đời của một số động vật đẻ trứng và đẻ con.	
Chủ đề 3: Con người và sức khỏe		12
Sinh sản và phát triển ở người	- Phân biệt được đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của nam và nữ; thể hiện được thái độ và thực hiện tôn trọng người cùng giới và khác giới. - Sử dụng được sơ đồ và một số thuật ngữ (trứng, tinh trùng, sự thụ tinh,...) để trình bày quá trình hình thành cơ thể người. - Phân biệt được một số giai đoạn phát triển chính của con người (tuổi ấu thơ, tuổi dậy thì, tuổi trưởng thành,...).	
Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì	- Thực hiện được việc cần làm để chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ về thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì. - Giải thích được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt là ở tuổi dậy thì. - Có ý thức và kĩ năng thực hiện vệ sinh cơ thể, đặc biệt là vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài.	
Chủ đề 4: Sinh vật và môi trường		8
Vai trò của môi trường đối với sinh vật và con người	- Trình bày được các chức năng cơ bản của môi trường đối với sinh vật nói chung và con người nói riêng.	
Tác động của con người đến môi trường	- Trình bày được những tác động tiêu cực và những tác động tích cực đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Thực hiện được một số việc làm thiết thực, phù hợp để góp phần bảo vệ tài	

2/2021

	nguyên thiên nhiên và môi trường.	
Chuyên đề tự chọn		
Chuyên đề 1: Phòng chống lạm dụng và xâm hại tình dục ở trẻ em	- Nêu được ví dụ về hậu quả của việc lạm dụng và xâm hại tình dục trẻ em ở địa phương. - Phân tích được hậu quả của việc lạm dụng xâm hại tình dục trẻ em. - Nhận biết dấu hiệu và giúp đỡ trẻ em bị lạm dụng xâm hại tình dục. - Nêu lên được một số qui định pháp luật về phòng, chống lạm dụng xâm hại tình dục trẻ em. - Phản đối, tố cáo và ngăn cản hành vi lạm dụng xâm hại tình dục trẻ em. - Có ý thức cảnh giác và bảo vệ trẻ em tránh bị lạm dụng xâm hại tình dục. - Tuyên truyền mọi người trong gia đình, và cộng đồng có ý thức cảnh giác và bảo vệ trẻ em khỏi bị lạm dụng xâm hại tình dục.	10 tiết
Chuyên đề 2: Bảo vệ môi trường cộng đồng	- Nêu được vai trò của môi trường đối với cuộc sống. - Tham gia xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường của cộng đồng. - Thực hiện các hành động bảo vệ môi trường khi tổ chức và tham gia các sinh hoạt chung. - Có ý thức thực hiện và tuyên truyền cho cộng đồng bảo vệ môi trường khi tham gia hoạt động tập thể. - Có thái độ phê phán những hành động phá hoại môi trường khi tham gia hoạt động tập thể. - Tuyên truyền mọi người trong gia đình, và cộng đồng có ý thức bảo vệ môi trường sống của cộng đồng.	10 tiết

chun

TIN HỌC

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Số tiết
Chủ đề 1: Internet và Đạo đức, pháp luật, văn hóa trong môi trường số		10
Xem tin và giải trí trên trang web	- Nêu được ví dụ về tin tức và chương trình giải trí có thể xem được trên trang web. - Nêu được ví dụ những thông tin nào có thể tìm thấy trên Internet. - Biết được những thông tin nào trên Internet phù hợp với từng đối tượng khác nhau.	
Thông tin trên trang web	- Nhận biết và phân biệt được các loại thông tin chính trên trang web: văn bản, hình ảnh, âm thanh, siêu văn bản. - Giải thích được sơ lược tác hại khi cố tình truy cập vào những trang web không nên xem.	
Tìm kiếm thông tin trên Internet	- Xác định được chủ đề (từ khoá) của thông tin cần tìm. - Dùng máy tìm kiếm để tìm thông tin theo chủ đề (từ khoá). - Thực hiện được việc tìm kiếm thông tin trên Internet.	
Tìm kiếm thông tin để giải quyết vấn đề	- Giải thích được sự cần thiết, tầm quan trọng của việc thu thập và tìm kiếm thông tin để giải quyết vấn đề trong học tập, lao động và trong cuộc sống hàng ngày. - Tìm kiếm và chọn được thông tin trên Internet phù hợp với vấn đề cần giải quyết. - Hợp tác, chia sẻ được thông tin với các học viên trong nhóm để hoàn thành	

Thư Viện Pháp Việt Nam
Số điện thoại: +84 28 3930 3279 * www.ThuVienPhapVietNam.vn

Handwritten signature

	công việc được giao.	
Sử dụng thông tin cá nhân trong môi trường số một cách phù hợp	- Biết được thông tin cá nhân và gia đình có thể được lưu trữ và trao đổi nhờ máy tính. - Có ý thức bảo vệ thông tin cá nhân và gia đình khi giao tiếp qua máy tính; biết được việc người xấu có thể lợi dụng những thông tin này gây hại cho bản thân và gia đình.	
Bản quyền sử dụng phần mềm	- Nêu được một số ví dụ cụ thể về phần mềm miễn phí và phần mềm không miễn phí. - Có ý thức chỉ được sử dụng phần mềm có bản quyền khi được phép.	
Bản quyền nội dung thông tin	- Nhận biết và giải thích sơ lược được một số vấn đề đạo đức và tính hợp lệ của việc truy cập nội dung, việc bảo mật thông tin. - Tôn trọng tính riêng tư và bản quyền nội dung thông tin. - Không đồng tình với hiện tượng sai trái, gian dối trong học tập và đời sống như xem thư riêng hay sao chép tệp của người khác khi chưa được sự đồng ý,...	
Chủ đề 2: Ứng dụng tin học		10
Tập soạn thảo văn bản	- Nhận biết được biểu tượng của phần mềm soạn thảo văn bản và kích hoạt được bằng chuột. - Soạn thảo được văn bản tiếng Việt có chữ hoa, có dấu và lưu trữ được vào thư mục theo yêu cầu. - Đưa được hình ảnh vào văn bản.	

2/2021

	- Chỉnh sửa được văn bản với các thao tác chọn, xóa, sao chép, di chuyển một đoạn văn bản. - Mở được tệp có sẵn, đặt và đổi được tên tệp.	
Thực hành soạn thảo văn bản	- Thực hiện thành thạo các thao tác chọn, xóa, sao chép, di chuyển một đoạn văn bản. - Định dạng được kí tự để trình bày văn bản đẹp hơn: chọn kiểu, kích thước, màu sắc cho chữ. - Đưa được hình ảnh vào trong văn bản một cách thành thạo.	
Ứng dụng của máy tính trong giải trí, học tập và lao động	- Nêu được ví dụ máy tính giúp con người trong các hoạt động giải trí, học tập và lao động. - Có ý thức học sử dụng máy tính thành thạo để làm được nhiều việc hơn.	

CÔNG NGHỆ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Số tiết
Chủ đề 1: Công nghệ và đời sống		10
Hoa và cây cảnh trong đời sống	- Nêu được lợi ích của hoa và cây cảnh đối với đời sống. - Nhận biết được một số loại hoa và cây cảnh phổ biến. - Có hứng thú với việc trồng, chăm sóc và bảo vệ hoa, cây cảnh.	
Trồng hoa và cây cảnh trong chậu	- Trình bày được đặc điểm của một số loại chậu trồng hoa và cây cảnh. - Nêu được một số loại giá thể dùng để trồng hoa và cây cảnh trong chậu. - Tóm tắt được nội dung các bước gieo hạt, trồng cây con trong chậu. - Mô tả được các công việc chủ yếu để chăm sóc một số loại hoa và cây cảnh phổ biến.	

Handwritten signature

	- Thực hiện được việc gieo hạt trong chậu. - Trồng và chăm sóc được một số loại hoa và cây cảnh trong chậu	
Tìm hiểu thiết kế	- Nhận thức được muốn tạo ra sản phẩm công nghệ cần phải thiết kế. - Kể được tên các công việc chính khi thiết kế. - Vẽ phác thảo, nêu được ý tưởng thiết kế một sản phẩm công nghệ đơn giản. - Thiết kế được một sản phẩm thủ công kĩ thuật đơn giản theo hướng dẫn	
Sử dụng điện thoại	- Trình bày được tác dụng của điện thoại; nhận biết được các bộ phận cơ bản của điện thoại; - Nhận biết được các biểu tượng thể hiện trạng thái và chức năng hoạt động của điện thoại. - Ghi nhớ, thực hiện được cuộc gọi tới các số điện thoại của người thân và các số điện thoại khẩn cấp khi cần thiết. - Sử dụng điện thoại an toàn, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với quy tắc giao tiếp. - Sử dụng các ứng dụng cần thiết trên điện thoại thông minh (nếu có)	
Sử dụng tủ lạnh	- Trình bày được tác dụng của tủ lạnh trong gia đình. - Nhận biết được vị trí, vai trò các khoang khác nhau trong tủ lạnh. - Thực hiện được việc sắp xếp, bảo quản thực phẩm trong tủ lạnh đúng cách, an toàn. - Nhận ra được một số biểu hiện bất thường của tủ lạnh trong quá trình sử dụng.	
Chủ đề 2: Thủ công kĩ thuật		10

Handwritten signature

Làm đồ chơi dân gian	- Nhận biết và sử dụng được một số đồ chơi dân gian. - Làm được đồ chơi dân gian theo hướng dẫn. - Tính toán chi phí cho một đồ chơi dân gian tự làm.	
Lắp ráp mô hình xe điện chạy bằng pin	- Kể tên, nhận biết được các chi tiết của bộ lắp ghép mô hình xe điện chạy bằng pin. - Lắp ráp, vận hành được mô hình xe điện chạy bằng pin.	
Lắp ráp mô hình máy phát điện gió	- Mô tả được cách tạo ra điện từ gió. - Nhận biết và mô tả được các bộ phận chính của mô hình máy phát điện gió. - Lắp ráp được mô hình máy phát điện gió. - Kiểm tra được hoạt động của mô hình với các tốc độ gió khác nhau.	
Lắp ráp mô hình điện mặt trời	- Mô tả được cách tạo ra điện từ ánh sáng mặt trời. - Nhận biết và mô tả được các bộ phận chính của mô hình điện dùng năng lượng mặt trời. - Lắp ráp được mô hình điện mặt trời. - Kiểm tra được hoạt động của mô hình với những độ sáng mặt trời khác nhau.	
Chuyên đề tự chọn		
Chuyên đề 1: Trồng cây ăn quả	- Nêu được tên các loại cây ăn quả thường trồng nhiều ở địa phương. - Phân tích được đặc điểm và điều kiện sống của một số loại cây ăn quả phổ biến ở địa phương. - Nêu được quy trình trồng, chăm sóc và kỹ thuật tỉa cành tạo tán, điều khiển ra hoa, đậu quả của một số loại cây ăn quả phổ biến. - Thực hiện được kỹ thuật nhân giống vô tính một số loại cây ăn quả phổ biến.	5

lưu

	- Trồng và chăm sóc một loại cây ăn quả. - Tính toán được chi phí và hiệu quả kinh tế khi trồng cây ăn quả. - Có ý thức bảo vệ môi trường và an toàn lao động.	
Chuyên đề 2: Lắp đặt mạng điện trong nhà	- Mô tả được chức năng, cấu tạo và thông số kỹ thuật của thiết bị đóng cắt, lấy điện trong gia đình. - Sử dụng được một số dụng cụ đo điện cơ bản. - Thiết kế được sơ đồ nguyên lý và sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà. - Lựa chọn được thiết bị, dụng cụ, vật liệu phù hợp cho mạng điện trong nhà. - Lắp đặt được mạng điện trong nhà theo thiết kế. - Kiểm tra, thử nghiệm mạng điện hoạt động đúng yêu cầu, an toàn. - Tính toán được chi phí cho một mạng điện đơn giản trong nhà. - Thực hiện an toàn, vệ sinh lao động, nghiêm túc, trách nhiệm trong công việc.	5

IV. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Phương pháp giáo dục

Quan điểm chủ đạo: tổ chức dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm.

- Giáo viên đưa ra các nhiệm vụ học tập với các câu hỏi phù hợp trên cơ sở tổ chức cho học viên quan sát mẫu vật, tranh ảnh, khai thác các nguồn tư liệu hỗ trợ.

- Tạo cơ hội cho học viên huy động những hiểu biết, kinh nghiệm sẵn có để tham gia hình thành kiến thức mới.

- Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học viên và điều kiện cụ thể. Kết hợp các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại,...) với phương pháp dạy học tích cực (thảo luận, tranh luận, đóng vai, dự án,...).

- Sử dụng hợp lý và có hiệu quả các thiết bị dạy học trong đó chú trọng các loại hình: mô hình hiện vật, tranh lịch sử, bản đồ, sơ đồ, các bản thống kê, so sánh,.. ; phim video.

- Thiết kế các tình huống có vấn đề, đặc biệt là những tình huống thường xảy ra trong thực tế, đời sống gắn với môi trường sản xuất và sinh hoạt của học viên, tạo điều kiện để học viên tham gia tích cực vào việc giải quyết vấn đề của bài học và vận dụng kiến thức đã học vào thực tế đời sống.

4.2. Đánh giá kết quả giáo dục

- Mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình của học viên để hướng dẫn hoạt động học và điều chỉnh hoạt động dạy, hoạt động quản lí.

- Phương châm đánh giá là khuyến khích được sự say mê học tập, tìm hiểu, khám phá các vấn đề có liên quan đến môn học, giúp học viên tự tin, chủ động sáng tạo và chăm chỉ học tập, rèn luyện.

- Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong Chương trình xóa mù chữ và chương trình môn Khoa học xóa mù chữ; chú trọng khả năng vận dụng kiến thức học viên đã học để giải quyết những tình huống cụ thể trong cuộc sống, lao động.

- Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì; giữa đánh giá định tính và định lượng. Đặc biệt với đối tượng học viên xóa mù chữ cần coi trọng đánh giá sản phẩm.

- Sử dụng các hình thức đánh giá khác nhau: đánh giá thông qua bài viết, cuối mỗi kỳ có 01 bài kiểm tra đánh giá cuối kỳ để xác nhận đã hoàn thành nội dung học tập của kỳ.

V. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải thích từ và thuật ngữ

Handwritten signature

Chương trình Xóa mù chữ môn Khoa học sử dụng một số động từ để thể hiện mức độ yêu cầu cần đạt của học viên. Động từ được sử dụng ở các mức độ khác nhau nhằm thể hiện một hành động có đối tượng và yêu cầu cụ thể cần thực hiện. Trong bảng dưới đây, đối tượng, yêu cầu cụ thể của mỗi hành động, trong ngoặc là ví dụ minh họa. Trong quá trình dạy học, tổ chức thảo luận, kiểm tra đánh giá, cán bộ, giáo viên dạy xóa mù chữ có thể dùng những động từ nêu trong bảng dưới đây hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương cho phù hợp với tình huống sư phạm, đối tượng và nhiệm vụ cụ thể giao cho học viên.

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
Biết	- Nêu được (nêu được một số tính chất của nước;...); - Kể được (kể được tên một số kênh truyền hình và nội dung phổ biến;...). - Xác định được (xác định được cơ quan sinh sản của thực vật có hoa;...). - Trình bày được (trình bày được đặc điểm của một số loại chậu trồng hoa và cây cảnh; vai trò của điện thoại;...) - Chỉ ra - Liệt kê
Hiểu	- Mô tả được (cấu tạo và hoạt động của mạch điện thấp sáng đơn giản;...); - Vẽ được (sơ đồ và ghi chú “Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên”;...). - Trình bày được (được đặc điểm của một số loại chậu trồng hoa và cây cảnh; vai trò của điện thoại;...) - So sánh được (so sánh được một số đặc điểm của chất khi tồn tại ở các trạng thái rắn, lỏng, khí;...); - Phân biệt được (hoa đơn tính và hoa lưỡng tính; đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của nam và nữ;...).
Vận dụng	- Nhận xét được (bữa ăn có cân bằng, lành mạnh không dựa vào sơ đồ tháp dinh dưỡng của trẻ em và đối chiếu với thực tế bữa ăn trong ngày ở nhà hoặc ở trường;...);

luu

	- Giải thích được (nguyên nhân gây ra ô nhiễm không khí; sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt là ở tuổi dậy thì,...); - Vận dụng được (kiến thức về tính chất cho ánh sáng truyền qua của các vật để giải thích một số hiện tượng tự nhiên và ứng dụng thực tế; kiến thức về nhu cầu sống của thực vật và động vật để đề xuất việc làm cụ thể trong chăm sóc cây trồng và vật nuôi, giải thích được tại sao cần phải làm công việc đó;...); - Thực hiện được (và vận động những người xung quanh cùng bảo vệ nguồn nước và sử dụng nước tiết kiệm;...). - Đưa ra được (giải pháp cho một số tình huống cần làm vật nóng lên hay lạnh đi; yêu cầu giúp đỡ khi bản thân hoặc bạn bè có nguy cơ bị xâm hại;...); - Đề xuất được (phương án thí nghiệm để xác định vật dẫn điện, vật cách điện;...); - Xây dựng được (nội dung và sử dụng cách trình bày phù hợp như dùng hình ảnh, sơ đồ,... để vận động mọi người cùng sống hoà hợp với thiên nhiên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học ở địa phương;...)
--	---

2. Thời lượng môn học

Thời lượng thực hiện chương trình môn Khoa học là 200 tiết, chia thành 2 kỳ (kỳ 4 là 100 tiết, kỳ 5 là 100 tiết). Ước lượng số tiết dành cho mỗi kỳ và mỗi mạch nội dung như sau:

Mạch nội dung	Kỳ IV (100 tiết)	Kỳ V (100 tiết)	Ghi chú (gợi ý số tiết)
Khoa học	50	50	
- Chất và năng lượng	10	10	
- Thực vật và động vật	10	10	

thư

- Nấm và vi khuẩn	4		
- Con người và sức khỏe	8	12	
- Sinh vật và môi trường	8	8	
- Chuyên đề tự chọn:			
+ Vệ sinh an toàn thực phẩm và một số bệnh lây truyền qua thực phẩm	10		Chọn 1 trong 2 chuyên đề
+ Đa dạng sinh học và cuộc sống	10		
+ Phòng chống lạm dụng xâm hại tình dục ở trẻ em		10	Chọn 1 trong 2 chuyên đề
+ Bảo vệ môi trường địa phương		10	
Tin học	20	20	
- Máy tính và chúng ta	10		
- Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm trên máy tính	10		
- Internet và Đạo đức, pháp luật, văn hóa trong môi trường số		10	
- Ứng dụng tin học		10	
Công nghệ	25	5	
- Công nghệ và đời sống	10	10	
- Thủ công kĩ thuật	10	10	
- Chuyên đề tự chọn:			
+ Đồ dùng điện và an toàn điện trong gia đình	5		Chọn 1 trong 2 chuyên đề
+ Làm hoa giấy, hoa vải	5		
+ Trồng cây ăn quả		5	Chọn 1 trong 2 chuyên đề
+ Lắp đặt mạng điện trong nhà		5	
Đánh giá định kỳ	5	5	

2/2021

3. Thiết bị dạy học

Thiết bị dạy học tối thiểu môn Khoa học:

- Mô hình, hiện vật, tranh ảnh,...;
- Bản đồ, lược đồ; Sơ đồ, các bảng thống kê,...;
- Máy tính, phần mềm ứng dụng;
- Các thiết bị dạy học;
- Phim video, mô phỏng;
- Các dụng cụ, thiết bị thông thường để quan sát tự nhiên;
- Một số dụng cụ thực hành;
- ...

MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

I. MỤC TIÊU MÔN HỌC

1. Mục tiêu chung

Môn Lịch sử và Địa lí Chương trình Xóa mù chữ hình thành, phát triển ở học viên năng lực lịch sử và địa lí với các thành phần: nhận thức khoa học lịch sử và địa lí; tìm hiểu lịch sử và địa lí; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học; thông qua đó hình thành, phát triển những kĩ năng lao động cần thiết trong cuộc sống.

Môn Lịch sử và Địa lí giúp học viên khám phá thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh để bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; ý thức bảo vệ thiên nhiên, giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá Việt Nam; tôn trọng sự khác biệt về văn hoá giữa các quốc gia và dân tộc, từ đó góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học; đồng thời góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Nội dung chương trình môn Lịch sử và Địa lí Chương trình Xóa mù chữ trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi về tự nhiên, dân cư, một số hoạt động kinh tế, lịch sử - văn hóa của các vùng miền trên đất nước; những quốc gia đầu tiên; những sự kiện lịch sử tiêu biểu lịch sử dân tộc; những nét khái quát về đất nước và con người Việt Nam; khái quát một số vấn đề về lịch sử và địa lí của một số quốc gia láng giềng: Trung Quốc, Lào, Campuchia; một số chuyên đề hành dụng.

2.2. Nhận biết được các hiện tượng địa lí, sự kiện lịch sử diễn ra trong cuộc sống theo mối quan hệ không gian - thời gian phạm vi mở rộng dần về không gian địa lí và không gian xã hội từ lịch sử, địa lí của vùng miền, đất nước Việt Nam đến địa lí, lịch sử của một số nước láng giềng. Từ những nguồn tư liệu, số liệu, biểu đồ, lược đồ, bản đồ,... nêu được nhận xét về đặc điểm và mối quan hệ giữa các sự kiện lịch sử và các đối tượng, hiện tượng địa lí. Vận dụng được kiến thức lịch sử và địa lí đã học để phân tích và nhận xét tác động của một sự kiện, nhân vật lịch sử và hiện tượng địa lí,... đối với cuộc sống hiện tại; cũng như góp phần giải quyết những vấn đề đặt ra của cuộc sống hiện tại.

2.3. Môn Lịch sử và Địa lí góp phần bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, tình yêu quê hương, đất nước; ý thức bảo vệ thiên

luu

nhiên, giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá Việt Nam; tôn trọng sự khác biệt về văn hoá giữa các quốc gia và dân tộc.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Lịch sử và Địa lí Chương trình Xóa mù chữ góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cho học viên theo các mức độ phù hợp với môn học đã được quy định tại Chương trình Xóa mù chữ tổng thể.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Môn Lịch sử và Địa lí hình thành và phát triển năng lực lịch sử và địa lí, biểu hiện đặc thù của năng lực khoa học với các thành phần: nhận thức khoa học lịch sử và địa lí; tìm hiểu lịch sử và địa lí; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Biểu hiện của các thành phần năng lực này được trình bày trong bảng sau:

Thành phần năng lực	Biểu hiện
NHẬN THỨC KHOA HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ	- Kể, nêu, nhận biết được các hiện tượng địa lí, sự kiện lịch sử diễn ra trong cuộc sống theo mối quan hệ không gian - thời gian; một số giá trị, truyền thống kết nối con người Việt Nam. - Trình bày được một số nét chính về lịch sử và địa lí vùng miền, đất nước. - Nêu được cách thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên. - Trình bày và mô tả được một số nét chính về lịch sử và địa lí của vùng miền, đất nước.
TÌM HIỂU LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ	- Biết quan sát, tra cứu tài liệu để tìm thông tin tìm hiểu về các sự kiện lịch sử và hiện tượng địa lí; - Từ những nguồn tư liệu, số liệu, biểu đồ, lược đồ, bản đồ,... nêu được nhận xét về đặc điểm và mối quan hệ giữa các sự kiện lịch sử và các đối tượng, hiện tượng địa lí. - Trình bày được ý kiến của mình về một số sự kiện, nhân vật lịch sử và hiện tượng địa lí,... - So sánh, phân biệt được sự đa dạng về tự nhiên, dân cư, lịch sử, văn hoá ở một số vùng miền; nhận xét được tác động của thiên nhiên đến hoạt động sản xuất của con người và tác động của con người đến tự nhiên. - Biết đọc lược đồ, biểu đồ, bản đồ tự nhiên, dân cư, ... ở mức đơn giản.
VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG	- Xác định được vị trí của một địa điểm, một phạm vi không gian trên bản đồ; sử dụng được đường thời gian để biểu diễn tiến trình phát triển của sự kiện, quá trình lịch sử.

Handwritten signature

ĐÃ HỌC	- Sử dụng được biểu đồ, số liệu... để nhận xét về một số sự kiện lịch sử, hiện tượng địa lí - Vận dụng được kiến thức lịch sử và địa lí đã học để phân tích và nhận xét ở mức độ đơn giản tác động của một sự kiện, nhân vật lịch sử và hiện tượng địa lí,... đối với cuộc sống hiện tại. - Đề xuất được ý tưởng và thực hiện được một số hành động như: sử dụng tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá,...
---------------	---

III. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

Mạch nội dung	Chủ đề	Kỳ 1	Kỳ 5
CÁC VÙNG MIỀN TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM	Trung du và miền núi Bắc Bộ Thiên nhiên Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá Đền Hùng và lễ giỗ Tổ Hùng Vương	X	
	Đồng bằng Bắc Bộ Thiên nhiên Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá Thăng Long - Hà Nội Văn Miếu - Quốc Tử Giám	X	
	Duyên hải miền Trung Thiên nhiên Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá Cố đô Huế	X	
	Tây Nguyên Thiên nhiên Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá Lễ hội Cồng Chiêng Tây Nguyên		X

chưa

	Nam Bộ Thiên nhiên Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá Thành phố Hồ Chí Minh		x
ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM	Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính Thiên nhiên Việt Nam Biển, đảo Việt Nam Dân cư và dân tộc ở Việt Nam		x x x x
MỘT SỐ SỰ KIỆN TIÊU BIỂU TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM	Các quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam Văn Lang, Âu Lạc, Phù Nam, Champa		
	Xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam Đấu tranh giành độc lập thời kỳ Bắc thuộc Triều Lý và việc định đô ở Thăng Long Triều Trần và kháng chiến chống quân Mông – Nguyên Khởi nghĩa Lam Sơn và triều Lê Triều Nguyễn Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời Cách mạng tháng Tám năm 1945 Chiến dịch Điện Biên phủ năm 1954 Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975		x x x x
Các nước láng giềng	Các nước láng giềng: Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc); Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào; Vương quốc Campuchia.		x

leu

Các chuyên đề hành dụng	Thiên nhiên và con người tại địa phương. Bảo vệ môi trường tại địa phương. Tìm hiểu một số nhân vật lịch sử tiêu biểu trong lịch sử dân tộc		x
--------------------------------	---	--	---

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp

KỲ 4

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CÁC VÙNG MIỀN TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM	
TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ	
Thiên nhiên	- Xác định được vị trí địa lí và một số địa danh tiêu biểu (ví dụ: dãy núi Hoàng Liên Sơn, cao nguyên Mộc Châu,...) của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ. - Quan sát lược đồ, tranh ảnh, trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, hoặc sông ngòi, hoặc khí hậu...) của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. - Nêu được một cách đơn giản ảnh hưởng của địa hình, khí hậu, sông ngòi đối với đời sống và sản xuất của người dân ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.
Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá	- Kể được tên một số dân tộc sinh sống ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ. - Nêu được một số cách thức khai thác tự nhiên (ví dụ: làm ruộng bậc thang, trồng cây công nghiệp và cây ăn quả, xây dựng công trình thủy lợi, khai thác khoáng sản...). - Mô tả được một số lễ hội văn hoá của các dân tộc ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ (ví dụ: lễ hội Gầu Tào, hát Then, múa xoè Thái, lễ hội Lồng Tồng, chợ phiên vùng cao,...).
Đền Hùng và lễ giỗ	- Trình bày được những nét sơ lược về Đền Hùng và Lễ hội giỗ Tổ Hùng Vương.

chưa

Tổ Hùng Vương	
ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ	
Thiên nhiên	- Xác định được vị trí địa lí của vùng đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ. - Quan sát lược đồ, tranh ảnh, mô tả được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, đất đai, sông ngòi,...) của vùng đồng bằng Bắc Bộ. - Nêu được một số thuận lợi và khó khăn của địa hình, sông ngòi đối với sản xuất và đời sống ở vùng đồng bằng Bắc Bộ.
Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá	- Nhận xét và giải thích được ở mức độ đơn giản sự phân bố dân cư ở vùng đồng bằng Bắc Bộ thông qua bản đồ hoặc lược đồ phân bố dân cư. - Mô tả được một số hoạt động sản xuất truyền thống (trồng lúa nước, nghề thủ công,...) ở đồng bằng Bắc Bộ. - Mô tả được một số nét văn hoá ở làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ.
Thăng Long - Hà Nội	- Xác định được vị trí địa lí của Thăng Long - Hà Nội trên bản đồ hoặc lược đồ. - Kể được câu chuyện lịch sử về sự tích Hồ Gươm, Hoàng Diệu chống thực dân Pháp, chuyện Hà Nội đánh Mỹ. - Sử dụng các nguồn tư liệu lịch sử và địa lí, nêu được Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam.
Văn Miếu - Quốc Tử Giám	- Kể tên một số công trình tiêu biểu: Khuê Văn Các, nhà bia tiến sĩ, Văn Miếu, Quốc Tử Giám và nhận xét được truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam.
DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG	
Thiên nhiên	- Xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vị trí địa lí, một số địa danh tiêu biểu (ví dụ: dãy núi Trường Sơn, dãy núi Bạch Mã, đèo Hải Vân, vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng,...) của vùng duyên hải miền Trung. - Quan sát lược đồ hoặc bản đồ, tranh ảnh, trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví

leu

	dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi,...) của vùng duyên hải miền Trung. - Nêu được một số tác động của môi trường thiên nhiên đối với đời sống và hoạt động sản xuất trong vùng.
Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá	- Nêu được một số hoạt động kinh tế biển ở vùng duyên hải miền Trung (làm muối, đánh bắt và nuôi trồng hải sản, du lịch biển, giao thông đường biển,...). - Trình bày được một số điểm nổi bật về văn hoá của vùng duyên hải miền Trung.
Cố đô Huế	- Mô tả được vẻ đẹp của cố đô Huế qua hình ảnh sông Hương, núi Ngự và một số công trình tiêu biểu như: Kinh thành Huế, Chùa Thiên Mụ...
MỘT SỐ SỰ KIỆN TIÊU BIỂU TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM	
CÁC QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM	
Văn Lang, Âu Lạc, Phù Nam, Champa	- Trình bày được sự ra đời của quốc gia Văn Lang, Âu Lạc, Phù Nam; kể được tên một số đền tháp Champa còn lại cho đến ngày nay. - Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử về <i>Son Tinh- Thủy Tinh, Thánh Gióng, Sự tích nỏ thần...</i> mô tả được đời sống kinh tế và công cuộc đấu tranh bảo vệ nước Văn Lang, Âu Lạc.
XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM	
Đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc	- Kể lại được một số câu chuyện về khởi nghĩa Hai Bà Trưng và chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền.
Triều Lý và việc định đô ở Thăng Long	- Kể lại được sự kiện Lý Công Uẩn rời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long.
Triều Trần và kháng chiến chống Mông - Nguyên	- Trình bày cuộc kháng chiến của nhà Trần chống quân Mông - Nguyên thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: Trần Nhân Tông, Trần Quốc Tuấn....).

Handwritten signature

Khởi nghĩa Lam Sơn và triều Hậu Lê	- Nêu một số nét chính về khởi nghĩa Lam Sơn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: Lê Lợi; Nguyễn Trãi, Lê Lai ...). - Kể lại được chiến thắng Chi Lăng có sử dụng tư liệu lịch sử : câu chuyện về Chi Lăng, Liễu Thăng, lược đồ, tranh ảnh.... - Trình bày những nét chính về lịch sử Việt Nam thời Hậu Lê thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử (ví dụ: Vua Lê Thánh Tông, Lương Thế Vinh, Ngô Sĩ Liên...)
Triều Nguyễn	- Kể được kinh đô của triều Nguyễn và nêu được những đóng góp của nhà Nguyễn trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

KỲ 5

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CÁC VÙNG MIỀN TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM	
TÂY NGUYÊN	
Thiên nhiên	- Xác định được vị trí địa lí của vùng Tây Nguyên, các cao nguyên ở Tây Nguyên trên bản đồ hoặc lược đồ. - Quan sát lược đồ hoặc bản đồ, mô tả được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, đất đai, khí hậu, rừng,...) của vùng Tây Nguyên. - Nêu được một số ảnh hưởng của đặc điểm thiên nhiên đối với đời sống và hoạt động sản xuất trong vùng.
Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá	- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Tây Nguyên. - Trình bày được một số hoạt động kinh tế chủ yếu ở vùng Tây Nguyên (ví dụ: trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, phát triển thủy điện,...). - Mô tả được một số nét chính về văn hoá các dân tộc ở vùng Tây Nguyên.
Lễ hội Cồng Chiêng Tây Nguyên	Mô tả được những nét chính về lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.

Handwritten signature

NAM BỘ	
Thiên nhiên	- Xác định được vị trí địa lí của vùng Nam Bộ, một số con sông lớn của vùng Nam Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ. - Quan sát lược đồ hoặc bản đồ, mô tả được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, đất và sông ngòi,...) ở vùng Nam Bộ. - Nêu được một số ảnh hưởng của đặc điểm thiên nhiên đối với đời sống và hoạt động sản xuất trong vùng.
Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá	- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Nam Bộ. - Trình bày được một số hoạt động sản xuất của người dân ở vùng Nam Bộ (ví dụ: sản xuất lúa, nuôi trồng thủy sản,...). - Mô tả được sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân thông qua một số nét văn hoá tiêu biểu (ví dụ: nhà ở, chợ nổi, vận tải đường sông,...).
Thành phố Hồ Chí Minh	- Xác định được vị trí địa lí của Thành phố Hồ Chí Minh trên bản đồ hoặc lược đồ. - Trình bày được một số sự kiện lịch sử có liên quan đến Thành phố Hồ Chí Minh, có sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử, như: chuyện về bến cảng Nhà Rồng, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước,.. - Sử dụng tư liệu lịch sử và địa lí, nêu được Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam.
ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM	
Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính	- Xác định được vị trí địa lí của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ. - Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với tự nhiên và hoạt động sản xuất. - Mô tả được hình dạng lãnh thổ phần đất liền của Việt Nam. - Liệt kê được số lượng đơn vị hành chính của Việt Nam, kể được tên một số tỉnh, thành phố của Việt Nam.

Thiên nhiên Việt Nam	- Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, rừng,...). - Nêu được vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế. - Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng chống thiên tai.
Biển, đảo Việt Nam	- Xác định được vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ.
Dân cư và dân tộc ở Việt Nam	- Nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á. - Nhận xét được sự gia tăng dân số và nêu được một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh, có sử dụng bản đồ, tranh ảnh, biểu đồ hoặc bảng số liệu. - Kể được tên một số dân tộc ở Việt Nam.
MỘT SỐ SỰ KIỆN TIÊU BIỂU TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM	
XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM	
Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 3/2/1930	- Kể được sự kiện thành lập Đảng ngày 3/2/1930 và vai trò của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong việc sáng lập Đảng. - Trình bày ý nghĩa của việc Đảng ta ra đời đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.
Cách mạng tháng Tám năm 1945	- Trình bày sự kiện Bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 2/9/1945. - Nêu được ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.
Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954	- Chỉ được vị trí của Điện Biên Phủ trên bản đồ và trình bày về chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 có sử dụng tư liệu lịch sử (lược đồ, tranh ảnh và các câu chuyện về kéo pháo ở Điện Biên Phủ, chuyện bắt sống tướng De Castries,...). - Kể lại được một số câu chuyện về một số anh hùng trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 (ví dụ: Phan Đình Giót, Tô Vĩnh Diện, Bế Văn Đàn, ...).

Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975	- Trình bày được diễn biến chính của chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, sử dụng lược đồ, tư liệu lịch sử (tranh ảnh, câu chuyện ,...). - Kể lại được một số câu chuyện về chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 (tiến vào Dinh Độc lập....). - Nêu được ý nghĩa của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử và sự thống nhất đất nước.
THẾ GIỚI	
CÁC NƯỚC LÁNG GIỀNG	
Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc)	- Trình bày được vị trí địa lí của Trung Quốc trên bản đồ. - Nêu được một số đặc điểm cơ bản về điều kiện tự nhiên và cư dân và văn hóa của Trung Quốc.
Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào	- Trình bày được vị trí địa lí của Lào trên bản đồ. - Nêu được một số đặc điểm cơ bản về điều kiện tự nhiên và cư dân và văn hóa của nước Lào.
Vương quốc Campuchia	- Trình bày được vị trí địa lí của Campuchia trên bản đồ. - Nêu được một số đặc điểm cơ bản về điều kiện tự nhiên và cư dân và văn hóa của Campuchia.

CÁC CHUYÊN ĐỀ HÀNH DỤNG

Chuyên đề	Yêu cầu cần đạt
Thiên nhiên và con người tại địa phương	- Trình bày ảnh hưởng của một số thành phần của thiên nhiên (địa hình, sông ngòi, khí hậu, đất,...) đối với đời sống và hoạt động sản xuất của con người tại địa phương. - Liệt kê được các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với đặc điểm thiên nhiên tại địa phương. - Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên tại địa phương.
Bảo vệ môi trường tại địa phương	- Nêu được một số vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống con người. - Liệt kê và trình bày được một số vấn đề môi trường (ví dụ: thiên tai, biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường,...) ở Việt Nam. Liên hệ thực tế tại địa phương. - Đề xuất được một số biện pháp bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai tại địa phương.

Handwritten signature

Tìm hiểu một số nhân vật lịch sử tiêu biểu trong lịch sử dân tộc	- Kể được tên một số nhân vật lịch sử tiêu biểu của dân tộc Việt Nam. - Sưu tầm tranh, ảnh, các tư liệu lịch sử để trình bày về tiểu sử, thân thế, sự nghiệp và những đóng góp của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu.
---	--

IV. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Định hướng chung

Quan điểm chủ đạo: tổ chức dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm.

- GV đưa ra các nhiệm vụ học tập với các câu hỏi phù hợp trên cơ sở tổ chức cho học viên quan sát mẫu vật, tranh ảnh, khai thác các nguồn tư liệu bổ trợ.

- Tạo cơ hội cho học viên huy động những hiểu biết, kinh nghiệm sẵn có để tham gia hình thành kiến thức mới.

- Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học viên và điều kiện cụ thể. Kết hợp các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại,...) với phương pháp dạy học tích cực (thảo luận, tranh luận, đóng vai, dự án,...).

- Sử dụng hợp lý và có hiệu quả các thiết bị dạy học trong đó chú trọng các loại hình: mô hình hiện vật, tranh lịch sử, bản đồ, sơ đồ, các bản thống kê, so sánh,...; phim video.

- Thiết kế các tình huống có vấn đề, đặc biệt là những tình huống thường xảy ra trong thực tế, đời sống gắn với môi trường sản xuất và sinh hoạt của học viên, tạo điều kiện để học viên tham gia tích cực vào việc giải quyết vấn đề của bài học và vận dụng kiến thức đã học vào thực tế đời sống.

2. Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

2.1. Thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập, giáo viên giúp học viên hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu như: yêu quý thiên nhiên, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường sinh thái xung quanh, yêu quý cộng đồng, yêu quê hương, quý trọng lịch sử và văn hoá dân tộc Việt Nam, tôn trọng sự khác biệt về văn hoá giữa các quốc gia và dân tộc trên thế giới.

2.2. Giáo viên tổ chức cho học viên thực hiện các hoạt động học tập nhằm góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung đã được xác định trong Chương trình tổng thể, cụ thể:

- Đối với năng lực tự chủ và tự học: Khuyến khích và tạo điều kiện cho học viên tự mình thực hiện những nhiệm vụ được

leu

phân công khi học tập, tham quan; biết đặt ra các câu hỏi đơn giản, tự tìm kiếm và phân tích nguồn thông tin, trả lời câu hỏi về lịch sử và địa lí.

- Đối với năng lực giao tiếp và hợp tác: Khuyến khích và hướng dẫn học viên diễn đạt rõ ràng ý kiến của mình, tự tin khi đưa ra ý kiến, trao đổi, thảo luận khi có các quan điểm khác nhau; làm việc theo nhóm, chia sẻ suy nghĩ, lắng nghe ý kiến của người khác, cùng nhau xây dựng ý tưởng trong quá trình học tập các vấn đề về lịch sử và địa lí.

- Đối với năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Khuyến khích và hướng dẫn học viên phát hiện một số vấn đề trong cuộc sống xung quanh, đặt câu hỏi, tìm thông tin, thực hiện các thao tác phân tích, tổng hợp, giải thích, so sánh,... trong giải quyết vấn đề; đưa ra ý kiến, nhận xét, bình luận theo các cách khác nhau về các vấn đề địa lí và lịch sử trong cuộc sống xung quanh.

3. Phương pháp hình thành và phát triển năng lực đặc thù

Môn Lịch sử và Địa lí chú trọng tổ chức các hoạt động dạy học để giúp học viên tự tìm hiểu, tự khám phá; tăng cường phối hợp tự học với học tập, thảo luận theo nhóm, đóng vai, làm dự án nghiên cứu; đa dạng hoá các hình thức tổ chức học tập, kết hợp việc học trên lớp với các hoạt động xã hội; tổ chức, hướng dẫn và tạo cơ hội cho học viên thực hành, trải nghiệm, tiếp xúc với thực tiễn để tìm kiếm, thu thập thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề.

Trong dạy học lịch sử, chú trọng lối kể chuyện, dẫn chuyện. Giáo viên giúp cho học viên làm quen với lịch sử địa phương, lịch sử dân tộc, lịch sử khu vực và thế giới thông qua việc kết hợp giữa kiến thức lịch sử cơ bản và các câu chuyện lịch sử; tạo cơ sở để học viên bước đầu nhận thức về khái niệm thời gian, không gian; đọc hiểu các nguồn sử liệu đơn giản về sự kiện, nhân vật lịch sử;... Đối với địa lí, dạy học gắn liền với việc khai thác kiến thức từ các nguồn tư liệu lược đồ, bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, hình ảnh, số liệu; chú trọng dạy học khám phá, quan sát thực địa; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của học viên như: thảo luận, đóng vai, làm dự án nghiên cứu,... nhằm khơi dậy và nuôi dưỡng trí tò mò, sự ham hiểu biết khám phá của học viên đối với thiên nhiên và đời sống xã hội, từ đó hình thành năng lực tự học và khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn.

Rèn luyện cho học viên biết cách sử dụng sách giáo khoa và các tài liệu học tập; phương pháp dạy học phù hợp theo định hướng phát triển năng lực người học, phát huy tính tích cực, chủ động và kiến thức, trải nghiệm vốn có của người học, tổ chức hoạt động học tập phù hợp với đặc trưng bộ môn và đặc điểm của người học. Tùy theo điều kiện cụ thể ở địa phương, giáo viên

Handwritten signature

tổ chức các hoạt động dạy học ở ngoài lớp học như gặp gỡ các cá nhân, tập thể đã trực tiếp tham gia vào các sự kiện lịch sử, các hoạt động xã hội; tham quan các cảnh quan, di tích lịch sử - văn hoá, triển lãm, bảo tàng;..

V. ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC

1. Mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình và sự tiến bộ của học viên để hướng dẫn hoạt động học và điều chỉnh hoạt động dạy, hoạt động quản lí.

2. Phương châm đánh giá là khuyến khích được sự say mê học tập, tìm hiểu, khám phá các vấn đề có liên quan đến môn học, giúp học viên tự tin, chủ động sáng tạo và chăm chỉ học tập.

3. Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong Chương trình tổng thể và chương trình môn Lịch sử và Địa lí; chú trọng khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng của học viên trong những tình huống cụ thể.

4. Bên cạnh đánh giá kiến thức, kĩ năng, cần tăng cường và áp dụng biện pháp thích hợp để đánh giá thái độ của học viên trong học tập; chú trọng xem xét sự hiểu biết của học viên về lịch sử, địa lí của địa phương, vùng miền, đất nước; hiểu biết bước đầu về thế giới và khả năng vận dụng những kiến thức lịch sử, địa lí để tìm hiểu môi trường xung quanh, vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

5. Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì; giữa đánh giá định tính và định lượng; giữa đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của học viên.

6. Sử dụng các hình thức đánh giá khác nhau: đánh giá thông qua bài viết: 01 bài kiểm tra định kì

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải thích thuật ngữ

Chương trình xóa mù chữ môn Lịch sử và Địa lí sử dụng các động từ hành động để thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của học viên. Một số động từ được sử dụng lặp lại ở các mức độ khác nhau, nhưng trong mỗi trường hợp thể hiện đối tượng, độ phức tạp và độ khó khác nhau. Trong bảng tổng hợp dưới đây, đối tượng, độ phức tạp và độ khó của mỗi hành động được chỉ dẫn bằng các từ ngữ đặt trong ngoặc đơn. Khi ra đề kiểm tra, giáo viên có thể thay thế các động từ trong bảng tổng hợp bằng động từ có nghĩa tương đương cho phù hợp với tình huống sự phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho học viên.

leul

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
Biết	– Xác định được (vị trí địa lí của vùng miền, quốc gia, châu lục; vị trí một số đối tượng địa lí, địa điểm lịch sử trên bản đồ, lược đồ).
Hiểu	– Trình bày được đặc điểm cơ bản của đối tượng địa lí, sự phân bố đối tượng địa lí; diễn trình của các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử (từ đơn giản đến phức tạp).
	– Mô tả được (đặc điểm cơ bản của địa hình, khí hậu, sông ngòi, một số nét văn hoá, hoạt động sản xuất,...; một số nét cơ bản về sự kiện, nhân vật lịch sử, di tích lịch sử, lễ hội,...).
	– Sử dụng bản đồ, lược đồ, các thông tin trên biểu đồ nêu được một số thông tin địa lí, sự kiện lịch sử,...
	– Trình bày được (ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên, sự thích ứng của con người với thiên nhiên, một số khó khăn do thiên nhiên gây ra; ý nghĩa của một sự kiện, hiện tượng lịch sử, địa lí; mối quan hệ giữa các sự kiện lịch sử, hiện tượng địa lí).
	– Nêu được (tác động của tự nhiên đến sản xuất và đời sống của con người; ý nghĩa của sự kiện lịch sử, vai trò của một nhân vật lịch sử; nhận xét của cá nhân về các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử trên cơ sở nhận thức và tư duy lịch sử,...).
Vận dụng	– Tìm hiểu được, khám phá được (một hiện tượng địa lí, lịch sử thông qua tài liệu và tham quan, khảo sát); đặt được câu hỏi (về một vấn đề); liên hệ được (thực tế địa phương).
	– Đưa ra được (một số biện pháp phòng tránh thiên tai, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở một vùng cụ thể).
	– Vận dụng được (điều đã học) vào trường hợp cụ thể, hoàn cảnh cụ thể.
	– Đề xuất được ở mức độ đơn giản (giải pháp).

2. Thời lượng thực hiện chương trình

Thời gian dành cho mỗi lớp học là 55 tiết/kỳ. Kỳ 5 có 10 tiết chuyên đề hành động, lựa chọn 2 trong 3 chuyên đề để học bắt buộc. Các mạch nội dung “Các vùng miền trên đất nước Việt Nam” và “Một số sự kiện tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam” được tổ chức dạy học trong kỳ 4 và kỳ 5.

Dự kiến thời lượng dành cho mỗi mạch nội dung được trình bày trong bảng sau:

Mạch nội dung	Chủ đề	Kỳ 4 (Số tiết)	Kỳ 5 (Số tiết)
Các vùng miền trên đất nước Việt Nam	Trung du và miền núi Bắc Bộ	8	
	Đồng bằng Bắc Bộ	10	
	Duyên hải miền Trung	8	
	Tây Nguyên		8
	Nam Bộ		9
Đất nước và con người Việt Nam	Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính Thiên nhiên Việt Nam Biển, đảo Việt Nam Dân cư và dân tộc ở Việt Nam	8	
Một số sự kiện tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam	Các quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam Văn Lang, Âu Lạc, Phù Nam, Champa	6	
	Xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam Đấu tranh giành độc lập thời kỳ Bắc thuộc Triều Lý và việc định đô ở Thăng Long Triều Trần và kháng chiến chống quân Mông – Nguyên Khởi nghĩa Lam Sơn và triều Hậu Lê Triều Nguyễn	13	
	Xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930 Cách mạng tháng Tám năm 1945		15

thư viện

	Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975		
Thế giới	Các nước láng giềng: Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc); Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào; Vương quốc Campuchia.		10
Các chuyên đề hành dụng	Thiên nhiên và con người Bảo vệ môi trường tại địa phương Các nhân vật lịch sử của dân tộc Việt Nam		10
Kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ		2	2
Tổng cộng		55	55

3. Thiết bị dạy học

Bộ thiết bị dạy học tối thiểu môn Lịch sử và Địa lí bao gồm:

- Mô hình hiện vật, tranh ảnh lịch sử, địa lí, băng ghi âm lời nói của các nhân vật lịch sử,...;
- Bản đồ, lược đồ;
- Sơ đồ, các bảng thống kê,...;
- Phim video;
- Các phiếu học tập có các nguồn sử liệu;
- Phần mềm dạy học (nghiên cứu và từng bước sử dụng rộng rãi).

Thiết bị dạy học môn Lịch sử và Địa lí là các nguồn tư liệu phong phú, cụ thể, sinh động, giàu hình ảnh và giàu sức thuyết phục, không chỉ nhằm minh hoạ bài giảng của giáo viên mà còn hỗ trợ giáo viên tổ chức các hoạt động học tập, tự tìm tòi tri thức lịch sử, địa lí của học viên một cách tích cực, sáng tạo. Giáo viên tạo điều kiện cho học viên làm việc trực tiếp với các thiết bị dạy học theo phương châm: Hãy để cho học viên tiếp xúc nhiều hơn với các thiết bị, suy nghĩ nhiều hơn, làm việc nhiều hơn và trình bày ý kiến của mình nhiều hơn.